

HUỆ KHẢI

TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ



Nhiên Đăng Cổ Phật là một vị Phật rất xa xưa, không biết có từ bao giờ, có thể là có trước khi tạo thiên lập địa. Nhiên Đăng có thể gọi là ngôi Thái Cực, hoặc đèn Thái Cực soi sáng, đem lại sự ấm áp cho vũ trụ trước khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa. Nhiên Đăng có thể gọi là linh hồn của vũ trụ. Đối với con người thì Nhiên Đăng có thể gọi là tâm đặng. Tâm đặng luôn luôn bất diệt nơi trung tâm điểm của mỗi con người.



4. **Dipankara**: Nepal, thế kỷ 19, tài sản Shivaji Museum, Mumbai, Ấn Độ.
 Ảnh: tỳ khưu **Anandajoti**, thành phố Sadao, tỉnh Songkhla, Thái Lan.



1. **Dipankara**: Nepal, thế kỷ 17, đồng đỏ mạ vàng, tráng men màu, cẩn đá bán bảo (semiprecious). Ảnh: **Mark Mauno**, 20-12-2008.



2. Dipankara: Nepal, khoảng thế kỷ 19, đồng thiếc mạ vàng, cao 44 cm, ngang 25,4 cm, tài sản **Asian Art Museum**.
Ảnh: <https://globalnepalimuseum.com>



3. Nhiên Đăng: Trung Hoa, đời Bắc Ngụy, năm Thái Hòa 太和 mười chín (495), bia sa thạch, cao 322,6 cm, ngang 190,5 cm, dày 71,1 cm, bệ 348 cm.
Ảnh: <https://www.metmuseum.org>

TÌM HIỂU BÀI KINH
HỒN ĐỘN TÔN SƯ

Tủ Sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO – Quyển **138.1** trong
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
hướng về một trăm năm đạo Cao Đài (1926-2026)



Dipankara: Tây Tạng, 1662, đồng thiếc mạ vàng.
Ảnh: <https://risdmuseum.org/>

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Tủ Sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO
hướng về một trăm năm đạo Cao Đài (1926-2026)

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ

LÊ ANH MINH hiệu đính.

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2022



TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ

Ấn tổng lần thứ nhất một ngàn quyển
trong Tủ Sách NGHIÊN CỨU ĐẠI ĐẠO
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
do công quả **mười lăm triệu đồng** của:

Hiền huynh **ĐÀO THÚY LIỄU**.

Tu học tại hải ngoại. Gởi đợt 172.

Cùng kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ siêu thăng.

Hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh pháp trung hưng,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Kinh sách được ấn tổng để kính biểu rộng rãi là nhờ biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

Ban Tu Thư & Ấn Tổng

MỤC LỤC

Giao cảm	6
1. Về cách đặt nhan đề bốn bài kinh cúng tứ thời xưng tán Đức Nhiên Đăng Cổ Phật	7
2. Chú giải bài <i>Hỗn Động Tôn Sư</i>	10
3. THÁNH GIÁO: Nhiên Đăng Cổ Phật là gì ?	33
4. PHỤ ĐÍNH: Trung Tâm Điểm Của Mỗi Con Người	
PHỤ LỤC:	42
1. Đức Chí Tôn giải nghĩa <i>Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo</i>	43
2. Chú giải <i>Bài Niệm Hương</i>	63
3. Chú giải <i>Bài Khai Kinh</i>	81
4. Chú giải bốn bài <i>Dụng Tam Bửu</i>	87
5. Chú giải <i>Ngũ Nguyên</i>	101

Ảnh bìa: Dipankara – Tây Tạng, thế kỷ 18, đồng thếp mạ vàng,
cao 13,5 cm. Ảnh: <https://himalayanbuddhistart.wordpress.com>

H UỆ K H Ả I Lê Anh Dũng giữ bản quyền
All rights reserved © 2022

GIAO CẢM

Qua Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, tôi xuất bản *TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO* (2009, tái bản 2010). Kế đến, tôi xuất bản *TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN* (2011, tái bản 2012). Như vậy, về kinh cúng tứ thời, tôi chỉ mới phổ biến được phần khảo cứu ba bài xưng tán Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, và Đức Khổng Thánh Tiên Sư; hãy còn thiếu bài kinh xưng tán Đức Nhiên Đăng Cổ Phật (*Hỗn Động Tôn Sư / Càn khôn chủ tế...*). Sau đây, tạm gọi bài kinh này là bài *Hỗn Động Tôn Sư*.

Vì mãi vẫn chưa tìm được bản chữ Nho nào có thể là nguồn gốc bài *Hỗn Động Tôn Sư* nên tôi cứ lần lữa, chưa muốn xuất bản phần khảo cứu bài kinh này. Tuy nhiên, trước nhu cầu tìm hiểu kinh cúng tứ thời của đạo hữu gần xa, và bản thân luôn áy náy vì đã trì hoãn quá nhiều năm, nay tôi ấn tống *TÌM HIỂU BÀI KINH HỖN ĐỘNG TÔN SƯ*. Để cho đủ các bài cúng tứ thời, trong Phụ Lục tôi kèm thêm chú giải *Bài Niệm Hương, Bài Khai Kinh, Dụng Tam Bửu, và Ngũ Nguyên*.

Xin cầu nguyện Thầy Mẹ ban ơn lành đến quý đạo hữu.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

HUỆ KHẢ I
Phú Nhuận, tháng 02-2022

VỀ CÁCH ĐẶT NHAN ĐỀ BÀI KINH CÚNG TƯ THỜI XƯNG TÁN ĐỨC NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT

Trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài có bài xưng tán Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, được in bằng chữ quốc ngữ và đọc theo âm Hán Việt. Tôi chưa tìm được bản gốc chữ Hán của bài kinh này.

Mượn bốn chữ mở đầu bài kinh, tôi tạm đặt nhan đề là *Hồn Độn Tôn Sư*. Lý do như dưới đây.

Nhan đề bài kinh này vốn không nhất quán giữa các hội thánh, thánh sở, hay tác giả. Chẳng hạn:

- *Phật Giáo chí tâm quy mạng lễ; Phật Giáo chí tâm kinh; Phật Giáo chí tâm...*

- *Thích Giáo chí tâm quy mạng lễ; Thích Giáo chí tâm kinh; Thích Giáo chí tâm...*

Qua các cách đặt nhan đề như vậy, có đôi điều cần xem lại:

1. Bài *Hồn Độn Tôn Sư* trong kinh cúng tứ thời không thể gọi là *Thích Giáo*, vì bài này xưng tán *Đức Nhiên Đăng Cổ Phật* (*Dipankara*) thời *Nhứt Kỳ Phổ Độ* chứ không xưng tán *Đức Thích Ca Mâu Ni* (*Śākyamuni*) thời *Nhị Kỳ Phổ Độ*.

2. Các cách gọi *chí tâm kinh*, *chí tâm* thật ra chỉ là rút gọn

cụm từ *chí tâm quy mạng lễ*. Lẽ ra không nên làm như thế.

3. Không nên đưa *chí tâm quy mạng lễ* vào làm nhan đề các bài kinh xưng tán này.

Các bài kinh tụng của đạo Lão xưng tán công đức và oai linh các Đấng thiêng liêng thường khởi đầu bằng cụm từ *chí tâm quy mạng lễ*, như một công thức (*formula*) có tính cách nhắc nhở tín đồ phải khép mình, cung kính khi hành lễ trước bàn thờ. Thuật ngữ đạo Lão gọi phần này là *khoa nghi* 科儀.

Chí tâm quy mạng lễ nghĩa là gì?

Một cách thức của kinh văn đạo Lão là mở đầu với bài *bửu cáo* 寶誥 (lời răn dạy quý báu của bề trên: *precious admonition*). Chẳng hạn, bài *Đấu Mỗ Bảo Cáo* mở đầu như sau:

斗姥寶誥

志心皈命禮

西天竺國. 大智光中. 眞空妙相法王師. 無上玄元天姥主 ...⁽¹⁾

ĐẤU MỖ BẢO CÁO

Chí tâm quy mệnh lễ

Tây Thiên Trúc Quốc. Đại trí quang trung. Chơn không diệu tướng pháp vương sư. Vô thượng huyền nguyên thiên mỗ chủ. (...)

Mỗi bài bửu cáo mở đầu với câu “Chí tâm quy mạng lễ”. Các bản kinh chữ Hán thường viết câu này theo bốn cách sau: 至心皈命禮 / 志心皈命禮 / 志心歸命禮 / 至心歸命禮.

Tuy nhiên, thay vì viết 志心, hãy viết 至心 mới đúng.

⁽¹⁾ <http://www.ctcwri.idv.tw/INDEXA2/A204/22.html>

Quyển Ngọc Hoàng Bốn Hạnh Kinh Tập Hợp Chú 玉皇本行經
集合注 giải thích:

“Chí tâm 至心 là thành khác 誠恪 (trung thành cung kính
忠誠恭敬; chân thành nghiêm túc 真誠嚴肅), không hai lòng
(bất nhị chí ý 不二之意).⁽²⁾ Các bản kinh lưu truyền thể gian
viết 志心 thì không đúng. Chí tâm 志心 là tâm ý kiên quyết
心意堅決,⁽³⁾ còn chí tâm 至心 là có lòng thành khẩn vô cùng
đối với Thần Tiên (hữu đối Tiên Chân cực vi thành khẩn
有對仙真極為誠懇); nghĩa là một lòng không hai (nhứt tâm
bất nhị 一心不二),⁽⁴⁾ cho nên dùng từ chí tâm 至心 mới
đúng.⁽⁵⁾

Chữ 皈 (quy) dùng thông với 歸 (quy), nghĩa là đi theo, noi
theo, tuân theo (complying with, following). 皈命 (歸命) quy
mạng nghĩa là quy thuận 歸順, tuân phục (paying obedience).

Chữ 禮 (lễ): hành lễ, lạy (kowtowing).

⁽²⁾ trung thành cung kính: *sincere and respectful*; chân thành
nghiêm túc: *sincere and solemn*; không hai lòng (bất nhị chí ý):
loyal, faithful.

⁽³⁾ tâm ý kiên quyết: *resolute intention*.

⁽⁴⁾ nhứt tâm bất nhị: *wholehearted and loyal*.

⁽⁵⁾ Ngọc Hoàng Bốn Hạnh Kinh Tập Hợp Chú giải thích: “Chí tâm
至心”, nãi thành khác bất nhị chí ý, thể bốn tác “chí tâm 志心” giả
phi. “Chí tâm 志心” thị tâm ý kiên quyết chí ý, nhi “chí tâm 至心”
tắc hữu đối Tiên Chân cực vi thành khẩn, nhứt tâm bất nhị đích ý
tứ, cố ứng tác “chí tâm 至心” vi nghi. (Lê Anh Minh chú)

“玉皇本行經集合注” 解釋: “至心”, 乃誠恪不二之意, 世本作
“志心” 者非. “志心” 是心意堅決之意, 而 “至心” 則有對仙真極為
誠懇, 一心不二的意思, 故應作 “至心” 為宜.

Chí tâm quy mạng lễ nghĩa là đem trọn cả lòng thành
tuân phục cúi lạy (*Wholeheartedly paying obedience and
kowtowing*).

CHÚ GIẢI BÀI HỖN ĐỘN TÔN SƯ

PHÂN CÂU

* Các bản in trước đây thường xuống dòng như sau:

Huệ đặng bất diệt,
Chiếu tam thập lục thiên chi quang minh.
Đạo pháp trường lưu,
Khai cứu thập nhị tào chi mê muội.

Tôi phân lại:

Huệ đặng bất diệt, chiếu tam thập lục thiên chi quang minh.
Đạo pháp trường lưu, khai cứu thập nhị tào chi mê muội.

* Các bản in trước đây thường xuống dòng như sau:

Thổ khí thành hồng,
Nhi nhứt trụ xanh thiên.
Hóa kiếm thành xích,
Nhi tam phân thác địa.
Công tham Thái Cực,
Phá Nhứt Khiếu chi huyền quan.
Tánh hiệp vô vi,
Thống tam tài chi bí chỉ.

Tôi phân lại:

*Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xanh thiên.
Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa.
Công tham Thái Cực, phá nhứt khiếu chi huyền quang.
Tánh hiệp vô vi, thống tam tài chi bí chỉ.*

Tôi phân câu lại vì có điểm ích lợi hơn: Dễ thấy hình thức thể văn biên ngẫu;⁽⁶⁾ dễ nhận ra ý nghĩa câu kinh.

TRÌNH BÀY

Bài *Hỗn Độn Tôn Sư* được khảo sát theo thứ tự như sau: Kinh Văn; Khảo Dị; Chú Giải; Tổng Luận.

Về **Chú Giải**, tôi giải từng câu, hoặc hai, ba hay bốn câu, cốt sao trọn ý văn mạch. Trước khi giải một câu, tôi xét từng chữ, từng từ của câu đó, có chú thêm chữ Hán và tiếng Anh bên cạnh để tiện tham khảo. Sau khi giảng xong hết từ trong một câu, tôi gom lại giảng theo cả câu.⁽⁷⁾

Về **Tổng Luận**, tôi muốn bổ túc cho phần Chú Giải một cái nhìn tổng quát, thoát ra sự giải thích kinh văn gò bó theo từng câu từng chữ.

⁽⁶⁾ *Biên 駢* là hai con ngựa cùng đóng kèm nhau, song song (*side by side, parallel*). *Ngẫu 偶* là cặp, đôi (*pair*). Thể văn có hai vế đối nhau gọi là *biên ngẫu văn*, nói gọn là *biên văn 駢(偶)文*. Văn biên ngẫu đọc lên có âm điệu nhịp nhàng. Kinh kệ muốn cho dễ tụng đều làm theo thể biên ngẫu.

⁽⁷⁾ Dù rất cố gắng, chắc chắn tôi vẫn không thể tránh được lầm lẫn trong muôn một. Chân thành mong ước và biết ơn các bậc cao minh có nhiều ý kiến quý báu đóng góp cho khảo luận nhỏ này.

KINH VĂN

01. Hỗn độn Tôn Sư,
02. Càn khôn chủ tể.
03. Quy thể giới ư nhứt khí chi trung,
04. Ốc trần hườn ư song thủ chi nội.
05. Huệ đẳng bất diệt,
chiếu tam thập lục thiên chi quang minh.
06. Đạo pháp trường lưu,
khai cửu thập nhị tào chi mê muội.
07. Đạo cao vô cực,
08. Giáo xiển hư linh.
09. Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xanh thiên.
10. Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa.
11. Công tham Thái Cực,
phá Nhứt Khiếu chi huyền quan.
12. Tánh hiệp vô vi, thống tam tài chi bí chỉ.
13. Đa thi huệ trạch,
14. Vô lượng độ nhơn.
15. Đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ.
16. Tiên thiên Chánh Đạo
Nhiên Đẳng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn.

01. 混沌尊師
02. 乾坤主宰
03. 歸世界於一氣之中
04. 握塵寰於雙手之內
05. 慧燈不滅照三十六天之光明
06. 道法長流開九十二曹之迷昧
07. 道高無極
08. 教闡虛靈

09. 吐氣成虹而一柱撐天
10. 化劍成尺而三分托地
11. 功參太極破一竅之玄關
12. 性合無爲統三才之秘旨
13. 多施惠澤
14. 無量度人
15. 大悲大願大聖大慈
16. 先天正道燃燈古佛無爲闡教天尊.

KHẢO DỊ

1. Bài này còn được gọi là: *Phật Giáo (Thích Giáo) Chí Tâm Quy Mạng Lễ; Phật Giáo (Thích Giáo) Chí Tâm Kinh; Phật Giáo (Thích Giáo) Bửu Cáo*, v.v... Theo tôi, không nên gọi như thế.

2. Câu 9 các bản đều in là *xang thiên*; tin đồ vẫn đọc như thế. *Xang* là âm thuần Việt. Huỳnh Tịnh Paulus Của (*Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Tome II. Sài Gòn: 1896) giảng *xang* là “giăng tay, đưa tay lên...”. *Việt Nam Tự Điển* (Hà Nội: Hội Khai Trí Tiến Đức, 1931) giảng *xang* là “giang tay, giơ tay lên...”.

Xanh là âm Hán Việt, chữ Hán viết 撐, nghĩa là chống đỡ, nâng đỡ (*supporting*). Phiên thiết đọc là *sanh*; âm phổ thông là *chēng*. Vậy, hãy đọc là *xanh thiên* hay *sanh thiên*.

CHÚ GIẢI

Câu 1:

hỗn độn 混沌 (*chaos*): Lúc trời đất chưa tạo lập, chưa tạo thiên lập địa 造天立地 (*the creation of the universe*). Đồng nghĩa: *hỗn mang* 混茫, *hồng mông* 鴻蒙.

Tôn Sư 尊師: (*the Honoured Master*): Tiếng tôn kính để gọi thầy (sư phụ) của mình (*the honorific appellation of one's*

master).

hỗn độn Tôn Sư 混沌尊師 (*the Honored Master since the chaos*): Nghĩa đen là vị thầy tôn kính có từ thời hỗn độn. Nghĩa bóng là một cách gọi Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, bởi vì Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “*Nhiên Đăng Cổ Phật là một vị Phật rất xa xưa, không biết có từ bao giờ, có thể là có trước khi tạo thiên lập địa không chừng...*”⁽⁸⁾

Câu 2:

càn khôn 乾坤 (*heaven and earth, the universe*): Càn là trời, khôn là đất. Càn khôn tức là trời đất, vũ trụ.

chủ tể 主宰 (*lord, ruler, master*): Chúa tể, người làm chủ.

Câu 1-2 ý nói rằng Tôn Sư hiện hữu từ khi trời đất chưa được tạo lập và Ngài làm chủ vũ trụ càn khôn. (*The Honoured Master who has existed since the chaos rules the universe.*)

Vậy, “hỗn độn Tôn Sư” hay Nhiên Đăng Cổ Phật cũng là Đức Thái Cực, Đức Thượng Đế. Lý lẽ này phù hợp với lời Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy vào thời khai Đạo: *Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã*. 燃燈古佛是我: Nhiên Đăng Cổ Phật là Ta. (*Dipankara the Ancient Buddha is Me.*)⁽⁹⁾

Câu 3:

quy 歸 (*gathering something together*): Gom lại.

⁽⁸⁾ Thánh giáo tại Minh Lý Thánh Hội, 22-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 01-11-1969). Trong phần chú giải từ ngữ sau đây, mỗi khi trích dẫn thánh giáo này tôi nói tắt là “Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy”. (Xem thánh giáo này ở phần Phụ Đính: *Nhiên Đăng Cổ Phật Là Gì?*)

⁽⁹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn tại Vĩnh Nguyên Tự, Thứ Tư 07-4-1926.

thế giới 世界 (*the universe*): Nghĩa thông thường là hoàn cầu (*the world*). Trong bài này, hiểu theo nghĩa rộng là vũ trụ càn khôn.⁽¹⁰⁾

ư 於 (in): Ở tại, ở trong, ở nơi.

nhút khí chi trung 一氣之中: Trong chỗ một khí. “Nhút khí” là một quan niệm của Đạo Giáo (Lão Giáo). Nhút khí cũng là khí hỗn độn (*hỗn độn chi khí* 混沌之氣). Từ Hải 辭海 giảng: *Nhút khí vị hỗn nhiên chi khí dã. 一氣謂混然之氣也.* (Nhút khí là khí hỗn nhiên, khí hồng mông, khí hư vô, nguyên khí, khí tiên thiên...) Khí này có trước khi vũ trụ thành hình.

Câu 3 ý nói rằng Tôn Sư gom vũ trụ vào trong một khí. (*The Honoured Master gathers the universe in the primordial qi.*) Có lẽ nên hiểu theo chiều ngược lại: Vũ trụ sinh xuất từ

⁽¹⁰⁾ *Thế giới* cũng là cách nói tắt *tam thiên đại thiên thế giới* 三千大千世界. Thái dương hệ 太陽系 (*the solar system*) chứa cõi địa cầu này là một thế giới. Cứ 1.000 thái dương hệ hợp thành một *tiểu thiên thế giới* 小千世界 (*a small chiliocosm*). Cứ 1.000 tiểu thiên thế giới hợp thành một *trung thiên thế giới* 中千世界 (*a medium chiliocosm*). Cứ 1.000 trung thiên thế giới hợp thành một *đại thiên thế giới* 大千世界 (*a great chiliocosm*). Vì tổng số thái dương hệ trong một đại thiên thế giới là $1.000 \times 1.000 \times 1.000 = 1.000.000.000$ (*tam thiên*: gồm ba số ngàn) nên một đại thiên thế giới cũng gọi là *tam thiên đại thiên thế giới*. Theo *Trung Anh Phật Học Tự Điển* 中英佛學辭典 (*A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*) của William Edward Soothill và Lewis Hodous (Đài Bắc: Buddhist Culture Service, 1934), tam thiên đại thiên thế giới được gọi tắt là *tam thiên thế giới* 三千世界. Người Việt quen nói là “ba ngàn thế giới” và vì vậy thường không nghĩ đó là một tỷ.

khí hư vô hay khí tiên thiên. (*The universe originates from the primordial qi.*)

Câu 4:

ốc 握: (*holding something, grasping something*): Giữ, cầm giữ. Nghĩa bóng là cai quản (*governing*). Chữ ốc còn đọc là ác.

trần hoàn 塵寰 (*the world*): Đồng nghĩa với trần gian, trần thế, thế gian, cõi trần. Đồng nghĩa: *dinh hoàn, doanh hoàn* 瀛寰 (*the whole world: cả thế gian*). Hiểu theo nghĩa rộng là vũ trụ càn khôn (*the universe*).

ư 於 (in): Ở tại, ở trong, ở nơi.

song thủ chi nội 雙手之內 (*in the two hands*): Trong chỗ hai bàn tay. *Song thủ* là hai bàn tay, ở đây ám chỉ âm dương 陰陽 (*yin and yang*).

Câu 4 ý nói rằng Tôn Sư nắm giữ vũ trụ trong hai bàn tay. (*The Honoured Master holds the universe in his two hands.*) Nghĩa bóng là vũ trụ này chịu sự chi phối, tác động của hai nguyên lý âm và dương. (*The universe is under the influence of yin and yang.*) Bởi vậy, vũ trụ này là vũ trụ nhị nguyên (*the dualistic universe*).

Câu 5:

huệ đăng 慧燈 (*the lamp of wisdom*): Đèn tuệ, đèn trí tuệ. Đồng nghĩa: *tuệ cự* 慧炬 (*the torch of wisdom: đuốc tuệ*); *tâm đăng* 心燈 (*the mind lamp, the lamp of the mind: đèn lòng*). Ám chỉ tâm linh sáng suốt của con người.

bất diệt 不滅 (*everlasting*): Còn mãi, không hề hư mất.

huệ đăng bất diệt 慧燈不滅 (*The lamp of wisdom is*

everlasting.): Huệ đăng là tâm đăng, và Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy: “Tâm đăng luôn luôn bất diệt nơi trung tâm điểm ⁽¹¹⁾ của mỗi con người.”

chiếu 照 (*shining; illuminating something*): Phát ra ánh sáng; soi sáng, chiếu sáng.

tam thập lục thiên 三十六天 (*the thirty-six celestial spheres*): Ba mươi sáu tầng (tầng) trời. Tam thập lục thiên là quan niệm của Đạo Giáo (Lão Giáo). Bách Độ Bách Khoa 百度百科 (<https://baike.baidu.com>) cho biết: Trương Quân Phòng 張君房 đời Tống biên soạn *Vân Cấp Thất Thiêm* 雲笈七籤; quyển 21 (*Thiên Địa Bộ* 天地部) nói rằng trên trời có ba mươi sáu tầng,⁽¹²⁾ là chỗ ở của Thần Tiên (*Thần Tiên sở cư* 神仙所居). Tuy nhiên, các môn phái trong đạo Lão kể tên các tầng trời khác hẳn nhau.

quang minh 光明 (*light, brightness*): Ánh sáng, sự sáng.

tam thập lục thiên chi quang minh 三十六天之光明 (*the brightness of the thirty-six celestial spheres*): Sự sáng của ba mươi sáu tầng trời.

Câu 5 ý nói rằng huệ đăng bất diệt và chiếu sáng ba mươi sáu tầng trời. (*The lamp of wisdom is everlasting and*

⁽¹¹⁾ Kinh sách gọi trung tâm điểm này là Thiên Tâm, Nê Huòn Cung, Cốc Thần, Huyền Quan Khiếu, Cao Đài... (Xem thêm *Phụ Đính: Trung Tâm Điểm Của Mỗi Con Người*.)

⁽¹²⁾ *Vân Cấp Thất Thiêm* kể: Dục Giới 欲界 có sáu tầng; Sắc Giới 色界 có mười tám; Vô Sắc Giới 無色界 có bốn; Phạm Thiên 梵天 có bốn; Thanh Thiên 清天 có ba; cộng thêm Đại La Thiên 大羅天 nữa thì cả thảy là ba mươi sáu tầng. (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới gọi chung là Tam Giới 三界, gồm có hai mươi tám tầng trời.)

illuminates the thirty-six celestial spheres.) Nhưng chẳng phải chỉ có ngần ấy tầng trời, vì Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rằng ngọn đèn này “sáng tỏ không ngừng không dứt từ cổ chí kim, từ thượng thiên đến hạ địa, từ tam thập lục thiên, tam thiên thế giới, từ thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu . . .”

Câu 6:

đạo pháp 道法 (*dharma*): Chữ đạo 道 có bộ sước 辵 là bước đi (*walking*). Chữ pháp 法 gồm chữ khứ 去 là đi (*going*) và bộ thủy 氵 là nước (*water*). Pháp là nước chảy đi (*flowing water*). Nói pháp cũng đủ rồi, nhưng để phân biệt với những thứ “pháp” không nhằm giúp con người tu hành giải thoát nên cần nói rõ là *đạo pháp*. Hai chữ *đạo pháp* – với bộ sước, bộ thủy, và chữ khứ – hàm chứa ý nghĩa di chuyển, lưu thông (*moving, circulating*).

trường lưu 長流 (*flowing all the time*): Chảy mãi, không bao giờ ngừng lại. Đây là tính chất của đạo pháp.

đạo pháp trường lưu 道法長流 (*dharma circulating all the time*): Ý nói bất kỳ thời đại nào, hoàn cảnh nào, nơi chốn nào, cũng luôn luôn có đạo pháp khi ẩn khi hiện để dạy dỗ người đời, dẫn dắt con người tu hành.

khai 開 (*opening*): Mở ra.

cửu thập nhị 九十二 (*ninety-two*): Chín mươi hai.

tào 曹 (*group, team*): Nhóm, bọn, bè lũ, v.v... (từ dùng để gọi chung một số người).

cửu thập nhị tào 九十二曹 (*ninety-two*): Âm chỉ chín mươi hai ức nguyên nhân 原人 (*original humans*). Theo kinh Ngọc Lộ Kim Bàn 玉露金盤 (*The Golden Basin of the Jade*

Dew) của đạo Lão thì xưa kia Đức Phật Mẫu (Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn) cho chín mươi sáu ức nguyên nhân xuống trần. Nhứt Kỳ Phổ Độ chỉ có hai ức trở về cõi Tiên. Nhị Kỳ được thêm hai ức. Còn lại chín mươi hai ức thì Phật Mẫu muốn độ trở lại hết cõi Tiên trong Kỳ Ba này. Thời xưa, một ức 億 là một trăm ngàn, mười vạn (*a hundred thousand*); vậy, chín mươi hai ức là chín trăm hai mươi vạn (*ninety-two hundred thousand*), tức là chín triệu hai. Tuy nhiên, có lẽ không nên hiểu “chín mươi hai ức” chính xác là con số 9.200.000.⁽¹³⁾ Tương tự, nhà Phật nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn” thì đừng hiểu chính xác là con số 84.000.

mê muội 迷昧 (*unenlightenment*): Sự u mê, tăm tối, không thức tỉnh.

cửu thập nhị tào chi mê muội 九十二曹之迷昧 (*the unenlightenment of ninety-two hundred thousand original humans*): Sự mê muội của chín mươi hai ức nguyên nhân.

khai cửu thập nhị tào chi mê muội 開九十二曹之迷昧 (*enlightening ninety-two hundred thousand original humans*): Làm cho chín mươi hai ức nguyên nhân hết mê muội.

Câu 6 ý nói rằng đạo pháp trường lưu bất tuyệt để giúp

⁽¹³⁾ Vào thời Nhứt Kỳ con người thiện lương còn nhiều, mà chỉ cứu độ được hai ức. Sang qua Nhị Kỳ con người thiện lương tuy hao hụt, nhưng vẫn còn khá, mà vẫn chỉ cứu độ được thêm hai ức. Xuống tới Tam Kỳ thì con người đã mòn gần hết thiện lương rồi, cái gian ác tà quái trở thành phổ biến và thống trị hầu hết nhơn tâm, vậy mà chỉ tiêu (định mức) Kỳ Ba lại là chín mươi hai ức thì làm sao tận độ cho xuể?! Nghĩ như vậy mà thấy khó hiểu vô cùng. Phải chăng con số chín mươi hai ức này là một ẩn dụ (隱喻: *metaphor*)?

cho chín mươi hai ức nguyên nhân hết mê muội. (*Dharma circulates all the time so as to help ninety-two hundred thousand original humans be enlightened.*)

Câu 7-8:

Đạo cao vô cực 道高無極 (*Dao is boundlessly lofty*): Đạo thì cao siêu vô cùng tận.

giáo 教 (*religion, teaching*): Tôn giáo, giáo lý.

xiển 闡 (*expounding something*): Làm sáng tỏ, làm cho rõ ràng.

hư linh 虛靈: Từ Hải 辭海 giảng: “Hư linh vốn chỉ một trạng thái mộng lung, hỗn độn tối sơ của vũ trụ.”⁽¹⁴⁾ Ở con người thì hư linh là **tâm linh** 心靈 (*spirituality*); chẳng hạn, *Truyền Tập Lục* 傳習錄 của Vương Dương Minh có câu này: *Nhân hữu hư linh phương hữu lương tri*. 人有虛靈方有良知. (Người có hư linh mới có lương tri.) Tuy nhiên, khi xét cặp biên ngẫu này (hai câu 7 và 8), thì hư linh liên quan đến Đạo; do đó, có lẽ nên hiểu hư linh là sự huyền diệu tột cùng của Đạo (*the Dao's utmost mystery*), tức là chỗ mà *Đạo Đức Kinh* (chương 1) bảo là: *Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn*. 玄之又玄, 眾妙之門. (*The utmost mystery is the door to all marvels.*)

Câu 7-8 ý nói rằng Đạo cao thâm vô cùng, ngoài khả năng nhận thức của người phàm; do đó cần có tôn giáo với giáo lý chọn chánh làm sáng tỏ chỗ huyền diệu tột cùng của Đạo để

⁽¹⁴⁾ *Hư linh nguyên chỉ vũ trụ thế giới tối sơ đích nhứt chủng mộng lung, hỗn độn dữ nguyên thủy đích trạng thái*. 虛靈原指宇宙世界最初的一種朦朧, 混沌與原. (Lê Anh Minh chú)

giúp con người có thể hiểu được Đạo.

Thật vậy, Đạo thì ẩn kín, vô hình, vô thanh, không gì cả. Tôn giáo thì hữu hình, có âm thanh, muôn sắc muôn vẻ để đáp ứng vô vàn thị hiếu người phàm. Mượn tôn giáo dẫn dắt con người đi tới Đạo tức là mượn cái hữu mà đạt tới cái vô. Đây là chức năng của tôn giáo, và là sứ mạng của các bậc giáo tổ xưa nay.

Tương quan giữa giáo tức là tôn giáo (phương tiện: *a means*) và Đạo (cứu cánh, mục đích tối hậu: *the ultimate purpose*) được thánh giáo diễn bày nhiều cách. Chẳng hạn:

“Đạo là vô vi, vô hình, còn tôn giáo là cái cửa.”⁽¹⁵⁾

“Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo.”⁽¹⁶⁾

“Tôn giáo là con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ.”⁽¹⁷⁾

Câu 9-10:

thổ khí 吐氣 (*breathing out, exhaling*): Thở ra.

thành hồng 成虹 (*turning into a rainbow*): Biến thành cái cầu vồng; hóa thành cái mong trời.

nhì 而 (*and; and so*): Và; và như vậy.

⁽¹⁵⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Đan ngày 28 tháng 8 Bính Tý (1936), bài *Thập Tự Tam Thanh*. – *Dao is wuwei and invisible while religion is its door*.

⁽¹⁶⁾ Đức Giáo Tông Lý Bạch, Thiên Lý Đan, 20-5 Ất Tỵ (Thứ Bảy 19-6-1965). – *Religion is the door which humans enter to seek Dao*.

⁽¹⁷⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (Thứ Tư 27-01-1971). – *Religion is the boat carrying passengers to their landing which is Dao*.

nhứt trụ 柱 (*one pillar, one post*): Một cây cột.

xanh thiên, sanh thiên 撐天 (*supporting the heaven*): Chỗ trời, chống đỡ trời.

hóa 化 (*transform something into something else*): Biến, biến hóa.

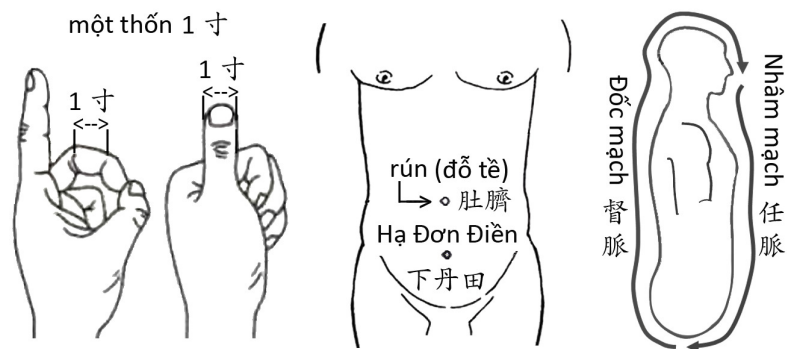
kiếm 劍 (*a sword*): Thanh kiếm, thanh gươm.

thành 成 (*turning into something, becoming something*): Biến thành, trở thành, hóa thành.

xích 尺 (*a unit of length measurement in ancient China*); Một thước (đơn vị đo đạc xưa của Trung Quốc), tương đương 0,3581 mét, nghĩa là hơn ba tấc rưỡi (3,581 dm). **Xích** hay **xích tử** 尺子 là cây thước (ruler).

nhì 而 (*and; and so*): Và; và như vậy.

tam phân 三分: Ba phần, ba phân (*thập phân chi tam 十分之三*). Cứ mỗi đơn vị lấy 1/10 thì gọi là một phân. Vậy ba phân của một xích là 3/10 của 0,3581 mét, bằng 0,10743 mét, nhỉnh hơn 1 tấc tây (dm). Đó là theo số học chi li. Một phân cũng là một **thốn** 寸, tức một phần mười của xích (*nhứt xích đích thập phân chi nhứt 一尺的十分之一*). Trong đơn kinh đạo Lão (dạy tu thiền, tịnh luyện), khi nói ba phân (tam thốn), người ta tính một phân (một thốn) bằng cách lấy ngón tay giữa quặp lại, độ dài đốt tay giữa là một phân (một thốn). Bề ngang ngón cái cũng là một phân (một thốn). Người Việt quen gọi *thốn* là *tấc*.



Đạo gia bảo *Hạ Đôn Điền* 下丹田 nằm dưới rún ba phân, thì cũng đo theo cách đó. Đo cách này có lý, vì cơ thể mỗi người to nhỏ khác nhau, nên cứ lấy ngón tay mỗi người để đo chính cơ thể của người đó thì rất hợp lẽ.

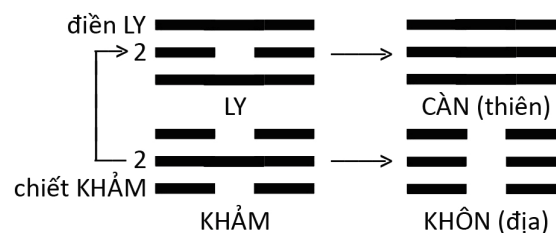
thác địa 托地 (*supporting the earth*): Đỡ nâng lấy đất.

xanh thiên, thác địa có nghĩa là nâng trời, đỡ đất. Bốn chữ này ám chỉ một thuật ngữ của tu thiền (tĩnh luyện) là *chiết Khảm điền Ly* 折坎填離 (tách hào hai dương quẻ Khảm lấp vào hào hai âm quẻ Ly, và hiểu ngầm là đổi chỗ hào hai của hai quẻ), như vậy Ly và Khảm trở thành Càn (thiên) và Khôn (địa). Thay vì nói chiết Khảm điền Ly, còn nói là *trừu Khảm điền Ly* 抽坎填離 (trừu là rút ra).

Theo đạo học, người phạm thể gian là kẻ hậu thiên (tượng trưng bằng hai quẻ Ly Khảm). Cõi trần vì vậy được Đức Đông Phương Chưởng Quân ví là “*miền Ly Khảm*”.⁽¹⁸⁾ Tu luyện cho

⁽¹⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 26-9 Mậu Thân (Thứ Bảy 16-11-1968): “*Trập trùng vó ký miền Ly Khảm.*”

đắc đạo thì phạm nhân trở thành chân nhân (thành Tiên), hậu thiên trở lại tiên thiên, Ly Khảm trở thành Càn Khôn (thiên địa).



Câu 9-10 về phương diện tu thiền hay tĩnh luyện ám chỉ phép vận Châu Thiên ⁽¹⁹⁾ để thông hai mạch Nhâm và Đốc. Mạch Đốc 督脉 (*Governing Vessel*) chạy sau lưng, dọc theo xương sống. Mạch Nhâm 任脉 (*Conception Vessel*) chạy dọc trước bụng (xem minh họa ở trang 23). Tương truyền, trong một đàn cơ tại Ô Môn (Cần Thơ), ngày 23-10 Canh Thìn (Thứ Sáu 22-11-1940), Đức Trần Đoàn Lão Tổ dạy:

*Nhả một khí xuyên qua Đốc mạch
Gọi “xanh thiên” chế phách dưỡng tâm
Hấp vào Khí Hải mạch Nhâm
Gọi là “thác địa” tiếp lâm Hạ Kiêu.*

(. . .)

*Ấy là phép vận Châu Thiên
Khai thông Nhâm Đốc triều huyền Chí Tôn.*

⁽¹⁹⁾ Tiểu Châu Thiên 小周天 (*the Microcosmic Orbit, the Minor Heavenly Circulation*) và Đại Châu Thiên 大周天 (*the Macrocosmic Orbit, the Major Heavenly Circulation*).

Như vậy, hai câu 9-10 gồm những chữ nói bóng gió (làm ẩn dụ) cho tâm pháp (tĩnh luyện, công phu, hành thiền); nếu căn cứ mặt chữ mà giảng theo nghĩa đen thì rất khó hiểu.

Câu 11-12:

công 功 (*merit*): Công đức, công lao, công nghiệp.

tham 參 (*participating in something*): Tham dự, chen vào.

Thái Cực 太極 (*the Supreme Ultimate*): Một hồng danh của Đức Thượng Đế (tức là Thái Cực Thánh Hoàng).

phá 破 (*disclosing something*): Mở ra, làm lộ ra.

Nhút Khiếu 一竅: Theo *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長, Nhút Khiếu cũng là khiếu Huyền Quan 玄關 (cửa ải huyền diệu), là nơi sinh ra khí tiên thiên, không phải phàm khiếu, được ví là cây sáo không có lỗ. Đơn kinh thường nói “Huyền Quan nhút khiếu” 玄關一竅 nghĩa là một khiếu Huyền Quan (*the one opening of the Mysterious Pass*).

huyền quan 玄關 (*the front door*): Cũng là *chánh môn* 正門.

Nhút Khiếu chi huyền quan 一竅之玄關: Cánh cửa của Nhút Khiếu, cánh cửa của khiếu Huyền Quan, cánh cửa đưa vào Nhút Khiếu. (Lưu ý sự khác nhau giữa “Huyền Quan nhút khiếu”⁽²⁰⁾ và “Nhút Khiếu chi huyền quan”).

⁽²⁰⁾ **khieux Huyền Quan** (hay *Huyền Quan Nhút Khiếu* 玄關一竅, *Huyền Khiếu* 玄竅): Các Đạo gia còn gọi khiếu này là: *Bả Bỉnh*

tánh (tính) 性 (*nature*): Cái tánh, cái phần thiêng liêng Trời phú bẩm cho con người.

hiệp (hợp) 合 (*being in harmony with*): Hiệp với, hòa hiệp.

vô vi 無爲 (*wu-wei*): Cõi vô vi, cõi thượng, cõi siêu hình.

thống 統 (*gathering some things into one*): Nắm gọn lại, gom trọn lại.

tam tài 三才 (*the three powers: heaven, earth, man*): Ba nghi trong vũ trụ là trời, đất, người hay thiên, địa, nhân.

bí chỉ 秘旨 (*profound hidden meaning*): Ý nghĩa kín đáo thâm sâu (*thâm áo đích hàm nghĩa* 深奧的含義).

tam tài chi bí chỉ 三才之秘旨 (*the profound hidden meaning of the three powers*): Ý nghĩa kín đáo thâm sâu của

把柄, *Chúng Diệu Môn* 眾妙門, *Cực Lạc Viên* 極樂園, *Đan Quỳnh Đan* 丹扇, *Giá Cá* 這個, *Hỗn Khang* 混康, *Huyền Tẩn* 玄牝, *Huyền Tẩn Chi Môn* 玄牝之門, *Hư Không Tạng* 虛空藏, *Không Trung Chính Vị* 空中正位, *Mậu Kỷ Môn* 戊己門, *Như Ý Châu* 如意珠, *Phục Mệnh Quan* 復命關, *Quy Căn Khiếu* 歸根竅, *Quy Trung* 規中, *Sinh Tử Hộ* 生死戶, *Sinh Sát Xá* 生殺舍, *Thần Khí Huyệt* 神氣穴, *Thủ Nhút* 守一壇, *Tịnh Độ* 淨土, *Tổ Khiếu* 祖竅, *Trực Nhút Khiếu* 直一竅, *Xá Lợi Tử* 舍利子, v.v... Các Đạo gia nói khiếu Huyền Quan là chỗ chơn âm và chơn dương hội hiệp trong quá trình luyện đơn; tuy nhiên các vị không nhút trí với nhau về vị trí khiếu này; đại để có hai quan niệm: 1/ Khiếu Huyền Quan có vị trí nhút định trong thân thể, như ở rốn (Khuư Xứ Cơ, trong *Đại Đan Trực Chỉ*) hoặc ở thận (*Chung Lữ Truyền Đạo Tập*), v.v...; 2/ Lý Đạo Thuần, trong *Trung Hòa Tập* lại nói khiếu Huyền Quan không có vị trí nhút định trong thân thể. (Lê Anh Minh chú)

tam tài.

Câu 11-12 ý nói công đức của Tôn Sư lớn sánh cùng trời đất, mở ra được cửa Nhứt Khiếu (tức Huyền Quan) mà phối hiệp với Trời. Ngài đã huyền đồng cùng trời đất (*tánh hiệp vô vi*) và đã nắm được cái khóa chìa bí yếu của tam tài.

Câu 13-14:

đa thi 多施 (*bestowing a lot*): Ban bố nhiều.

huệ trạch 惠澤 (*favours*): Huệ và trạch đồng nghĩa, là ơn huệ, ơn trạch do bề trên ban xuống

vô lượng 無量 (*immeasurably, measurelessly*): Không lường được, không đo được.

độ nhơn 度人 (*delivering humans*): Cứu độ người đời.

Câu 13-14 ca tụng Tôn Sư ban ân huệ và cứu độ người đời nhiều không kể xiết.

Câu 15:

đại bi đại nguyện, đại thánh đại từ: 大悲大願, 大聖大慈 (*The Honoured Master is the One of great mercy, great vows, great holiness, great compassion*): Tôn Sư là Đấng có lòng thương xót chúng sanh bao la, thệ nguyện to tát, thánh đức lớn lao, tình thương rộng khắp.

Câu 16:

Tiên thiên Chánh Đạo 先天正道 (*the the precelestial True Dao*): Mỗi Đạo chơn chánh đã có trước khi vũ trụ hình thành.

Bách Độ Bách Khoa 百度百科 (<https://baike.baidu.com>) giảng rằng tiên thiên có thể chỉ bản thể vũ trụ hay bốn nguyên vạn vật (*khả chỉ vũ trụ bốn thể, vạn vật bốn nguyên* 可指宇宙本體, 萬物本原). Bốn nguyên 本原 và căn nguyên 根源 cùng nghĩa là nguồn gốc (*origin*). Vậy thì tiên thiên Chánh Đạo cũng là cái Đạo chơn chánh sanh hóa ra vũ trụ vạn vật (*the True Dao originating myriads of things in the universe*).

nhiên đăng 燃[然]燈: Nghĩa đen là đốt đèn, đồng nghĩa *điểm đăng* 點燈 (*lighting a lamp*); cũng là đèn đang thắp sáng (*a lighting lamp*). Theo lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư,⁽²¹⁾ Nhiên Đăng có ba nghĩa bóng như sau:

1/ **Nhiên Đăng là đèn Thái Cực** trên Thiên Bàn của đạo Cao Đài. Ngọn đèn này thắp sáng suốt ngày đêm, suốt năm suốt tháng, giờ khắc nào cũng phải giữ ngọn lửa không tắt.

2/ Đối với con người thì **Nhiên Đăng là tâm đăng** 心燈 (đèn lòng: *the mind lamp, the lamp of the mind*). Người nào tánh lành, hạnh tốt, biết tu hành, sống đạo đức thì đèn lòng người ấy thường tỏa sáng. Khi nào bị ham muốn chế ngự, thì đèn lòng bị lớp màn vô minh che phủ. Ham muốn càng nhiều, vô minh càng dày, thì đèn lòng càng lu mờ, tăm tối. Tu hành là làm cho lớp màn vô minh ngày càng mỏng dần để cho ngọn nhiên đăng của mình ngày càng tỏ rạng, thêm sáng ngời. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy: “Đèn lòng đừng để mờ lu /

⁽²¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, ngày 22-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 01-11-1969).

Đạo tâm đừng để bên xu nhiễm trần.” ⁽²²⁾ Đây cũng là ý nghĩa của bốn phần phải giữ đèn Thái Cực trên Thiên Bàn luôn cháy sáng suốt ngày đêm, suốt năm suốt tháng.

3/ Trước khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa thì **Nhiên Đẳng** là ngôi Thái Cực. Bấy giờ Nhiên Đẳng là ngọn đèn soi sáng cõi hỗn độn bao la tối tăm dày đặc, và đem lại sự ấm áp cho cõi hỗn mang vô cùng lạnh giá. Sau khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa rồi thì ngọn Nhiên Đẳng vẫn ngấm ngấm soi sáng và sưởi ấm muôn loài vạn vật suốt cả ngày đêm, từ cổ chí kim, từ thượng thiên đến hạ địa, từ tam thập lục thiên đến tam thiên thế giới, từ thất thập nhị địa đến tứ đại bộ châu. Nhiên Đẳng giúp muôn loài vạn vật được sanh hóa mãi mãi, được trưởng dưỡng (nuôi lớn) và bảo tồn. Vậy, **Nhiên Đẳng cũng là linh hồn của vũ trụ.**

Cổ Phật 古佛 (*the Ancient Buddha*): Vị Phật có từ xa xưa.

Nhiên Đẳng Cổ Phật 燃燈古佛 (*Dipankara the Ancient Buddha*): Vị Phật có từ xưa tên là Nhiên Đẳng. Theo Phật Giáo, Nhiên Đẳng là Đức Phật có trước Đức Phật Thích Ca. Theo Cao Đài, Nhiên Đẳng là Đức Phật thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, và Thích Ca là Đức Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

vô vi 無爲 (*wuwei*): Nghĩa đen là “không hành động”; đúng ra có nghĩa là làm mọi việc một cách tự nhiên, không can thiệp vào tự nhiên, không áp đặt ý định riêng tư của cá

nhân lên bất kỳ việc gì hay bất kỳ ai. (*Wuwei literally means “non-action, inactive”; actually, it means doing everything naturally, leaving nature to itself, letting things take their own course, imposing none of one’s own intentions upon anything or anyone.*)

xiển giáo 闡教 (*expounding the teaching*): Làm cho giáo lý được hiểu cặn kẽ.

Thiên Tôn 天尊 (*the Heavenly Honoured One; Daoist honorific appellation of the most honoured deity*): Đấng được cõi trời tôn kính; cách đạo Lão gọi tôn kính một đấng thiêng liêng tối cao quý, như Nguyên Thủy Thiên Tôn 元始天尊, Đạo Đức Thiên Tôn 道德天尊, Linh Bảo Thiên Tôn 靈寶天尊. Nói thêm: Đấng được thế gian tôn kính là **Thế Tôn** 世尊 (*the Worldly Honored One*); Đức Phật Thích Ca là đấng Thế Tôn.

Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn 無爲闡教天尊 (*the Heavenly Honoured One who expounds the teaching in wuwei manner*): Đấng Thiên Tôn bằng cách vô vi làm cho giáo lý được hiểu cặn kẽ.

Câu 16 kết luận vị Tôn Sư của nền Chánh Đạo tiên thiên (có hồng danh) là *Nhiên Đẳng Cổ Phật Vô Vi Xiển Giáo Thiên Tôn*.

TỔNG LUẬN

Bài *Hỗn Độn Tôn Sư* mang nhiều ẩn dụ gần gũi những hành giả tịnh luyện (*inner self-cultivators*).

Theo giáo lý Cao Đài, con người là “*một thiêng liêng tại*

⁽²²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 14-8 Bính Thìn (Thứ Sáu 08-10-1976). **bôn xu** 奔趨 (*rushing to passion*): Hăm hở, vội vã chạy theo các ham muốn.

thể”, nhưng chưa khai phóng được phần thiêng liêng tiềm ẩn vì còn chưa lóng đục khơi trong, thánh phàm còn hỗn độn chưa phân biệt. Do đó, “hỗn độn Tôn Sư” phải chăng còn ám chỉ con người thế gian, vì như lời Phật Thích Ca xác định thì mỗi người phàm kẻ tục thật ra là một vị Phật-sẽ-thành (*a Buddha-to-be*)?

Nói cách khác, về lý thì con người có tính Trời, có Phật tánh, có Cao Đài nội tại, v.v... Nhưng tất cả các giá trị thiêng liêng ấy đều đang là ẩn số. Tu hành là giải phương trình ở nội tâm ⁽²³⁾ mỗi người để tìm ra ẩn số đó và thực chứng lời Đức Cao Đài dạy: “Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang.” ⁽²⁴⁾

Theo nguyên lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” thì vũ trụ ngoại giới (*macrocosmos*) và nội thân con người không khác. Người cũng là một tiểu vũ trụ (*microcosmos*), tức là một thể giới càn khôn thu nhỏ. Do đó, “càn khôn chủ tế” phải chăng cũng ám chỉ con người? (Nhưng con người mất quyền chủ tế vì trót để cho lục đục, thất tình sai khiến.)

“Quy thể giới ư nhất khí chi trung” ám chỉ sự sống hữu vi

⁽²³⁾ **phương trình nội tâm** 内心的方程 (*the spiritual equation*): Phương trình 方程 (*equation*) là đẳng thức (có dấu =) chứa một hay nhiều ẩn số (vị tri số 未知數: con số chưa biết: *unknown, unknown quantity*). Chẳng hạn, $ax+by+c=0$ là một phương trình chứa hai ẩn số (*an equation of two unknowns*) là x và y . Đức Hưng Đạo Đại Vương, Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 24-6 Canh Tuất (Chủ Nhật 26-7-1970) dạy: “Biết mau khử ám hồi minh / Cầu Thầy hỏi bạn phương trình nội tâm.”

⁽²⁴⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, ngày 14-01 Bính Ngọ (Thứ Năm 03-02-1966).

và sự luyện đạo của hành giả tu tịnh cốt yếu đều do một luồng khí hô hấp vào ra, luân lưu trong thân thể tiểu vũ trụ.

“Ốc trần hoàn ư song thủ chi nội” ám chỉ hai bàn tay là Lưỡng Nghi (bên trái dương, bên phải âm).

“Huệ đặng bất diệt” ám chỉ tâm linh sáng suốt của mỗi người. Mỗi người là một ánh sáng thiêng liêng (tiểu linh quang). Khi nhiễm trần, ánh sáng bị che lấp nhưng vẫn không bị tiêu diệt.

“Tam thập lục thiên” cũng ám chỉ tiểu vũ trụ là nội thân con người.

“Nhứt trụ xanh thiên” và “tam phân thác địa” như trong phần Chú Giải đã nói, cũng liên quan đến thuật ngữ nội đơn (tịnh luyện, công phu) là chiết Khảm điền Ly.

Các thuật ngữ nội đơn không dễ gì nói tách bạch gốc ngọn; chỉ những hành giả đã bước dài lâu trên con đường thiền Cao Đài mới có thể thấu đáo được. Tuy nhiên, nơi đây có một điều cần suy gẫm:

Hỗn Độn Tôn Sư vốn là một bài kinh cúng tứ thời của con đường phổ độ, tức thuộc phạm vi ngoại giáo công truyền (*exotericism*). Vậy mà tìm hiểu từ ngữ trong bài kinh này lại thấy liên quan khá nhiều tới tâm pháp vô vi hay con đường nội giáo tâm truyền (*esotericism*).

Như thế phải chăng phổ độ thật sự không ngăn cách hoàn toàn với tâm pháp vô vi? Con đường phổ độ đến một lúc nào đó cũng rẽ nhánh cho người tín đồ đi vào tâm pháp vô vi? Trong thực tế, rất nhiều môn sanh Cao Đài bước vào bằng nẻo phổ độ rồi tùy duyên phận lại trở thành hành giả chuyên cần công phu (tịnh luyện).

THÁNH GIÁO

NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT LÀ GÌ?

Minh Lý Thánh Hội
Tuất thời, 22-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 01-11-1969)
Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.
Pháp đàn: Huỳnh Chơn. *Đồng tử:* Hoàng Mai.

THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chư liệt vị tam ban.

Vâng lệnh Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Tiểu Thánh đến báo đàn. Chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh chào chung. Xin xuất ngoại hầu lịnh. Thăng.

Tiếp Dẫn

THI

*Đèn huệ⁽¹⁾ soi đường giữa tiết đông
Giống chuông cảnh tỉnh giống Tiên Rồng
Đừng e tiếng gọi trong sa mạc
Vẫn có âm vang chốn bụi hồng.⁽²⁾*

⁽¹⁾ **đèn huệ** (*wisdom lamp, wisdom light*): Huệ đăng 慧燈, trí sáng suốt của người tu chứng, đặc đạo.

VẠN HẠNH THIỀN SƯ

Bần Tăng chào mừng chư Thiên mạng. Mừng chư đạo hữu đạo tràng.

Hôm nay Bần Tăng giảng đàn để tiếp tục phần vụ còn dang dở. Bần Tăng thỉnh chư liệt vị, chư đạo hữu đồng an tọa để giúp Bần Tăng hành tròn bốn phận.

(...)

Chư đạo hữu ôi! **Nhiên Đăng Cổ Phật là gì** ⁽³⁾ mà từ xưa đến nay đã có nhiều vị đạo hữu từng niệm danh hiệu, đã niệm, đang niệm và sẽ niệm, nhưng có mấy ai hiểu nguồn gốc lịch sử danh từ **Nhiên Đăng Cổ Phật**.⁽⁴⁾

Thế gian lịch sử loài người phần đông đã hiểu tông tích lịch sử các Đấng cứu thế hoặc các bậc giáo chủ như Thái Thượng Đạo Tổ, Lão Tử, Khổng Phu Tử, Quan Âm Bồ Tát, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ,

⁽²⁾ **chốn bụi hồng** (*the world*): Hồng trần 紅塵, cõi trần gian.

⁽³⁾ **Nhiên Đăng Cổ Phật là gì?** 然[燃]燈古佛是什么? (*What is Dipankara the Ancient Buddha?*): Đức Thiền Sư không hỏi là ai? vì Ngài không nhằm mục đích giảng về lai lịch, tiểu sử Đức Phật Nhiên Đăng. Ngài hỏi là gì? vì Ngài muốn nói tới ý nghĩa biểu tượng của hồng danh Nhiên Đăng Cổ Phật.

⁽⁴⁾ **nhiên đăng** 然[燃]燈: 1/ Thắp đèn, đốt đèn (*lighting a lamp*), đồng nghĩa điểm đăng 點燈. 2/ Âm chỉ đèn Thái Cực, ánh sáng tâm linh bất hoại trong con người. 3/ Tên vị Phật xưa (thời Nhất Kỳ Phổ Độ), tiếng Sanskrit là *Dipankara*. Ngài có trước Phật Thích Ca (thời Nhị Kỳ Phổ Độ), hồng danh là **Nhiên Đăng Cổ Phật** 然[燃]燈古佛 (*Dipankara the Ancient Buddha*). Phật Nhiên Đăng cũng là Định Quang Phật 定光佛 (*Buddha of Fixed Radiance*).

v.v... Người ta chỉ biết rằng Nhiên Đăng Cổ Phật là một vị Phật rất xa xưa, không biết có tự bao giờ, có thể là có trước khi tạo thiên lập địa không chừng, chỉ hiểu ngần ấy để kính thành vái niệm là đủ rồi.

Hôm nay Bàn Tăng muốn đem vấn đề này đặt ra đây để chư đạo hữu hiểu qua, tự đặt lấy cho mình một sứ mạng thể Thiên hành hóa ⁽⁵⁾ hay là một bậc vĩ nhân cho hậu thế trên phương diện đạo lý và nhơn sanh thể đạo.⁽⁶⁾

Nhiên Đăng là gì nếu không phải là ngọn đèn lưu ly ⁽⁷⁾ sáng tỏ không ngừng không dứt từ cổ chí kim, từ thượng thiên đến hạ địa, từ tam thập lục thiên, tam thiên thế giới, từ thất thập nhị địa, từ đại bộ châu, từ hàng giáo chủ đến hàng nhơn sanh tín hữu?

Nhiên Đăng có thể gọi là đèn Thái Cực. Chư đạo hữu hãy nhìn lên chánh điện, ngọn đèn lưu ly Thái Cực ngày đêm, năm tháng, giờ khắc nào cũng phải rực cháy luôn luôn.

Nhiên Đăng có thể gọi là ngôi Thái Cực, hoặc đèn Thái Cực soi sáng, đem lại sự ấm áp cho vũ trụ trước khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa. **Nhiên Đăng có thể gọi là linh hồn của vũ trụ.**

⁽⁵⁾ **thể Thiên hành hóa** 替天行化 (*on behalf of Heaven teaching people the way of self-cultivation*): Thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành.

⁽⁶⁾ **nhơn sanh** (nhân sinh) **thể đạo** 人生世道: Đạo ở đời của con người; con đường mà phật làm người phải noi theo để sống đúng đạo lý hay lẽ phải (*the way of life*). Nhơn sanh thể đạo cũng là *nhân đạo* 人道 (đạo làm người, đạo người, *the way of man*).

⁽⁷⁾ **lưu ly** 琉璃: Một cách gọi pha lê (*pha ly* 玻璃, *crystal*). – **đèn lưu ly** 琉璃燈 (*crystal lamp*): Đèn pha lê.

Con người đã mang nhục thể,⁽⁸⁾ tứ đại cấu hợp,⁽⁹⁾ đương nhiên phải chịu màn bao bọc của cõi hồng trần. Màn ấy cũng có thể gọi là màn vô minh. Chính bức màn vô minh ấy đã che án ngọn Nhiên Đăng nơi nội tâm của mỗi con người. Vì vô minh mà con người dễ sa ngã, dễ bị quyến rũ, dễ đọa lạc, dễ gây tội lỗi trở thành nghiệp chướng oan khiên.⁽¹⁰⁾

Đối với con người thì hai tiếng **Nhiên Đăng có thể gọi là tâm đăng**.⁽¹¹⁾ Tâm đăng luôn luôn bất diệt nơi **trung tâm điểm của mỗi con người**.⁽¹²⁾ Người nào đại căn đại kiếp, ít nghiệp chướng tiền khiên, sớm giác ngộ, lo tu thân lập hạnh, tạo âm chất, gây dựng phước đức, đem đạo giúp đời, thì bức màn vô minh ấy càng sớm mỏng dần.

Hễ màn vô minh được mỏng, ngọn tâm đăng hiện lần lần ra. Hễ ngọn tâm đăng càng hiện lần lần, sáng tỏ chừng nào thì con người ấy sẽ được và đang được trở thành một người thuần hậu, thuần lương. Từ tướng đi cách đứng, khi nói lúc

⁽⁸⁾ **nhục thể** 肉體 (*physical body*): Tầm thân xác thịt, thể xác.

⁽⁹⁾ **tứ đại cấu hợp** 四大構合: Bốn chất kết hợp tạo thành. Theo Phật Giáo, thân xác con người do bốn chất căn bản tạo thành là *đất* (da thịt...), *nước* (máu, các chất lỏng...), *lửa* (hơi ấm, thân nhiệt), *gió* (hơi thở).

⁽¹⁰⁾ **oan khiên** 冤牽: Tội lỗi gây ra kiếp này sẽ phải tiếp tục gánh chịu hậu quả để đền trả thêm nữa trong kiếp sau.

⁽¹¹⁾ **tâm đăng** 心燈: Đèn lòng (*mind lamp*); óc sáng suốt (minh triết) của người dày công tu học, không bị tham dục, vô minh che mờ lương tri (thiên lương).

⁽¹²⁾ **trung tâm điểm của mỗi con người**: Theo bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) trong đầu não con người có trung tâm điểm, y học gọi là Não Thất Ba (*3rd ventricle*). (Xem Phụ Đính cuối bài thánh giáo này.)

làm, luôn luôn tác phong người ấy rất nghiêm chỉnh, phúc hậu, đoan trang, dễ gây sự thiện cảm, kính mến với tất cả mọi người chung quanh. Một lời người ấy nói ra sẽ đem lại sự thành công nên việc, an ủi và hạnh phúc cho kẻ khác.

Thế nên người đời thường nói *Phật tức tâm, tâm tức Phật* mà không hiểu tâm là gì, Phật là gì. Đó là tâm đang hay là Nhiên Đăng đó, chư đạo hữu à! Người ta chỉ nói một chiều thuận là *Phật tức tâm, tâm tức Phật* chứ không ai nói ma quỷ tức tâm, tâm tức ma quỷ. Nếu có ai nêu được câu đó lên tức là đã đánh thức được cơn mê của lớp người muội tánh.⁽¹³⁾

Tại làm sao chỉ nói *Phật tức tâm*? Nghĩa là ai ai cũng có Phật ở nơi tâm. Thế mà tại sao trên thế gian này đã có lắm người có những ngôn ngữ, hành động còn tệ hơn ma quỷ hoặc ác thú chốn rừng sâu? Có phải chăng ngọn tâm đang đã bị đắm chìm quá sâu nơi tâm khảm ⁽¹⁴⁾ của lớp người ấy vì tham, si, dục đã cấu thành bức màn vô minh càng ngày càng dày đặc, đã làm ngọn tâm đang không một chỗ nào có thể rọi soi ra được? Rồi tất cả những hành động của lớp người ấy hoàn toàn do tham sân si dục và những vọng thức⁽¹⁵⁾ ngự trị làm chủ, dui dắt họ ư? Đó là nói về lãnh vực của người học đạo, tu thân, hành đạo, còn phần sau đây nói về nhân sinh thế đạo.

Trong nhân sinh thế đạo thì ý nghĩa của Nhiên Đăng là gì, hỡi chư đạo hữu?

⁽¹³⁾ **muội tánh** 昧性 (*human stupidity*): Tánh phàm tầm tối, u mê.

⁽¹⁴⁾ **tâm khảm** 心坎 (*the bottom of one's heart*): Đáy lòng, chỗ sâu kín nhất trong lòng.

⁽¹⁵⁾ **vọng thức** 妄識: Cái biết sai trái (*wrong knowledge*); nhận thức sai (*wrong recognition*).

Như trên đã nói, Nhiên Đăng là ngọn đèn lưu ly soi sáng vũ trụ khi còn huyền bí hỗn độn sơ khai trước ngày tạo thiên lập địa. Nói rằng lúc đó cả vũ trụ bao la tối tăm dày đặc lạnh giá vô cùng, nhờ ngọn Nhiên Đăng rọi soi mà bầu vũ trụ lúc bấy giờ được u u minh minh, nửa tối nửa sáng, bao trùm Hồng Quân Lão Tổ đang ngồi trầm ngâm trong tịch mịch. Mãi đến khi phân định âm dương nhật nguyệt rồi thì không còn ai để ý đến ngọn Nhiên Đăng, nhưng ngọn Nhiên Đăng vẫn ngấm ngấm soi sáng và sưởi ấm muôn loài vạn vật suốt cả ngày đêm hoặc từ các thượng tầng không gian cho đến loài thủy tộc, côn trùng vẫn nhờ ánh sáng và sự sưởi ấm đó giúp muôn loài vạn vật được sanh hóa mãi mãi, trường dưỡng và bảo tồn.

Còn Nhiên Đăng, ngọn đèn sáng của nhơn sinh thế đạo là gì?

(...)

Bần Tăng muốn nói ánh sáng đó là Nhiên Đăng hay ngọn tâm đang, hay khí thiêng anh linh vẫn trường tồn vĩnh cửu của đất nước dân tộc. Tuy bao phen u tối, lắm lúc đau buồn vì bức màn vô minh tham si dục của loài người đã che án ngọn tâm đang khí thiêng ấy, nhưng nó vẫn lưu ly ngấm ngấm cháy mãi, chỉ chờ khi nào có người biết vệt bức màn vô minh ấy là có dịp cho ngọn tâm đang khí thiêng bừng dậy, đánh thức cơn mê cho mọi người cùng đem lại vinh quang cho đất nước.

(...)

Nói trở lại thực tại, hiện giờ chư đạo hữu là con dân của đất nước này. Hãy đem đạo lý tình thương, đem ngọn tâm đang soi sáng cho mọi người và gia công hành đạo giúp đời

bằng cách khêu ngọn tâm đăng cho tất cả mọi người.

Bần Tăng tạm mượn lời sau đây để kết thúc vấn đề này: Không tiếc vui nào mà chẳng tàn, không màn hát nào mà chẳng vãn, không cơn mưa nào mà chẳng tạnh, không có đêm trường nào mà chẳng sáng, và cũng không có cuộc loạn ly nào mà không trị.

Vậy là bậc tín hữu hay hướng đạo⁽¹⁶⁾ cũng thế. Hãy chuẩn bị mọi điều kiện, mọi mặt cho ngọn tâm đăng soi rọi đêm trường đang dày đặc cho mọi người sớm hưởng ánh sáng vinh quang, thanh bình an lạc trong nếp sống đạo lý.

THI

*Tâm đăng soi sáng giúp cho mình
Tâm đạo trau dồi được tuệ minh⁽¹⁷⁾
Cầm đuốc rọi đường cho đại chúng
Phổ truyền giáo lý độ nhơn sinh.*

(...)

Bần Tăng tạm ngừng bút nơi đây vì còn phải hội nơi Đại Hùng Bửu Điện⁽¹⁸⁾ trong giờ sau đây. Bần Tăng cảm ơn chư

⁽¹⁶⁾ **hướng đạo** 向导: Người dẫn dắt đạo hữu.

⁽¹⁷⁾ **tuệ (huệ) minh** 慧明 (*wise, enlightened*): Sáng suốt, minh triết.

⁽¹⁸⁾ **Đại Hùng** 大雄: Hàm ý là Đức Phật Tổ (Thích Ca). Người tự chiến thắng chính mình, vượt lên lục dục thất tình để thành chánh quả còn khó hơn chiến thắng muôn vạn tinh binh; vì thế gọi Phật là Đại Hùng. Trong thánh giáo này, Đức Thiền Sư cho biết sau khi từ giả đàn cơ, Ngài sẽ họp với Đức Phật Tổ tại Đại Hùng Bửu Điện trên cõi Phật. Trong nhiều chùa trên thế gian, chánh điện thờ Phật Thích Ca thường gọi là Đại Hùng Bửu Điện 大雄寶殿 (*Hall of Great Strength*).

đạo hữu đã có tâm thành kính trong việc tiếp kinh.⁽¹⁹⁾ Bần Tăng cũng mong sao tiếng trống Lô Âm vang suốt trong tam thiên đại thiên thể giới để ngày ngày có những nguyên nhân⁽²⁰⁾ thức tỉnh hồi đầu,⁽²¹⁾ Bần Tăng mới được một lúc sum vầy bạn hữu⁽²²⁾ nơi niết bàn Phật cảnh.

Bần Tăng hẹn Thứ Bảy tuần tới, cũng trong giờ này, lại đến với chư đạo hữu. Bần Tăng chào chung tất cả chư đạo hữu lương phái. Thắng.

⁽¹⁹⁾ Thánh giáo này được dạy trong thời gian Minh Lý Thánh Hội đang tiếp nhận bộ *Đạo Học Chỉ Nam* qua nhiều đàn cơ. Ngày khởi đầu tiếp kinh là 15-4 Mậu Thân (11-5-1968). Ngày hoàn kinh (hoàn tất việc tiếp kinh) là 01-3 Tân Hợi (27-3-1971).

⁽²⁰⁾ **nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhơn* (nhơn) 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

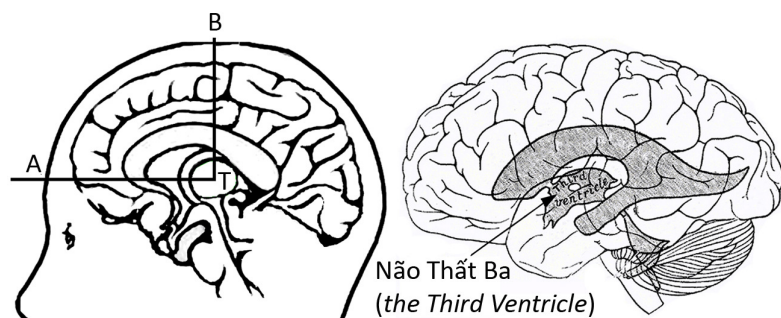
⁽²¹⁾ **hồi đầu** 回頭 (*turning one's head, repent*): Quay đầu lại đường thiện, tỉnh ngộ, trở về đường tu.

⁽²²⁾ **bạn hữu** 伴侶 (*friend, companion*): Bạn bè, bạn đồng hành. (*Lữ 侶* cũng là bạn.) Đức Thiền Sư hàm ý những người thế gian đang tu hành hôm nay vốn là bạn bè của Ngài trong các kiếp trước. Sau khi trọn vẹn công quả, công trình, công phu tu học và hành đạo, từ giả thế gian rồi thì tất cả sẽ hội ngộ Đức Thiền Sư trên cõi trời.

HUỆ KHẢI (*chú thích 18-3-2014; hiệu đính 2022*)

PHỤ ĐÍNH

TRUNG TÂM ĐIỂM CỦA MỖI CON NGƯỜI



Lấy một điểm giữa trán và một điểm giữa đỉnh đầu; từ hai điểm ấy, kéo hai đường ngang dọc A và B, thì giao điểm T ở ngay trung tâm não bộ, cũng là **trung tâm điểm của mỗi con người**. Y học gọi nơi này là Não Thất Ba (*the Third Ventricle*), kinh sách gọi là *Thiên Tâm, Nê Hườn Cung, Cốc Thần, Huyền Quan Khiếu, Cao Đài*... Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) có công phát hiện về ý nghĩa của Não Thất Ba trong Đạo học.

PHỤ LỤC

Trước đây tôi đã xuất bản hai tập: *TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO* (2009, tái bản 2010); *TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN* (2011, tái bản 2012). Nay xuất bản tập *TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ*, tôi in kèm vào đây năm bài như sau:

1. Đức Chí Tôn giải nghĩa bài Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo (để bổ khuyết tập *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*).
2. Chú giải *Bài Niệm Hương*
3. Chú giải *Bài Khai Kinh*
4. Chú giải ba bài *Dụng Tam Bửu*
5. Chú giải *Ngũ Nguyên*

Như vậy tạm gọi là trọn vẹn các bài kinh tụng theo nghi thức cúng tứ thời.

Sau này, khi thuận tiện, cả ba tập *TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO*, *TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN*, và *TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ* sẽ được in chung thành một quyển duy nhất, gọi là *TÌM HIỂU KINH CÚNG TỨ THỜI*, để dễ tham khảo trong nhà đạo.

ĐỨC CHỈ TÔN GIẢI NGHĨA NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO

Trong một đàn ngày 28-4 Kỷ Hợi (Thứ Năm 04-6-1959), chưa rõ nơi lập đàn, Đức Chỉ Tôn dạy:

*NGỌC trong đá trắng, thánh trong người
HOÀNG lệnh Thầy truyền chớ để người
THƯỢNG đạt phải lo ra gánh đạo
ĐỂ tâm chuyển pháp dựng xây đời.*

Thầy mừng các con.⁽¹⁾

(...)

Thầy cho hay sẽ lập pháp y theo bài xưng tụng Ngọc Hoàng nghĩa là từ chữ “Đại La” đến chữ “Hựu tội Đại Thiên Tôn”.⁽²⁾

Thế rồi, để con cái của Thầy hiểu được ý nghĩa sâu kín của bài kinh cúng tứ thời nhan đề *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*,⁽³⁾ một hôm Thầy giảng cơ tại Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam) và dạy như sau:

⁽¹⁾ Phạm Văn Liêm, *Sự Nghiệp Trung Hưng*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 175.

⁽²⁾ Phạm Văn Liêm, *Sách đã dẫn*, tr. 176, 197-205.

⁽³⁾ Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, 2010).

THƯỢNG ĐẾ TRONG TẤT CẢ

THI

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ giảng đàn trung
Phước Huệ ban cho các trẻ cùng
PHÁP ĐẠO BỬU CHƯƠNG ngày giảng lập
Mừng chung nhân loại gọi ân hồng.

Thầy là Thượng Đế vô sinh.⁽⁴⁾ Thầy vô sinh nên không hình không danh. Thượng Đế là danh tạm gọi cho Thầy là đấng chủ tể càn khôn. Cho đến danh **Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng**⁽⁵⁾ cũng là danh tạm gọi mà thôi.

Thầy kỳ ba đại xá lập Tam Kỳ Phổ Độ gọi là danh không nhất định. Danh không nhất định là “phi thường danh”. Kể ra thường danh của Thầy là Thường Đạo.⁽⁶⁾

Thường Đạo là Thầy thì Thầy cũng có danh. Đã có danh Thường Đạo thì còn có chỗ kêu tên này nọ. Cho nên Thường Đạo cũng chẳng phải danh thường danh.

Thầy đến cùng các con hôm nay đây viết ra chữ. Chữ ấy đọc nên lời đều là cái gì không phải Thầy. Thầy chẳng nói

⁽⁴⁾ **vô sinh** 無生 (*born of none*): Không do ai sinh ra.

⁽⁵⁾ Từ đây về sau, những chữ in đậm đều trích ra từ bài *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* (sau đây gọi tắt là *Bửu Cáo*). Các chú thích trong bài do Huệ Khải.

⁽⁶⁾ *Đạo Đức Kinh*, chương 1: *Đạo khả đạo phi Thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh. 道可道非常道. 名可名非常名.* (*The Dao that can be told is not the eternal Dao; The name that can be named is not the eternal name.* – Đạo mà nói ra được thì không phải là Đạo hằng thường bất biến. Tên mà gọi tên được thì không phải là tên hằng thường bất biến.)

không làm.⁽⁷⁾ Chỉ có người Thánh mới nghe được tiếng Thầy trong vạn hữu, mới thấy Thầy khắp vạn phương. Các con có lòng thành kính thì sẽ biết Thầy là chi.

Trông trời đất bao la lồng lộng, mông mênh không bến chẳng bờ nhưng như chiếc lưới vĩ đại ⁽⁸⁾ có đường chỉ dọc ngang dàn thành mặt sưa ⁽⁹⁾ có mắt. Mắt lưới này vô hình không ai thấy được. Trời là chủ trời đất cầm lưới ấy tung ra; các con ở trong đó, không một con nào lọt ra ngoài được. Cho nên Thầy có danh là **Đại La Thiên Đế**. Đế là vua trọn lành. Thầy làm chủ tể như một vị vua trị quốc an dân. Thầy làm vua lớn hơn vua dưới thế này nên gọi là Thiên Đế. Thiên chỉ bầu trời (Đại La). Đế chỉ ngôi chủ tể ngự trị. Đế còn có nghĩa bản thể vô sinh bất nhị,⁽¹⁰⁾ diệu huyền vô đối,⁽¹¹⁾ thường tại ⁽¹²⁾ bất biến. Tuy không phải như vua ngồi trên bệ ngọc ngai vàng cầm quyền sinh sát muôn dân, nhưng Thầy **thống ngự vạn vật**,⁽¹³⁾ không vật nào chẳng ở trong Thầy, không vật nào Thầy chẳng ở trong. Chi chi cũng có Thầy. Mỗi con

⁽⁷⁾ **chẳng nói không làm**: *Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa* 不言而默宣大化; *vô vị nhi dịch sử quần linh* 無爲而役使群靈. (Bửu Cáo)

⁽⁸⁾ **chiếc lưới vĩ đại**: Đại la 大羅 (*the great net*).

⁽⁹⁾ **sura**: (Từ Việt cổ) Thừa, không dày.

⁽¹⁰⁾ **bất nhị** 不二 (*advaya, non-duality, the one and undivided*): Không hai. Không âm không dương, không thiện không ác là **bất nhị**. Bát Nhã Tâm Kinh có câu: *Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.*

⁽¹¹⁾ **vô đối** 無對 (*peerless, unequalled*): Không có gì sánh được.

⁽¹²⁾ **thường tại** 常在 (*existing forever*): Luôn luôn hiện hữu.

⁽¹³⁾ **thống ngự vạn vật** 統御萬物 (*governing all kinds of creation*): Cai quản muôn loài vạn vật.

sinh ra hay về Thầy đều do con đường âm dương biến hóa. Thầy là vậy nên gọi Đế. Gọi Đế hay gọi **Thái Cực Thánh Hoàng** cũng là danh bày tỏ Thầy là chi. Có điều danh chi cũng không đủ tượng trưng được ngôi Thầy.

Thái Cực là danh lớn vô cùng lớn, hay nói sự hòa hợp âm dương trong Thầy. Thầy không bao giờ chẳng lấy hòa làm Đạo.⁽¹⁴⁾ Thái hòa ⁽¹⁵⁾ là Thầy. Đạo còn biến hóa khiến cho muôn loài trở về đường chính nhằm bảo hợp thái hòa ⁽¹⁶⁾ tức là trở lại cùng Thầy. Thầy là tất cả. Tất cả là Thầy.⁽¹⁷⁾ Chỗ Thầy và tất cả giao hòa không lấy chi lường được, nên gọi Thầy là Thái Cực. Chúng sanh đều có Thái Cực. Thầy là Thánh Hoàng của chúng sanh. Thái Cực Thầy và Thái Cực chúng sanh

⁽¹⁴⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 2, đàn ngày 12-01 Đinh Mão (Chủ Nhật 13-02-1927) chép lời Thầy dạy: “*Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ, chỉ vụ một chữ hòa.*”

⁽¹⁵⁾ **thái hòa** 太和 (*great harmony*): Cũng như đại hòa 大和; sự hòa hiệp, hòa thuận rất lớn, tốt cùng..

⁽¹⁶⁾ **bảo hợp thái hòa** 保合太和 (*preserving and uniting the conditions of great harmony*): Giữ gìn và kết hợp các điều kiện để có được sự hòa hợp cùng khắp. Đây là từ ngữ trong *Thoán Truyện* quẻ Càn: “*Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh.*” 乾道變化, 各正性命, 保合太和, 乃利貞. (Đạo Trời biến hóa, khiến cho mọi vật giữ đúng được tính mệnh [Trời phú] mà lại gìn giữ và kết hợp các điều kiện để có được thái hòa, ấy mới là lợi và trinh. – *The way of Qian is to change and transform, so that everything obtains its correct nature [as bestowed by Heaven]; and [thereafter the conditions of] great harmony are preserved in union; thus, the result is advantageous, and correct-and-firm.*)

⁽¹⁷⁾ **Thầy là tất cả. Tất cả là Thầy**: *Thiên thị nhứt thiết. Nhứt thiết thị Thiên.* 天是一切. 一切是天. (*God is all. All is God.*)

đồng ở trong quyền phép Thánh Hoàng. Đã là Thánh Hoàng, Thầy không như phạm tục.

Các con ôi, hôm nay các con được ơn Thầy chỉ dạy mấy lời đạo pháp thật là dịp vô cùng quý báu.

Thầy cũng muốn nói ngôi Thầy ngự chẳng khác cung khuyết vàng rồng kinh thành ngọc trắng,⁽¹⁸⁾ nghĩa là chỗ cao sang tột bậc. Các con có biết chỗ ấy ở đâu chăng? Hay là nghe vậy biết vậy? Thầy nói chỗ ấy không như các con tưởng tượng. Thầy vô hình thì ngôi Thầy làm gì hữu tướng. Vàng ngọc là thứ ở dưới đất các con coi quý, chứ Thầy không lấy chi làm quý. Chính nơi Thầy ngự không ngoài vạn vật. Ở đâu cũng có Thầy.⁽¹⁹⁾ Thầy cỡi sáu rồng bay khắp muôn phương,⁽²⁰⁾ không ai lường được. Rồng bay lên trời cao vọi vọi,⁽²¹⁾ Thầy ngự ở đó nguy nga. Đó là ngôi cửu ngũ.⁽²²⁾ Thầy có quyền năng Tạo Hóa. Rồng nằm dưới vực sâu ⁽²³⁾ cũng có

Thầy ngự đến. Rồng hiện trên mặt đất ⁽²⁴⁾ hay bất cứ ở đâu thời nào cũng có Thầy cả. **Thời thừa lục long, du hành bất tức** ⁽²⁵⁾ thì Thầy đâu ngồi một chỗ như ông vua phạm tục.

Lục long là sáu hào dương quẻ Càn, Thánh Nhân mượn chỉ sự biến hóa ẩn hiện phi thường của Đạo Trời, người đời phải theo đó mà tu học cho nên Thánh, hay cho nên con Thầy.⁽²⁶⁾

Các con ôi! Thầy khuyên các con nên biết Thầy không phải thực phải hư. Thực thì có thể cầm nắm sờ mó được, còn hư thì trái lại. Thầy có khi hiện ra thực tướng Như Lai, lại có khi như hư không, không có gì cả. Hễ lấy mắt mà xem thì Thầy hư, hễ lấy tay sờ thấy Thầy không thực. Tuy không hiện hình nhưng Thầy **dịch sử quần linh**.⁽²⁷⁾ Mặt trời, mặt trăng và vô lượng tinh cầu vận hành trong hư không, không bao giờ sai luật trái đường. Con kiến bò, con người sống, không con nào ra ngoài luật âm dương tạo hóa. Ai vót gai nhọn, ai vo quả tròn, ai dựng nên trời đất? Thầy là chi không ai thấy, đường

⁽¹⁸⁾ **cung khuyết vàng rồng:** Huỳnh Kim Khuyết 黃金闕 (*the gold gate*). – **kinh thành ngọc trắng:** Bạch Ngọc Kinh 白玉京 (*the White Jade Capital*).

⁽¹⁹⁾ **Ở đâu cũng có Thầy:** Thiên thị vô sở bất tại. 天是無所不在. (*God is omnipresent.*)

⁽²⁰⁾ **cỡi sáu rồng bay khắp muôn phương:** Thừa lục long dĩ ngự thiên 乘六龍以御天 (*riding six dragons and flying everywhere in the sky*) – Càn, Thoán Truyện.

⁽²¹⁾ **rồng bay lên trời cao vọi vọi:** Phi long tại thiên 飛龍在天 (*the flying dragon in the sky.*) – Càn, hào cửu ngũ.

⁽²²⁾ **ngôi cửu ngũ (cửu ngũ chi vị 九五之位: emperor's position; God's throne):** Đế vị 帝位, ngôi vua; Thiên tòa 天座, ngôi Trời.

⁽²³⁾ **dưới vực sâu:** Tại uyên 在淵 (*in the deep*) – Càn, hào cửu tứ.

⁽²⁴⁾ **rồng hiện trên mặt đất:** Hiện long tại điền 見龍在田 (*the dragon appearing in the field.*) – Càn, hào cửu nhị.

⁽²⁵⁾ **Thời thừa lục long, du hành bất tức** 時乘六龍, 遊行不息: 1/ Nghĩa đen là Trời có lúc cỡi sáu con rồng đi tuần du các nơi không ngừng nghỉ. – 2/ Nghĩa bóng là Đạo Trời cương kiện, mạnh mẽ và vận hành khắp cả vũ trụ không một phút giây ngừng nghỉ, tức là Đạo Trời luôn luôn biến dịch đúng theo luật tắc, phù hợp hoàn cảnh, thời cơ.

⁽²⁶⁾ **tu học cho nên Thánh, hay cho nên con Thầy** (*practising self-cultivation so as to develop into a Saint, or grow to be a God's child*): Tu học cho ra, cho thành vị Thánh, hay cho ra, cho thành con Thầy.

⁽²⁷⁾ **dịch sử quần linh** 役使群靈 (*commanding all spirits*): Sai khiến vạn linh.

như hư nhưng không hư, còn nói thực thì Thầy là chi không phải thực mà nói dường như thực.⁽²⁸⁾ Thật là màu nhiệm.

Thầy có nói gì đâu.⁽²⁹⁾ Thánh Nhân cảm thấu Thầy thể nào đó rồi đặt kinh xưng tụng Thầy. Kinh sách nói đến Thầy rất nhiều, nhưng chỉ bày tỏ Thầy phần nào theo sở đắc⁽³⁰⁾ mà thôi. Khoa học ngày nay tiến bộ, nhưng cũng chưa tìm gặp Thầy được.

Xưa nay Thầy đã hóa độ vô số chúng sinh mà nào có ai nghe Thầy nói gì đâu. Phật hay Chúa nói ra lời Thầy cũng chưa đủ gọi là Thầy nói hết. Thế mà chúng sinh đã ngộ. Phải chăng Thầy không nói mà nói thầm kín lặng lẽ trong lòng chúng sinh. Các nhà khoa học bây giờ lên tận cung trăng đều phải nhận Thầy màu nhiệm. Đó cũng là Thầy **bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa**.⁽³¹⁾

Thầy là các con; các con là Thầy. Sở dĩ Thầy và các con như thế là vì Đạo, một cái gì ở Thầy, ở các con làm như nhịp cầu giao thông đây đó lại qua. Đạo ấy vô hình, có khi hiện hình người nam hay nữ. Nam nữ là âm dương. Âm dương hiệp lại thành trời đất. Trời đất cũng là âm dương. Trời là dương. Đất là âm. Trời có nước thuộc âm. Đất có lửa thuộc

dương.⁽³²⁾ Người nào cũng có âm dương giao hòa. Âm dương là hai khí phân làm bốn tượng. Tượng là khí thành ra Thái Dương, Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương là bốn tượng. Nói ra đã thấy âm dương không tuyệt đối âm, [không] tuyệt đối dương. Thầy đây có khi gọi Mẹ. Mẹ cũng có khi xưng Thầy. Càn và Khôn tuy hai quẻ khác nhau, nhưng dương cực âm sinh, cơ tiêu trưởng cho thấy âm thịnh dương suy, hay trái lại, chứ thật ra không ngoài Thái Cực nhất nguyên. Thầy là Nhất Nguyên.⁽³³⁾ Thầy biến hóa thành vạn hữu,⁽³⁴⁾ tướng dụng⁽³⁵⁾ bất đồng. Tuy chia ra vạn hữu sai biệt⁽³⁶⁾ nhưng gốc một, Thầy vẫn xoay⁽³⁷⁾ không giới hạn biên cương. Cổ cây cũng có Thầy, có âm dương. Trên Thầy có đủ Phật Tiên Thánh Thần cả nam lẫn nữ. Các đấng ấy cũng là âm dương biến hóa. Hoặc nữ hay nam cũng trong Thầy mà ra. Khi là Phật hay Tiên tức là khi Thầy ứng hóa. Cơ màu nhiệm này chỉ có Thầy mới biết Thầy. Các con chưa đắc đạo, Thầy cũng khó nói ra. Hằng ngày các con đọc tụng **khí phân Tứ Tượng, oát**

⁽²⁸⁾ Bửu Cáo: *Nhược thiết nhược hư*. 若實若虛. (*as real and as unreal*).

⁽²⁹⁾ **Thầy có nói gì đâu**: *Thiên hà ngôn tai*. 天何言哉. (*Heaven does not speak*.) – Luận Ngữ 17:19.

⁽³⁰⁾ **sở đắc** 所得 (*what one acquires; one's understanding*): Những gì họ lãnh hội được.

⁽³¹⁾ **bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa** 不言而默宣大化 (*speechless but displaying great changes of the universe*): Im lặng nhưng lại phô bày mọi cuộc sinh sôi nảy nở của vũ trụ.

⁽³²⁾ Như vậy là trong dương có âm, trong âm có dương.

⁽³³⁾ **nhất nguyên** 一元 (*monistic, monism*): Không âm không dương (không hữu không vô), không đối đãi. Trái lại, nhị nguyên 二元 (*dualistic, dualism*) thì phân biệt có âm có dương (hữu vô), có đối đãi. Thế giới con người là cõi nhị nguyên.

⁽³⁴⁾ **vạn hữu** 萬有 (*all things on earth*): *Vạn vật* 萬物, muôn vật trên đời.

⁽³⁵⁾ **tướng dụng** 相用 (*form and use*): Hình thức và công dụng. Thí dụ: nước ở hình thức lỏng (*liquid*) thì công dụng là để uống, luộc thực phẩm, v.v...; nước ở hình thức khí (hơi nước: *vapour*) thì công dụng là để xông hơi, hấp thực phẩm, v.v...

⁽³⁶⁾ **sai biệt** 差別 (*different*): Khác nhau.

⁽³⁷⁾ **vẫn xoay** (circulating; operating): Xoay vần; vận hành.

triền vô biên ⁽³⁸⁾ mà làm sao biết được thế nào. Đây Thầy cũng cho biết chút ít. Phật và Chúa mỗi vị một phương. Đạo Phật, đạo Chúa truyền lại môn đồ nam nữ, rồi từ đó truyền ra khắp. Bây giờ Thầy đến viết qua tay đồng tử rồi từ đó Hội Thánh nam và nữ truyền ra cho các con nam nữ. Đạo pháp trường lưu ⁽³⁹⁾ không biết ngày nào ngưng đọng.

Các con ơi! Thầy nhìn thấy các con mà lòng Thầy cảm động. Các con phải theo Thầy như người quân tử tự cường bất tức.⁽⁴⁰⁾

Thầy là mặt trời ngày ngày chói rọi mười phương. Người thấy mọc ở phương Đông lặn về phương Tây, bảo là Thầy vận hành mãi mãi không bao giờ mỏi mệt. Thiên hành kiện là nghĩa ấy. **Càn kiện cao minh** ⁽⁴¹⁾ cũng là nghĩa ấy.

Thầy làm con mắt đoái xem **vạn loại thiện ác**. Thầy cao

⁽³⁸⁾ **Khí phân Tứ Tượng, oát triền vô biên** 氣分四象, 輪旋無邊 (Yin and yang separate into the Four Symbols, infinitely revolving outwards and inwards).

⁽³⁹⁾ **Đạo pháp trường lưu** 道法長流 (Dharma circulates all the time): Bất kỳ thời đại nào, hoàn cảnh nào, nơi chốn nào, luôn luôn có đạo pháp khi ẩn khi hiện để dạy dỗ, dẫn dắt con người tu hành. (Câu này trong bài *Hỗn Động Tôn Sư*, kinh cúng tứ thời.)

⁽⁴⁰⁾ **tự cường bất tức**: Đại Tượng Truyện quẻ Càn có câu “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.” 天行健, 君子以自強不息. (Trời vận hành không ngừng, người quân tử noi theo lẽ đó mà bản thân luôn luôn mạnh mẽ không ngừng.) James Legge (1815-1897) dịch: *Heaven, in its motion, (gives the idea of) strength. The superior man, in accordance with this, nerves himself to ceaseless activity.*

⁽⁴¹⁾ Bửu Cáo: **Càn kiện cao minh**. 乾健高明. (The vigorous Heaven is extremely wise.)

minh không có vật nào ngoài tầm mắt Thầy.⁽⁴²⁾ Thầy thấy thiện thấy ác các con. Song Thầy không vì thiện ác mà bỏ các con. Mặt trời soi cho kẻ ác người thiện như thế nào, thì Thầy cũng vậy.⁽⁴³⁾ Mắt Thầy cao minh, sự nhìn thấy của Thầy không như thiên hạ. Lòng các con thế nào Thầy đều thấy cả. Thầy có chánh kiến. Các con học Thầy để thấy Thầy ở mỗi con. Cái thiện kia ác nọ không phải của Thầy, [không phải] của các con, mà của tà kiến.⁽⁴⁴⁾ Khi nào các con có Thầy hợp một sự thấy thì không còn phân nhơn ngã, thị phi,⁽⁴⁵⁾ thiện ác. Bây giờ là **huyền phạm quảng đại**,⁽⁴⁶⁾ cõi mầu nhiệm rộng lớn. Bây giờ Thầy và các con không lầm lẫn mảy may họa phước.

Phước là gì, họa thế nào, đều **lập phân**.⁽⁴⁷⁾ Phước ở Trời hay phước thế gian, họa xác thịt hay họa linh hồn, chi chi

⁽⁴²⁾ Bửu Cáo: **Vạn loại thiện ác tất kiến**. 萬類善惡悉見. (Thoroughly seeing all the good and the bad of all creatures.) Nhìn thấy tất cả mọi điều lành dữ, tốt xấu của muôn loài.

⁽⁴³⁾ Kinh Thánh nói về tâm thiên địa (lòng trời đất) của Đức Thượng Đế (Trời Cha) như sau: *Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính. – He [Father in heaven] causes his sun to rise on the evil and the good, and sends rain on the righteous and the unrighteous.* (Mát-thêu 5:45).

⁽⁴⁴⁾ **tà kiến** 邪見 (false view, incorrect view): Cái thấy sai trái, không phải chánh kiến 正見 (correct view).

⁽⁴⁵⁾ **thị phi** 是非 (right and wrong; praise and criticism). Đúng và sai; lời khen chê của dư luận.

⁽⁴⁶⁾ Bửu Cáo: **Huyền phạm quảng đại** 玄範廣大 (extensive law of Heaven), là luật Trời rộng lớn.

⁽⁴⁷⁾ **lập phân** 立分 (decided clearly): Phân định minh bạch.

Thầy và các con rõ cả.

Phước họa đôi đường tương đối. Các con có khi lầm cho phước là họa, họa là phước. Một nhà tu chơn chính nhìn đời thấy khác người tục.⁽⁴⁸⁾ Cái chết của Chúa Giê-su là phước hay họa? Phật Thích Ca bỏ nhà vàng ra đi tìm đạo giải thoát là họa hay phước? Huỳnh Ngọc Trác tuấn đạo,⁽⁴⁹⁾ phước họa thế nào? Bây giờ Thầy nói cho các con rõ dưới mắt Thầy họa hay phước là điều các con chưa thấy rõ.

Hôm nay các con ngồi tu theo đạo pháp tâm truyền như Ngô Đại Tiên ngày trước các con có cho là phước không? Nếu là phước thì bao nhiêu người khác thế nào? Thầy nói thật mọi sự làm theo ý Thầy là phước. Dù cho các con tu mà ích kỷ không nhận rõ Đạo là chi thì suốt đời cũng vô ích. Còn như không tu mà hành thì Thầy không muốn. Hành đạo bằng tâm và thân tu mới có phước. Phật nói dù cho lấy thất bảo cả tam

⁽⁴⁸⁾ Đức Lão Tử dạy (*Đạo Đức Kinh*, Chương 58): *Họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề họa chi sở phục*. 禍兮福之所倚; 福兮禍之所伏. (Họa là chỗ dựa của phước; phước là chỗ nấp của họa.) A. Charles Muller dịch (1991): *Misfortune depends upon fortune. Fortune conceals misfortune*.

⁽⁴⁹⁾ **Huỳnh Ngọc Trác**: Tiền bối sinh năm 1898. Sau thời gian bị cầm tù tại Quảng Nam (1941-1945), ngày 01-5-1945 Ngài đi Quảng Ngãi hành đạo cùng một số chức sắc. Ngày 07-7-1945 Ngài và các vị đồng đạo bị bắt. Ngày 10-7-1945 tất cả bị bắn chết tại huyện Nghĩa Hành (Quảng Ngãi). Đức Chí Tôn ban đạo quả cho Ngài Huỳnh là *Liễu Ngộ Không Tâm Chế Tại Giải Ách Bồ Tát* 了悟空心 制災解厄菩薩. Giáng cơ từ năm 1955, Ngài xưng là *Liễu Tâm Chơn Nhơn* 了心真人, hay *Huỳnh Chơn Nhơn* 黃真人. – **tuấn đạo** 殉道 (*sacrificing one's life for a religion*): Chết vì hy sinh cho tôn giáo của mình.

thiên đại thiên thế giới bố thí cũng không bằng công đức thọ trì tứ cú kệ.⁽⁵⁰⁾ Tứ cú kệ thế nào, các con có biết không? Dù nói ra kệ bốn câu bằng lời hay viết thành văn không đủ nghĩa lý. Công phu từ sơ thiên đến tứ thiên, một niệm vô sanh thì công đức vô lượng. Các con gắng tu cho được vậy thì có thể cùng Thầy **nhứt toán họa phước lập phân**.⁽⁵¹⁾

Thầy nói cho các con biết Thầy không phải là trời ⁽⁵²⁾ mà là đấng cầm quyền cả ba mươi sáu cõi trời và ba ngàn thế giới.⁽⁵³⁾ Không những bảy mươi hai địa cầu mà cho đến tứ đại bộ châu cũng do Thầy nắm giữ.⁽⁵⁴⁾ Mỗi nơi thế nào các con đâu rõ. Thầy ở khắp mọi nơi. Cả càn khôn không ngoài bàn tay màu nhiệm của Thầy cầm nắm. Hễ đã có quyền năng như thế thì không một vật nào, một người nào còn mất, sống chết không do Thầy. Khoa học càng tiến bộ càng khám phá

⁽⁵⁰⁾ **tứ cú kệ**: Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

⁽⁵¹⁾ Bửu Cáo: *Nhứt toán họa phước lập phân*. 一算禍福立分. (*Misfortune and fortune are decided clearly and instantly*.) Điều tai họa và phước lành được phân định minh bạch và mau chóng.

⁽⁵²⁾ **trời**: Là *chư thiên*, *devas* (tiếng Pali), nghĩa là các vị ở cõi trời (tương đương chữ *gods* trong tiếng Anh). Người Hoa dịch là 天人 (*thiên nhân*: người cõi trời); chữ *thiên* ở đây không viết hoa (tương đương *a god, gods* trong tiếng Anh). Khi viết hoa (*Thiên*) thì có nghĩa là ông Trời, Thượng Đế (tương đương chữ *God* trong tiếng Anh, và không bao giờ có mạo từ *the* ở trước).

⁽⁵³⁾ Bửu Cáo: *Thượng chưởng tam thập lục thiên, tam thiên thế giới*. 上掌三十六天, 三千世界. (*Above, God superintends the thirty-six heavens and the great chiliocosmos*.)

⁽⁵⁴⁾ Bửu Cáo: *Hạ ốc thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu*. 下握七十二地, 四大部洲. (*Below, God superintends the seventy-two globes and the four great continents*.)

cơ tạo hóa của Thầy. Các con đừng tưởng thành bại do người. “Hành hoặc sử chi, chi hoặc nặc [ni] chi. Hành chi, phi nhơn sở năng dã.”⁽⁵⁵⁾ Mạnh Tử đã biết được Thầy rồi.

Thầy là Đại Từ Phụ, thì dù tiên thiên hay hậu thiên Thầy đều dưỡng dục.⁽⁵⁶⁾ Các đấng Thần Linh, Thiên Sứ hay ngạ quỷ súc sanh, hoặc Thầy chưa nói đã biết, hoặc Thầy dạy rồi mới hay, trí tuệ hay ngu mê, chi chi cũng có Thầy thương yêu ban cho sự sống. Thầy là thế nên các con xưa nay ngưỡng vọng.⁽⁵⁷⁾ Thầy từ đó tế độ các con không phân thiện ác. Tất cả dòng đạo pháp xưa nay các con và cả nhân loại tôn kính tín ngưỡng đều bởi Thầy mà ra. Thầy là lẽ thật, là dòng đạo pháp tổng hợp cổ kim.⁽⁵⁸⁾ Các con tin Thầy được cứu. Không phải nội các con là bề tôi trung tín của Thầy. Thầy làm chủ cả mười phương Thánh Thần Tiên Phật,⁽⁵⁹⁾ làm vua cả nhật, nguyệt, tinh thần thượng hạ.⁽⁶⁰⁾ Các con coi đó biết Thầy là chi. Nói vua, nói chủ là nói quyền năng mầu nhiệm dịch sử

⁽⁵⁵⁾ 行或使之, 止或尼之, 行止, 非人所能也. (Làm hoặc sai người khác làm, thôi hoặc bảo người khác thôi. Làm hay thôi không phải là khả năng con người vậy.) *Mạnh Tử, Lương Huệ Vương, Hạ, 23.*

⁽⁵⁶⁾ Bửu Cáo: *Tiên thiên, hậu thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ.* 先天, 後天, 並育大慈父. (Both the precelestial and postcelestial heavens are equally nourished by the Heavenly Father of Great Mercy.)

⁽⁵⁷⁾ Bửu Cáo: *Cổ ngưỡng, kim ngưỡng.* 古仰, 今仰. (Being respectfully worshipped at present and in the ancient time.)

⁽⁵⁸⁾ Bửu Cáo: *Tổng pháp tông.* 總法宗. (All lineages of dharma.)

⁽⁵⁹⁾ Bửu Cáo: *Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ.* 為聖神仙佛之主. (Being the lord of all Deities, Saints, Immortals, and Buddhas.)

⁽⁶⁰⁾ Bửu Cáo: *Nãi nhật nguyệt tinh thần chi quân.* 乃日月星辰之君. (Being the lord of the sun, the moon, and all the stars.)

hóa độ đó con.⁽⁶¹⁾ Phật không hơn Thầy; Thầy là Phật.⁽⁶²⁾ Hai mà một, hiển vi vô gián,⁽⁶³⁾ thể dụng nhứt nguyên.⁽⁶⁴⁾ Nói chủ là nói cơ mầu nhiệm, dù cho Phật cũng không qua.

Nói là vậy cũng chưa chí Đạo.⁽⁶⁵⁾ Đạo mà nói ra lời, Thầy mà còn kêu chủ thì sao gọi là **trạm tịch chơn đạo**.⁽⁶⁶⁾ Đại Đạo trạm nhiên thường tịch, cũng như nói “*Thượng Thiên chi tái, vô thanh vô xú.*”⁽⁶⁷⁾ Đạo ấy vô vi bất ngôn, **khôì mịch tôn nghiêm**,⁽⁶⁸⁾ các con xem không thấy, lóng không nghe,⁽⁶⁹⁾

⁽⁶¹⁾ Bửu Cáo: *Vô vi nhi dịch sử quần linh.* 無為而役使群靈. (God commands all spirits in wuwei manner.)

⁽⁶²⁾ Cho nên, nếu bảo *Phật lớn hơn Trời*; hay bảo *Trời cao hơn Phật*, thì cả hai đều không phải là chánh kiến. *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, đàn Chủ Nhật 24-10-1926, Đức Chí Tôn dạy: “*Thầy là chư Phật. Chư Phật là Thầy.*” (I am Buddhas. Buddhas are Me.)

⁽⁶³⁾ **hiển vi vô gián**: 顯微無間 (Visibility and invisibility are very close to each other.): Hiện hay ẩn đều không ngăn cách.

⁽⁶⁴⁾ **thể dụng nhứt nguyên** 體用一元: Bản thể (substance) và công dụng (use) của bản thể cũng là một, không đối lập nhau (vì có đối lập thì thuộc về nhị nguyên).

⁽⁶⁵⁾ **chí Đạo** 至道 (thoroughly expressing the essence of Dao): Rót ráo được lẽ Đạo.

⁽⁶⁶⁾ Bửu Cáo: *Trạm tịch chơn đạo.* 湛寂真道. (The True Dao is clear and quiet.)

⁽⁶⁷⁾ **Thượng Thiên chi tái, vô thanh vô xú.** 上天之載, 無聲無臭. (The supreme Heaven's doings have neither sound nor smell.): Những việc Trời làm thì không tiếng không mùi. *Trung Dung, 33.*

⁽⁶⁸⁾ Bửu Cáo: *khôì mịch tôn nghiêm* 恢漠尊嚴 (great, immense, and dignity).

⁽⁶⁹⁾ **xem không thấy, lóng không nghe**: *Thị chi bất kiến, thính chi bất văn.* 視之不見, 聽之不聞. Looking but seeing none; listening

lặng lẽ im lìm như tro lạnh không hơi chẳng khói. Sở dĩ tôn nghiêm vì Đạo ấy biến hóa vô cùng, **linh oai mạc trắc**.⁽⁷⁰⁾ Tất cả kinh báu có công năng giác thể, hay bao nhiêu giáo pháp thần diệu thường lợi ích chúng sinh⁽⁷¹⁾ đều bởi Đạo. Các con không lấy khoa học trắc nghiệm⁽⁷²⁾ được đâu. Khi là Phật Ấn Độ, khi là Chúa Do Thái, khi là rồng thiêng Lão Tử,⁽⁷³⁾ khi là Khổng Tử người bốn phương.⁽⁷⁴⁾ Đến bây giờ lại là Thầy vô

but hearing none. (Kim Quang Thần Chú 金光神咒)

⁽⁷⁰⁾ Bửu Cáo: *Linh oai mạc trắc* 靈威莫測. (*God's majesty and sacredness are immeasurable.*)

⁽⁷¹⁾ Bửu Cáo: *Thường thi thần giáo dĩ lợi sanh.* 常施神教以利生. (*God constantly bestows wondrous teachings to benefit all living beings.*)

⁽⁷²⁾ **trắc nghiệm** 測驗 (*measuring and examining something*): Đo lường và khảo sát.

⁽⁷³⁾ **rồng thiêng Lão Tử**: *Nam Hoa Kinh* (Thiên Vận, 6) chép rằng sau khi đi thăm Đức Lão Tử, lúc trở về Đức Khổng Tử chẳng nói gì suốt ba ngày. Đệ tử hỏi han thì Đức Khổng ví Đức Lão như con rồng thiêng: “Ngô nãi kim ư thị hồ kiến long. Long hợp nhi thành thể, tán nhi thành chương, thừa hồ vân khí nhi dưỡng hồ âm dương.” 吾乃今於是乎見龍。龍合而成體，散而成章，乘乎雲氣而養乎陰陽。(Ta nay đã thấy rồng. Rồng cuộn mình thành một khối, duỗi ra thành rồng tròn vẹn. Rồng cỡi khí mây và sống bằng khí âm dương.) James Legge (1815-1897) dịch: (...) *I have now seen the dragon. The dragon coils itself up, and there is its body; it unfolds itself and becomes the dragon complete. It rides on the cloudy air, and is nourished by the yin and yang.*

⁽⁷⁴⁾ **Khổng Tử người bốn phương**: Trong thời đại Trung Hoa phân chia thành nhiều nước, vì hoài bão đem tư tưởng của mình ra giúp đời, Đức Khổng Tử từng dẫn một nhóm học trò đi khắp các nước trong suốt mười ba năm để mong tìm được minh chúa

hình giáo đạo Nam Phương. Chính các con cũng không biết Thầy biến hóa làm sao. Các con chấp rằng nhánh đạo này, nhánh đạo kia hay người này, người kia mới có Thầy ngự đến. Không ngờ Thầy trong tất cả; tất cả là Thầy. Các chi thể trong người con chỗ nào mà chẳng phải con. Dù cho trùng độc ngoại nhập, khi đã ở trong con rồi thì sự sống của con là của nó. Thầy nói thật, dù cho hổ lang cấu xé các con cũng không ngoài ý Thầy cho phép.⁽⁷⁵⁾ Đó cũng là phép dĩ độc trị độc.⁽⁷⁶⁾ Sự biến hóa vô cùng ấy, các con muốn rõ không chỉ hơn công phu học Dịch tu tâm.⁽⁷⁷⁾ Các con muốn cùng Thầy “*Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên*”,⁽⁷⁸⁾ phải tu phải học. Không tu không học làm sao

biết dùng tài đức của Ngài. (*Khổng Tử tăng đãi linh bộ phận đệ tử chu du liệt quốc tiền hậu đạt thập tam niên.* 孔子曾帶領部分弟子周游列國前後達十三年.)

⁽⁷⁵⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn Thứ Bảy 13-3-1926: “*Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con (...).*”

⁽⁷⁶⁾ **dĩ độc trị độc** 以毒治毒 (*Curing ills with poison; fight evil with evil; fighting fire with fire*): Lấy cái độc mà chữa trị cái độc.

⁽⁷⁷⁾ **học Dịch tu tâm** 學易以修心 (*learning I Ching to cultivate one's mind*): Chẳng hạn, đàn cơ tại Tam Tông Miếu ngày 10-10 Ất Tỵ (Thứ Năm 02-11-1965), Đức Thánh Trần Hưng Đạo lựa trong sáu mươi bốn quẻ Dịch chọn ra chín quẻ để dạy các bậc hướng đạo Kỳ Ba tu đức (tu tâm). Chín quẻ này là: 1/ Thiên Trạch Lý (quẻ 10); 2/ Địa Sơn Khiêm (quẻ 15); 3/ Địa Lôi Phục (quẻ 24); 4/ Lôi Phong Hằng (quẻ 32); 5/ Sơn Trạch Tốn (quẻ 41); 6/ Phong Lôi Ích (quẻ 42); 7/ Trạch Thủy Khôn (quẻ 47); 8/ Thủy Phong Tỉnh (quẻ 48); 9/ Bát Thuần Tốn (quẻ 57).

⁽⁷⁸⁾ **Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ**

biết “Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trình”.⁽⁷⁹⁾ Dịch Kinh là bửu kinh, là thần giáo.⁽⁸⁰⁾ Thầy ngày nay lập pháp giáo đạo trên nền tảng Dịch lý đó con. Thế là các con đừng tưởng Đạo Thầy theo con thấy nhiều đó.

Thầy thương yêu các con, song Thầy cũng có khi răn cấm các con điều trái đạo. Các con đọc Kinh Thánh Cựu Ước để biết Thầy khi lập Mười Điều Răn với sự thị hiện oai nghiêm dường nào. Các con đọc Kinh Thánh Tân Ước để thấy Thầy từ bi vô lượng. Thầy đem mình chuộc tội các con mà còn xin cho các con nghịch Thầy được tha.⁽⁸¹⁾ Như thế oai lớn mà từ cũng lớn.⁽⁸²⁾ Thầy đúng là ngôi vô cực, không ngôi nào trên Thầy.⁽⁸³⁾ Thầy là **đại thánh** đã từng **đại nguyện** ⁽⁸⁴⁾ cứu độ

ngự thiên: *Thánh nhân [đại minh] thấu suốt đầu đuôi [chung thủy] / Biết sáu giai đoạn [lục vị] cơ Trời biến thiên / Thế là cưới sáu rồng thiêng / Vượt muôn biến hóa, băng miền trời mây.*
(Thoán Truyện quẻ Càn, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch)

⁽⁷⁹⁾ **Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trình:** Xem chú thích (16) ở trên.

⁽⁸⁰⁾ **thần giáo** 神教 (*wondrous teaching*): Lời dạy rất huyền diệu.

⁽⁸¹⁾ Bửu Cáo: *Hựu tội*. 宥罪. (Xá tội: *forgiving sins*.) – Quân dữ đóng đinh Chúa Giê-su vào thập giá trên Đồi Sọ, giữa hai tên gian phi, một tên bên phải, một tên bên trái. Bấy giờ Đức Giê-su cầu nguyện: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.” (*Father, forgive them, for they do not know what they are doing.*) – *Lu-ca 23:34.*

⁽⁸²⁾ Bửu Cáo: *Hồng oai, hồng từ*. 洪威洪慈. (*Great majesty and mercy*).

⁽⁸³⁾ Bửu Cáo: *Vô cực, vô thượng*. 無極, 無上. (*Infinite and supreme*.)

⁽⁸⁴⁾ Bửu Cáo: *Đại thánh, đại nguyện*. 大聖, 大願. (*Great holiness, great pledge*.)

các con. Các con đọc lời Thầy đã dạy về lời đoan thệ cũng đủ biết Thầy thương các con dường nào.⁽⁸⁵⁾ Thầy dựng nên vạn hữu, không con nào chẳng thương. Bao nhiêu đau khổ của con Thầy đều cứu độ. Các con thử làm nên một con kiến Thầy xem. Có ai tự ý sinh con theo ý mình muốn không? Thầy đây dựng nên A-đam, E-và, và tất cả. Thầy ban cho sự sống. Thế rồi người thủy tổ các con phạm tội cùng Thầy, lại bảo tại Thầy dựng nên nầy nọ. Thầy từ bi đuổi ra khỏi địa đàng làm ăn.⁽⁸⁶⁾

Thầy như thế nên có kẻ tôn Thầy là **Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Tích Phước Hựu Tội Đại Thiên Tôn**.⁽⁸⁷⁾

⁽⁸⁵⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo:* (a) *Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo mẫu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh. / Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.* (b) *Muôn kiếp các con chịu lạc đường / Thấy vậy Thầy luống động lòng thương / Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật / Lập Đạo không thành chịu tội ương.*

⁽⁸⁶⁾ *Kinh Thánh Cựu Ước:* Sáng Thế Ký 3:23.

⁽⁸⁷⁾ 玄穹高上帝玉皇錫福宥罪大天尊.

PHỤ ĐÍNH TỨ CÚ KỆ

1. Đức Phật kết thúc Kinh Kim Cang bằng bốn câu kệ (**tứ cú kệ**) như sau:

一切有爲法	<i>Nhất thiết hữu vi pháp</i>
如夢幻泡影	<i>Như mộng, huyễn, bào, ảnh</i>
如露亦如電	<i>Như lộ diệt như điện</i>
應作如是觀。	<i>Ưng tác như thị quán。</i>

(Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương, như chớp lóe
Hãy quán chiếu như thế.)

2. **Tứ cú kệ** của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư (?-1018) dạy môn đệ trước khi liễu đạo:

身如電影有還無	<i>Thân như điện ảnh hữu hoàn vô</i>
萬木春榮秋又枯	<i>Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô</i>
任運盛衰無怖畏	<i>Nhận vận thịnh suy vô bố úy</i>
盛衰如露草頭鋪。	<i>Thịnh suy như lộ thảo đầu phô。</i>

Hòa thượng Thích Mật Thể (1913-1961) dịch:

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời*

Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.

3. Theo Đoàn Trung Còn (*Tự Điển Phật Học*, quyển 3), **tứ cú kệ** là một bài kệ tóm lược trong bốn câu chứa đựng hết ý nghĩa đạo lý. Chư Phật chư Tổ thường dùng tứ cú kệ truyền cho đệ tử hoặc để khai ngộ hay để phó chúc. Người hữu duyên nghe một tứ cú kệ, có thể giác ngộ mà tu cho tới thành đạo. Thí dụ, bốn câu kệ sau đây [trong Kinh Pháp Cú] tóm lược hết giáo lý nhà Phật:

諸惡莫作	<i>Chư ác mạc tác</i>
眾善奉行	<i>Chúng thiện phụng hành</i>
自淨其意	<i>Tự tịnh kỳ ý</i>
是諸佛教。	<i>Thị chư Phật giáo。</i>

(Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý trong sạch
Là lời chư Phật dạy.)

4. **Tứ cú kệ** (...) chỉ các thi kệ Phật giáo hình thành bằng bốn câu thơ, kệ tụng do sách Phật ghi chép, phần nhiều gồm bốn câu, nhưng số chữ mỗi câu thì không nhất định. Tứ cú kệ thường hàm chứa yếu nghĩa kinh luận Phật giáo, cho nên trong kinh thường nói dùng tứ cú kệ dạy người hoặc trì thọ tứ cú kệ, đều được công đức rất lớn (...). Như vậy, tứ cú kệ không chỉ một bài kệ nào mà chỉ chung kinh điển nào của Phật giáo cũng được, hay sâu hơn là hàm ý chỉ yếu lý Phật pháp. (Theo nguyệt san *Giác Ngộ* số 41, tháng 8-1999.)

CHÚ GIẢI BÀI NIỆM HƯƠNG

I. KINH VĂN

01. Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp
02. Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra
03. Mùi hương lư ngọc bay xa
04. Kính thành cầu nguyện Tiên Gia chứng lòng.
05. Xin Thần Thánh ruổi giọng cõi hạc
06. Xuống phàm trần vội gác xe tiên
07. Ngày nay đệ tử khẩn nguyện
08. Chín tầng trời đất thông truyền chiếu tri.
09. Lòng sở vọng gắn ghi đảo cáo
10. Nhờ Ông Trên bố báo phước lành.

NAM CỰC CHƯỞNG GIÁO

II. KHẢO DỊ

Nhiều bản kinh Cao Đài in là *Niệm Hương*, lược bớt chữ *Bài* trong nhan đề gốc.

Câu 4, bản kinh Minh Lý Đạo in là *kính thành*. Nhiều bản kinh Cao Đài in là *kính thành*. (*Kính* và *kính* đồng nghĩa.)

Câu 8, bản kinh Minh Lý Đạo in là *chiếu tri*. Nhiều bản kinh Cao Đài in là *chứng tri*.

Câu 9, bản kinh Minh Lý Đạo in là *gắn* (tức là gắn bó). Một vài bản kinh Cao Đài in là *gắng* (tức là cố gắng).

Câu 10, bản kinh Minh Lý Đạo in là *bố* (ban bố). Nhiều bản kinh Cao Đài in là *bổ*. (*Bổ báo, bổ báo, báo bổ* đồng nghĩa.)

III. XUẤT XỨ

Bài kinh này nguyên là kinh tụng của Minh Lý Đạo, có in trong phần mở đầu *Kinh Sám Hối*, nhan đề là *Bài Niệm Hương*, do Đức Nam Cực Chưởng Giáo giảng cơ ban cho. Vì vậy, khi nêu rõ năm chỗ khác nhau như khảo dị trên đây, chúng tôi ước mong rằng sau này kinh Cao Đài nên giữ đúng theo bản gốc xưa kia đã thỉnh từ Minh Lý Đạo.

Tháng 8-1926, vâng lệnh Ông Trên, các vị tiền khai Cao Đài đến Minh Lý Đạo để thỉnh kinh. Cùng thời gian ấy, trong đàn cơ ngày 28-6 Bính Dần (Thứ Sáu 06-8-1926), Ông Trên dạy các vị tiền khai của Minh Lý Đạo như sau:

"Ngã Lục Đình Thần giảng đàn. Hỷ chư nhu."

Ta vâng lệnh Đạo Tổ giảng xuống, truyền cho chư nhu rõ: Chư nhu phải sắm mười hai cuốn Kinh Sám Hối cho thiết tốt, sạch, chẳng có chút bợn nhơ gì hết. Sắm rồi thì phải cho đi mời Trung, Lịch, Kỳ lại nhà chư nhu, biểu chúng nó làm lễ mà thỉnh kinh ấy. Nơi bìa kinh phải đề hiệu Tam Tông Miếu."⁽¹⁾

Trung, Kỳ, Lịch tức là các tiền khai Lê Văn Trung (1876-1934), Vương Quan Kỳ (1880-1939), và Lê Văn Lịch (1890-1947). Ông Trên dạy ba vị *"lại nhà chư nhu (...) làm lễ mà thỉnh kinh ấy"* bởi vì thuở đó Minh Lý Đạo chưa cất được thánh sở riêng trên đường Chasseloup Laubat (nay là số 82 đường Cao Thắng, quận 3), nên đang phải mượn Linh Sơn Tự ở số 149 đường Douamont, khu Cầu Muối (nay là số 149

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển I: *Khai Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2005, tr. 255.

đường Cô Giang, quận 1) để cúng kiếng vào giờ Tý ngày 14 và 30 mỗi tháng.

“(N)hà *chư nhu*” tức là nhà ngài Minh Chánh (thế danh Âu Kích, 1896-1941), một trong số mười hai vị tiền khai của Minh Lý Đạo. Nhà ngài nằm trong một con hẻm ở đường Barbier (nay là đường Thạch Thị Thanh, phường Đa Kao, quận 1). Vị trí ngôi nhà ấy hiện nay là vị trí nhà số 78/2 đường Võ Thị Sáu, quận 1.⁽²⁾

Kinh Sám Hối của Minh Lý Đạo gồm có phần *Lễ Nghi*, và *Các Bài Kinh*. Trong một lần hầu đàn ngày Thứ Sáu 21-8-1925, ngài Minh Thiện (thế danh Nguyễn Văn Miết, 1897-1972) bạch: “Mỗi khi phát Kinh Sám Hối thì chúng tôi có đăng phát luôn các bài Khai Kinh, các bài Chú Tịnh Khẩu... kèm theo?” Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy: “Phát luôn.”⁽³⁾

Như thế, khi thỉnh Kinh Sám Hối các vị tiền khai Cao Đài đã thỉnh luôn các bài kinh, bài chú có in trong quyển kinh của Minh Lý Đạo. Bởi vậy, trong quyển *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh*, do ngài Nguyễn Ngọc Thơ in tại nhà in Xưa Nay, số 62-64, Boulevard Bonnard, Sài Gòn, năm 1926, có tám bài trích từ quyển Kinh Sám Hối như sau: *Niệm Hương, Tịnh Khẩu Chú, Tịnh Tâm Chú, Tịnh Thân Chú, An Thổ Địa Chú, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối*.

Bài Niệm Hương và *Bài Khai Kinh* chú giải sau đây được căn cứ theo bản của Minh Lý, vì là gốc ban đầu.

IV. CHÚ GIẢI

Câu 1:

⁽²⁾ *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển I: *Khai Đạo*, tr. 257.

⁽³⁾ *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển I: *Khai Đạo*, tr. 256.

Đạo 道 (*Dao*): Cái nguyên lý (*the Principle*) hay luật tắc (*the Law*) sinh thành, nuôi dưỡng và chi phối tất cả vạn vật trong vũ trụ. Con người thường phải nhờ tôn giáo làm phương tiện để học hỏi, thực hành mới có thể hiểu biết và đạt được Đạo (đắc đạo). Theo nghĩa này, tôn giáo ⁽⁴⁾ là con đường, là phương tiện đưa con người đi đến Đạo.

Đức Chí Tôn dạy: “Đạo tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đạo trần do [= noi] theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm.”⁽⁵⁾

gốc bởi (*consisting in*): Chủ yếu là do ở.

thành 誠 (*sincere*): Thành thật.

lòng thành (thành tâm 誠心: *sincerity*): Lòng chân thật.

tín 信 (*good faith*): lòng tin, đức tin.

hiệp (*harmony*): Hiệp hòa 協和.

Câu 1: Người theo đạo (là tín đồ một tôn giáo), cốt yếu phải có một tấm lòng thành thật, một đức tin mạnh mẽ, và tình hòa hiệp, hòa thuận với đồng đạo và người khác.

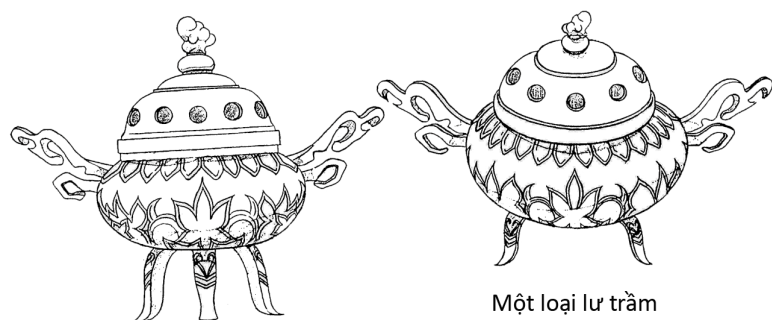
Câu 3:

lư (*incense burner*): Chữ Nho là 爐, có thể là một trong hai loại sau đây: 1/ *Lư trầm*: Còn gọi là đỉnh 鼎, có ba chân

⁽⁴⁾ **tôn giáo** 宗教 (*religion*): Chữ Nho gọi tắt là 教; người Việt gọi là *đạo*. Thí dụ: Chữ Nho nói *Cao Đài Giáo*, tức là *đạo Cao Đài*.

⁽⁵⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Quyển thứ Nhì. Tòa Thánh Tây Ninh, 1963, tr. 3.

(gọi là chân quỳ), có hay không nắp đậy, thường bằng đồng (hay gốm, sứ), dùng đốt trầm; 2/ *Lư nhang*: Chữ Nho là *huong lô* 香爐, còn gọi lư hương, bát hương (bát nhang), vừa hương; loại giản dị thường có dạng như cái thố, cái tô.



Một loại lư trầm

lư ngọc (ngọc lô 玉爐): Nghĩa bóng là lư quý, không nên hiểu là lư làm bằng ngọc. Từ xưa ngọc vẫn được dùng để chỉ cho những gì rất tốt đẹp. Người xưa ví đức độ của bậc chính nhân quân tử đẹp và sáng như ngọc, nên *Lễ Ký* có câu: *Quân tử ư ngọc tỷ đức*. 君子於玉比德. Thượng Đế là vua cõi trời thì tôn xưng là Ngọc Đế, Ngọc Hoàng... Lời nói được tôn quý thì gọi là lời châu tiếng ngọc (*châu* 珠: ngọc trai, *pearl*).

Câu 5:

ruổi giông cỡi hạc (*arriving quickly on a crane*): Cỡi hạc bay đến mau cấp kỳ, thật nhanh.

hạc 鶴 (*crane*): Loài chim thường có lông trắng, cổ cao, chân cao, mỏ dài, bay lẹ. Hạc được quý trọng vì nhiều đức tính. Người ta cho đây là giống chim linh, rất khôn ngoan.

Sau chim phượng hoàng 鳳凰 (*phoenix*),⁽⁶⁾ hạc đứng hàng

⁽⁶⁾ Chim trống là *phượng*; chim mái là *hoàng*. Đây là loài chim thần

thứ hai, được tin là có nhiều khả năng huyền bí. Hạc được coi là tổ loài lông vũ, được các vị Tiên dùng làm phương tiện đi lại (*the aerial courser*). Bởi vậy, khi cầu cơ mà có Ông Trên giáng lâm, ngọn cơ trên tay đồng tử bắt đầu xoay chuyển, thì mọi người hầu đàn liền đọc *Bài Mừng Tiên* (cũng gọi là *Bài Thúc Cơ*), bốn câu mở đầu như sau:

*Mừng thay chi xiết nỗi mừng
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng không trung
Hạc reo bay khắp đạo cùng
Cần khôn thế giới cũng chung một bầu.*

Người xưa cho rằng có bốn loại hạc là đen, vàng, trắng, và xanh, trong đó hạc đen tuổi thọ cao nhất. Truyền thuyết bảo hạc sống rất lâu. Do đó, thơ văn dùng hai chữ *tuổi hạc* để nói tới những người già trường thọ. Bài *Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Quy Liễu* trong đạo Cao Đài có câu: *Xem thân tuổi hạc càng cao / E ra tử biệt Thiên Tào định phân*.

Truyện cổ kể rằng khi Tiên sắp giá ngự nơi nào thì có hạc bay đến trước réo, để báo tin; có khi chính Tiên hóa thành hạc để ngao du. Cuối đời nhà Hồ, khi Hồ Hán Thương (1336-1407) đốt núi Na (tức núi Nứa, ở xã Cổ Định, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), vị ẩn sĩ nơi ấy hóa thành hạc đen bay lên không trung.

Câu 6:

gác (*stopping*): Dừng lại.

xe tiên (*tiên xa* 仙車: *immortal cart*): Thay vì cỡi hạc, chư Tiên còn dùng hạc kéo một cỗ xe để du hành.

thoại (*mythological bird*).

Câu 7:

khẩn nguyện (khẩn nguyện 懇願) Tha thiết cầu xin (*begging earnestly*).

Câu 8:

chín tầng trời đất: (cửu thiên 九天: *the nine celestial spheres, the nine heavens*): Theo đạo Lão, trời cao có chín tầng, gọi là cửu trùng 九重, cửu giai 九垓, cửu tiêu 九霄, cửu thiên 九天. Mỗi tầng lại thêm ba tầng nữa, tổng cộng là (4x9) ba mươi sáu tầng trời, nên còn gọi là tam thập lục thiên 三十六天 (*the thirty-six heavens*).

Theo chín bài kinh cúng cửu trong đạo Cao Đài thì chín tầng trời lần lượt từ thấp lên cao như sau:

- Tầng 1 và 2: Trong kinh không cho biết tên gọi.
- Tầng 3: Thanh Thiên 青天 (*the Azure Heaven*).
- Tầng 4: Huỳnh Thiên 黃天 (*the Yellow Heaven*).
- Tầng 5: Xích Thiên 赤天 (*the Scarlet Heaven*).
- Tầng 6: Kim Thiên 金天 (*the Golden Heaven*).
- Tầng 7: Hạo Nhiên Thiên 浩然天 (*the Expansive Heaven*).
- Di Lạc Chơn Kinh gọi là Hạo Nhiên Pháp Thiên 浩然法天 (*the Heaven of Expansive Dharmas*).
- Tầng 8: Phi Tưởng Thiên 非想天 (*the Heaven of Non-Thought*). – Di Lạc Chơn Kinh gọi là Phi Tưởng Diệu Thiên 非想妙天 (*the Wondrous Heaven of Non-Thought*).
- Tầng 9: Tạo Hóa Thiên 造化天 (*the Heaven of Creation*). – Di Lạc Chơn Kinh gọi là Tạo Hóa Huyền Thiên 造化玄天 (*the Heaven of Mysterious Creation*).

chiếu tri 照知: Tức là minh sát 明察 (*perceiving something, recognising something*), biết rõ, thấu hiểu.

Câu 9:

sở vọng 所望 (*one's wishes, one's expectations*): Lòng ước muốn của riêng mình.

gắn ghi (*keeping something in mind invariably*): Gắn bó không dời đổi, ghi nhớ chẳng quên.

đạo cáo 禱告 (*praying*): Cầu nguyện.

Câu 10:

Ơn Trên (thiên thượng 天的力量: *Heavenly Powers*): Gọi chung các Đấng thiêng liêng thượng đẳng như Trời, Phật, Bồ Tát, Tiên, Thánh, Thần.

bố báo (bổ báo 補報: *bestowing something*).

phước lành (thiện phúc 善福: *good fortune*): Những điều may mắn, tốt lành trong đời người.

IV. TỔNG LUẬN

Lúc dâng hương, tín đồ quỳ trước Thiên bàn (Thiên tế đàn 天祭壇: *God's altar*), tay trái cầm năm cây nhang, tay phải úp vào bọc ngoài tay trái. Hai tay nâng nhang lên ngang trán.

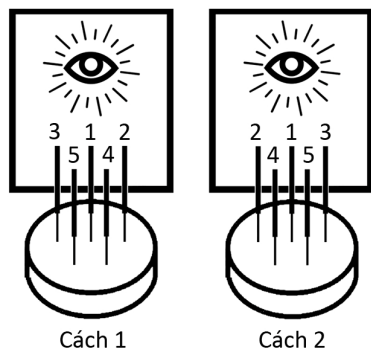
Khi cầm nhang, xếp thành hai hàng.

Cầm hàng trong ba cây nhang, gọi là án Tam Tài 按三才 (*disposing the Three Powers*), ngụ ý con người (tiểu thiên địa: *microcosmos*) đồng đẳng với trời đất (đại thiên địa: *macrocosmos*). Tam Tài là Thiên, Địa, Nhân.

Cầm thêm hàng ngoài hai cây nhang thì đủ năm, gọi là

tượng Ngũ Khí (hay Ngũ Hành: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy).

Hiện nay có hai cách cắm nhang như hình vẽ sau đây (1 là cây nhang cắm trước tiên...; 5 là cây nhang cắm sau cùng). Nhiều tài liệu thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh hướng dẫn cắm nhang theo cách 2; các nơi khác theo cách 1.



Theo Phật Giáo, năm cây nhang còn tượng trưng cho: Giới Hương, Định Hương, Huệ [Tuệ] Hương, Tri Kiến Hương, và Giải Thoát Hương.

Tại sao mở đầu thời cúng, khi dâng hương lại nói ngay đến *thành, tín, và hiệp*?

1. Thành

1.1. Người được Trời phú cho lương tri để biện phân phải trái. Theo tiếng nói của lương tri bỏ dữ làm lành tức là thành với mình. Bậc quân tử vì không dám tự khi mình nên dù ở một mình nơi khuất lấp vẫn e dè không sai với đạo lý, nên được trọn thành.

Người xưa nói: Có lòng thành thì có Thần [chiếu tri, minh sát], không có lòng thành thì không có Thần [chiếu tri, minh

sát], há có thể bừa bãi ư? (*Hữu kỳ thành tắc hữu kỳ Thần, vô kỳ thành tắc vô kỳ Thần, khả bất cẩn hồ?* 有其誠則有其神, 無其誠則無其神, 可不謹乎?)

Vậy linh hay chẳng linh chỉ tại tâm mình. (*Linh tại ngã, bất linh tại ngã.* 靈在我, 不靈在我.) Dâng hương để cầu sự thông công nơi thiêng liêng vì thế mở đầu phải nói ngay đến thành.

Hội Đồng Tiền Bối Khai Đạo dạy:

“Đừng bao giờ có quan niệm rằng ngồi chờ đợi một ngày nào đó Thiêng Liêng sẽ đến làm cho Đạo thành nếu trong lòng mỗi người chưa sẵn sàng thành.” ⁽⁷⁾

1.2. Thành (hay **chí thành**) là điều kiện đầu tiên và cuối cùng của người tu.

- Đầu tiên, vì chí thành là điều kiện để tìm tới cửa đạo. Đức Giáo Tông Lý Bạch dạy:

*Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo
Đạo là đường hoài bão nhơn sanh
Người tu ý thức tri hành
Hể vào cửa đạo chí thành mà tu.* ⁽⁸⁾

- Cuối cùng, vì chí thành là điều kiện để đắc đạo (thành đạo). Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Thành đạo do con trọn chí thành
Ngăn ngừa tư dục ở tâm sanh
Bụi trần chớ để mờ chơn tánh*

⁽⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 30-9 Canh Tuất (Thứ Năm 29-10-1970).

⁽⁸⁾ Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng, quận 3, Sài Gòn), ngày 20-5 Ất Ty (Thứ Bảy 19-6-1965).

Ngôi vị Tiên cung Mẹ sẵn dành.⁽⁹⁾

1.3. Để biết mình có trọn lòng chí thành hay không, Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy mỗi người tín đồ hãy tự xét bản thân theo ba điều như sau:

“Chí thành đây có nghĩa là tự bản thân của mỗi người phải xét lại lòng mình ba điều có đầy đủ chí chơn không. Ấy là: Có thật sự hết lòng vì Thầy, vì Đạo chưa? Có thật sự hết lòng vì Hội Thánh, vì nhơn sanh chưa? Có thật sự hy sinh vong kỷ, vị tha, vô công, vô kỷ, vô danh chưa?”⁽¹⁰⁾

2. Tín

2.1. Người tu không thể không có tín, không có đức tin. Bởi vậy, người tu theo một tôn giáo được gọi là tín đồ 信徒, tín hữu 信友.⁽¹¹⁾ Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

- Đạo là đạo đức nghĩa nhân
Cảnh Tiên muốn nhập phải cần đức tin
Đức tin để giúp cho mình
Đức tin cứng cáp giữ gìn đường chơn.
- Đức tin nung chí vững bền
Đức tin là một cái nền Phật Tiên
Đức tin là chiếc pháp thuyền
Đưa ta cho đến tận miền Bồng Lai
Đức tin quyết định chẳng phai
Người tu chứng quả đức tài minh quang

⁽⁹⁾ Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự, quận 10, Sài Gòn), ngày 15-8 Ất Tỵ (Thứ Sáu 10-9-1965).

⁽¹⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 12-10 Nhâm Tuất (Thứ Sáu 26-11-1982).

⁽¹¹⁾ Tiếng Anh là *believer*, do động từ *believe* là tin tưởng.

*Đức tin là một cái thang
Leo lên tận chốn Thiên Đàng như chơi
Đức tin giúp ích cho đời
Đức tin có sẵn Phật Trời độ cho.*⁽¹²⁾

Trời Phật thì siêu hình. Không thể lấy óc luận lý để biện giải, minh chứng. Tìm đến Đạo không phải bằng lý trí luận lý, mà bằng tâm, bằng đức tin cảm nhận, thực chứng sự hiện hữu mầu nhiệm của các Đấng thiêng liêng.

2.2. Trong việc hành đạo, phải vững lòng tin. Đức Pháp Lự Kim Tiên dạy:

“Tín là tin, con người nếu chẳng có lòng tin, tức nhiên không làm nên một việc gì, dù lớn hay nhỏ, bởi câu ‘Nhơn vô tín bất lập.’”⁽¹³⁾

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Khởi đầu giờ cúng, miêng hằng đọc ‘Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp’, thử hỏi lại xem, mình có được trọn tin những đàn anh hướng đạo mình chưa? Mình có được lòng tin yêu quý mến đồng đạo khác chí phái của mình chưa? Mình có giữ tròn chữ tín với mình chưa? Hay là khi vui, khi mến thì nghĩ vậy, nói vậy; khi buồn, khi hết thương mến lại nghĩ khác. Lòng

⁽¹²⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 28-8 Bính Tý (1936), bài Đức Tin.

⁽¹³⁾ Thánh tịnh Xích Long Minh Đức (Kế Sách, Sóc Trăng), ngày 05-5 Tân Sửu (Thứ Bảy 17-6-1961). Nguyên văn trong *Luận Ngữ* (12:7) là “Dân vô tín bất lập.” 民無信不立. Ý Đức Khổng tử là dân chúng không tin chánh quyền thì nhà nước không vững. James Legge dịch: “(B)ut if the people have no faith in their rulers, there is no standing for the state.” Câu nói ở sách Luận Ngữ lưu truyền trong dân gian bị biến cải thành “Nhơn vô tín bất lập.” Nội dung chánh trị biến thành lời khuyên luân lý, hướng dẫn cuộc sống.

ngưỡng mộ đạo của mình ngày hôm nay có còn nồng nhiệt thiết tha như ngày mới nhập môn cầu đạo chăng? Hay đã thản mãn, uể oải, và giải đãi từ lâu rồi? Nếu quả thật vậy, đó là không giữ được chữ tín và lòng tin.”⁽¹⁴⁾

2.3. Tín là trước sau như một để thành Người. Đức Giác Thế Đạo Nhơn dạy:

*Tín đức buộc ở tiền như hậu
Tín vốn người đã tạo tín nhân
Tín là một vị thuốc thần
Tín vô bất lập⁽¹⁵⁾ mọi phần khó nên.⁽¹⁶⁾*

⁽¹⁴⁾ Thánh thất Tây Thành (Cần Thơ), ngày 12-3 Kỷ Dậu (Thứ Hai 28-4-1969).

⁽¹⁵⁾ *Tín vô bất lập*: Do câu nói dân gian “*Nhơn vô tín bất lập*.” 人無信不立. (Người không có lòng tin, không làm nên việc gì.) Xem chú thích (13).

⁽¹⁶⁾ Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, quận Tư, Sài Gòn), ngày 30-4 rằm 01-5 Ất Tỵ (Chủ Nhật 30-5-1965).

3. Hiệp

3.1. Hiệp có nghĩa là hòa hiệp với mọi người. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*- Đạo Trời khắp cả dân gian
Lấy câu hòa hiệp làm thang vượt trần.
- Cao thượng làm nên lễ hiệp hòa
Hiệp hòa mới có các con ra
Tu thành Tiên Phật do hòa hiệp
Hiệp nhứt hư không ở với Già.⁽¹⁷⁾*

3.2. Hiệp hòa là điều kiện để Đạo thành. Hội Đồng Tiền Bối Khai Đạo dạy:

“Chúng Tiên Huynh xin lập lại là nơi lòng mỗi em phải tạo sẵn cái móc hòa hiệp, chúng Tiên Huynh cùng các Đấng thiêng liêng sẽ đem những cái móc đó móc nối chuyền nhau để thành một sợi dây thiêng liêng bền chặt, kết gộp bè thân yêu hòa ái.”⁽¹⁸⁾

3.3. Hiệp còn có nghĩa là hiệp tác (*cooperative*). Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Còn chữ hiệp. Thử hỏi lòng mình có thật sự muốn hiệp tác vô điều kiện trong giáo thuyết, giáo điều để thực thi tôn chỉ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và sẵn sàng liên hiệp, trao đổi kinh nghiệm trên đường hành đạo với người khác hay chưa? hay vẫn còn chủ quan và quan trọng hóa đường hướng của mình là tuyệt đối, ngồi một chỗ chờ người khác đến hiệp và chịu

⁽¹⁷⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 03-8 Bính Tý (1936), bài Hòa Hiệp.

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 30-9 Canh Tuất (Thứ Năm 29-10-1970).

điều kiện tiên quyết của mình? Có được vậy mới làm xong câu kinh ấy, nếu chưa được thì chỉ là lý thuyết suông.”⁽¹⁹⁾

4. Ôn Trên giảng giải câu kinh “Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp”

4.1. Thành, tín, hiệp để mọi việc suôn sẻ từ đầu tới cuối. Đức Trưng Trắc Nữ Vương dạy:

“Các em nên gìn câu ‘Đạo gốc bởi lòng thành...’ thì vạn sự điều hòa chung thủy.”⁽²⁰⁾

4.2. Thành, tín, hiệp là kim chỉ nam cho việc hành đạo của người hướng đạo. Đức Đông Thắng Chơn Như dạy:

“Còn đạo, nếu thiếu lòng thành, thiếu tín nhiệm, thiếu đức tin, thiếu hiệp hòa, thì đừng nói tới đạo đức gì nữa.”

(...)

“Ngược lại, nếu không lòng thành, không hành đạo, làm sao có uy tín với nhân gian. Mà khi mất uy tín với nhân gian thì làm sao ai dám đến hiệp với mình. Mà khi không ai hiệp với mình, làm sao kêu họ về với đạo, để trở lại bốn nguyên. Do đó, hàng hướng đạo phải tâm niệm câu nhứt tụng đó để làm kim chỉ nam cho việc hành đạo, lãnh đạo nhơn sanh.”⁽²¹⁾

4.3. Thành, tín, hiệp để cảm thông, hiệp tâm, hiệp chí, hiệp lực phổ truyền một giáo lý Cao Đài thuần nhứt. Hội Đồng

⁽¹⁹⁾ Thánh thất Tây Thành (Cần Thơ), ngày 12-3 Kỷ Dậu (Thứ Hai 28-4-1969).

⁽²⁰⁾ Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc (quận Tám, Sài Gòn), ngày 06-8 Tân Hợi (Thứ Sáu 24-9-1971).

⁽²¹⁾ Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu), ngày 18-8 Bính Ngọ (Chủ Nhật 02-10-1966).

Tiền Bối Khai Đạo dạy:

“Hằng ngày, mỗi khi cúng thời, các em mở miệng đọc câu kinh ‘Đạo gốc bởi lòng thành, tín, hiệp’. Các em chịu khó khai triển học tập phân tích kỹ lưỡng về ý nghĩa của câu kinh ấy để rồi sửa đổi đường lối và phương pháp hành đạo lại như thế nào để cùng nhau thông cảm, đặt trọn niềm tin ở nhau cho trọn chữ tín, để:

Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau đặt chữ hòa.”⁽²²⁾

“Có vậy mới đi đến chỗ hiệp tâm, hiệp chí, hiệp lực phổ truyền một giáo lý Cao Đài thuần nhứt.”⁽²³⁾

4.4. Thành, tín, hiệp để đồng đạo hiệp hòa, thống nhứt trước khi truyền đạo Cao Đài ra nước ngoài. Đức Chí Tôn dạy:

Câu “Đạo gốc...” đừng quên “tín, hiệp”
Chữ “lòng thành” cần kíp rèn trau
Anh em nghi kỵ cho nhau
Chia lìa thủ túc, có đau đớn lòng?

Các con cũng người trong đất Việt
Lấy đại đồng còn biết bao la
Nhỏ nhen nội bộ bất hòa
Nói chi ngoại quốc truyền ra xứ người.

⁽²²⁾ Ôn Trên nhắc lại lời Đức Chí Tôn, chép trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển thứ Nhứt, đàn đêm 08-01 Bính Dần (Thứ Bảy 20-02-1926).

⁽²³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam ngày 30-9 Canh Tuất (Thứ Năm 29-10-1970).

(...)

Lời Thầy nay đã phân minh

Nhớ câu “Đạo gốc lòng thành tín” chi?

(...)

Việc thống nhứt mỗi con đều biết

Chữ “lòng thành tín hiệp” nghe con

Chẳng nên chê méo khen tròn

Vọng tâm bị quỷ tiêu mòn⁽²⁴⁾ rẽ chia.⁽²⁵⁾

4.5. Thành, tín, hiệp để bản thân chứng quả. Đức An Hòa Thánh Nữ dạy:

“Tệ Nữ trước kia kể ra thì sự tu hành công quả chưa có là bao. Ngày nay được đắc vị vào hàng Thánh Nữ là nhờ những đặc điểm sau đây:

“1. Những ngày tàn tạ của chuỗi đời, Tệ Nữ đã trọn thành trọn kính, nhìn nhận rằng trên không đã có bộ máy huyền linh do Thợ Trời cai quản sắp xếp mọi điều.

“2. Trọn lòng tin tưởng trong việc thiện từ nhơn nghĩa, khuyến khích tử tôn noi theo đường đạo lý đừng để dở dang, và cũng chính tự mình ráng làm những gì có thể được.

“3. Đến giờ phút cuối cùng sắp cõi bỏ nhục thể, bao nhiêu ăn năn hối hận những gì trong chuỗi đời đã tạo gây, và xin nguyện nếu được về cõi tiên thiên, nguyện sẽ cùng các Đấng tùy duyên hóa độ người đời theo đường Đạo lý, để thuận lòng người và hạp lòng Trời.

⁽²⁴⁾ **tiêu mòn:** Hao mòn.

⁽²⁵⁾ Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu), ngày 03-01 Kỷ Hợi (Thứ Ba 10-02-1959).

“4. Nhờ công quả và đại nguyện của các con phục vụ Đạo Trời với tất cả tấm lòng thành và mọi sở hữu.

“Nhờ bốn yếu tố đó nên ngày nay Tệ Nữ được thoát ngoài bánh xe luân hồi chuyển kiếp, không bỏ một dịp nào có thể khuyên nhủ cùng tỉnh thức người đời.”⁽²⁶⁾

⁽²⁶⁾ Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý (quận 1, Sài Gòn), ngày 14-5 Đinh Mùi (Thứ Tư 21-6-1967).

CHÚ GIẢI BÀI KHAI KINH

KINH VĂN

01. Biển trần khổ vơi vơi trời nước
02. Ánh thái dương gội trước phương Đông
03. Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông
04. Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời.
05. Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy
06. Gốc bởi lòng làm phải làm lành
07. Trung dung Khổng Thánh chỉ rành
08. Từ bi Phật dẫn lòng thành lòng nhơn.
09. Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh
10. Một cội sanh ba nhánh in nhau
11. Làm người rõ thấu lý sâu
12. Sửa lòng trong sạch tụng cầu thánh kinh.

LỮ TỔ

XUẤT XỨ

Bài kinh này nguyên là kinh tụng của Minh Lý Đạo, có in trong phần mở đầu *Kinh Sám Hối*, nhan đề là *Bài Khai Kinh*, do Đức Lữ Tổ (Lữ Động Tân 呂洞賓)⁽¹⁾ giảng cơ ban cho. Nhiều bản kinh Cao Đài in là *Khai Kinh*, lược bớt chữ *Bài* trong nhan đề gốc.

⁽¹⁾ Người Việt quen gọi chệch đi là “Lữ Động Tân”.

CHÚ GIẢI

Câu 1:

biển trần khổ: Kinh điển bảo cõi trần là biển khổ (*khổ hải* 苦海: *the sea of suffering*) và chúng sanh bị chìm đắm trong đó. Cho nên đạo pháp (*dharma*) được ví như chiếc thuyền hoặc chiếc bè quý (*bảo phiệt, bửu phiệt* 寶筏: *precious raft*) đưa khách trần thoát khỏi biển khổ trầm luân.

vơi vơi (*immense, boundless*): Cũng viết là *vời vợi*, nghĩa là rộng lớn minh mông.

vời vơi trời nước (*boundless sky and immense sea*): Minh mông chẳng thấy bến bờ, chỉ có bầu trời và mặt nước.

Câu 1 nói rằng sự khổ ở đời quá lớn, vô cùng tận.

Câu 2:

gội (*shining*): Rọi, chiếu.

Ánh thái dương gội trước phương Đông (*The sun is shining in the east.*): Mặt trời (thái dương) mọc ở phương Đông nghĩa là bình minh xuất hiện, xóa tan màn đêm hắc ám. Nghĩa bóng là ánh sáng của đạo pháp xuất hiện, xóa tan tội lỗi và đau khổ của chúng sinh.

Câu 1 cho thấy cảnh khổ như trời nước minh mông. Câu 2 cho thấy hình ảnh mặt trời từ từ lộ dạng nơi chân trời, nhìn xa tưởng như mặt trời dần nhô lên từ mặt nước; như vậy câu 2 nói rằng đạo pháp sở dĩ có ở thế gian là vì có chúng sanh đau khổ; nếu không vì nỗi khổ của chúng sanh thì có lẽ không cần đến đạo pháp giúp giải thoát. Như vậy, đạo pháp và nhơn sanh không thể chia lìa; hạt giống bồ đề phải gieo trong miếng đất phiền não. Đức Mẹ dạy: “Đất phiền não bồ đề vun

xói...”⁽²⁾

Hai câu mở đầu bài *Khai Kinh* đã phản ánh được giá trị nhân bản của Cao Đài.

Câu 3:

Kinh Minh Lý không có dấu phẩy ngăn cách nên có ý kiến cho rằng câu này chỉ nói tới Đức Thái Thượng Đạo Tổ.

Tuy nhiên, lại có ý kiến cho rằng *Bài Khai Kinh* nói tới Tam Giáo, vì vậy nên hiểu câu 3 bao gồm cả ba vị. Nghĩa là:

- *Tổ Sư*: Đức Phật Tổ (Thích Ca Mâu Ni), giáo chủ đạo Phật.
- *Thái Thượng*: Cũng gọi Thái Thượng Đạo Tổ, Thái Thượng Lão Quân, Lão Đam, Lão Tử... (là giáo chủ đạo Tiên).
- *Đức Ông*: Đức Văn Tuyền Khổng Thánh, giáo chủ đạo Nho.

Nếu chấp nhận ý kiến trên đây thì phải thêm hai dấu phẩy trong câu 3: *Tổ Sư, Thái Thượng, Đức Ông*.

Câu 5:

Tam Giáo 三教 (*the Three Teachings*): Bao gồm Nho Giáo (đạo Khổng: *Confucianism*), Lão Giáo (đạo Tiên: *Daoism*), Thích Giáo (đạo Phật: *Buddhism*). Nho Giáo và Lão Giáo xuất phát từ Trung Hoa. Phật Giáo xuất phát ở Ấn Độ.

Câu 7:

Đức Khổng Tử dạy đạo trung dung. Cháu đích tôn của Ngài là Tử Tư soạn lại lời Ngài giảng thành sách *Trung Dung*, quyển thứ hai trong bộ *Tứ Thư* (*Đại Học, Trung Dung, Luận*

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 13-8 Kỷ Mùi (Thứ Tư 03-10-1979).

Ngữ, và Mạnh Tử).

Theo Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014), sách *Trung Dung* gồm ba mươi ba chương, nhưng thâm tóm lại chỉ có một chữ *thành* 誠. Thành là hoàn thiện, khởi đầu từ lòng kính sợ có Trời tiềm ẩn ngay trong lòng mình, rồi trải qua quá trình tu học, rèn luyện, phát huy mọi phẩm chất cao quý tiềm tàng ở bản thân cho tới chỗ chí thiện, và kết thúc bằng sự *phối Thiên* 配天, là hợp nhất với Trời.⁽³⁾

Câu 9:

tu chơn dưỡng tánh 修真養性: (*cultivating and nourishing one's true nature*): Phép luyện đạo của Tiên Gia để được giải thoát.

Câu 10:

một cội (*one root*): Một gốc, ám chỉ Đại Đạo; đâm ra ba nhánh tức là Tam Giáo, nhưng tuy ba mà vẫn giống in nhau, không khác.

Từ câu 5 đến câu 10 nói rằng tuy Nho dạy trung dung, Phật dạy từ bi, Lão dạy tu chơn dưỡng tánh, rốt cuộc cũng không ngoài cái nền tảng căn bản là người tu phải có lòng nhân ái, đức độ, lương thiện: *Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy / Gốc bởi lòng làm phải làm lành*.

Vậy nên hình thức tuy ba tôn giáo mà cốt tủy chỉ là một mối của Đạo, ví như ba nhánh đều nảy sinh từ một gốc: *Một cội sinh ba nhánh in nhau*. Câu 10 nói rằng Tam Giáo đồng nguyên (Nho, Thích, Lão vốn cùng một nguồn gốc).

⁽³⁾ Xem Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ: *Trung Dung Tân Khảo*, quyển I, Chương 7: Xuất xứ và đại ý *Trung Dung*.

Câu 1-2 cho thấy đạo pháp ra đời nhằm mục đích giải khổ cho con người (Đạo pháp vị nhơn sanh). Tam Giáo từ Đạo mà ra, nên Tam Giáo hay bất cứ tôn giáo nhân bản nào khác cũng đều ra đời vì mục đích vị nhơn sanh. Phương tiện của từng tôn giáo có thể sai khác (cách tu hành, giáo lý...) nhưng quy lại vẫn là gốc bởi lòng làm phải làm lành. Tất cả giáo lý nhân bản ở cõi thế gian đều xuất phát từ một lẽ duy nhất là đi tìm cho chúng sanh sự giải thoát. Thế nên ngày nay, Cao Đài xưng lên rằng Tam Giáo đồng nguyên, vạn giáo nhứt lý. (*The Three Teachings originated from the same source; underlying all doctrines is one truth.*)

Khi người học đạo hiểu rõ lý lẽ sâu xa (câu 11: *Làm người rõ thấu lý sâu*) này rồi, thì phải biết bỏ óc phân biệt, kỳ thị tín ngưỡng, và hãy biết giữ lòng ngay thẳng, trung thực để tụng kinh (câu 12: *Sửa lòng trong sạch tụng cầu thánh kinh*).

TỔNG LUẬN

Kinh cúng tứ thời chính là kinh của cả Tam Giáo, xưng tán chung Tam Giáo. Ai không trọng Tam Giáo thì không thể tụng kinh cúng tứ thời, cho nên bài Khai Kinh liền dẫn dạy lẽ Tam Giáo đồng nguyên, vạn giáo nhứt lý, để *giác mê* cho những ai còn nặng óc kỳ thị tín ngưỡng.

Lại còn một lẽ thứ hai là *khải ngộ*. Người nào dù biết trọng Tam Giáo, không hủy báng Tam Giáo, nhưng tụng kinh cúng tứ thời mà không lãnh hội được lẽ Tam Giáo đồng nguyên, vạn giáo nhứt lý thì chẳng khác gì vô tình đã xa lìa Tam Giáo. Vậy Khai Kinh là để khải ngộ cho con người hiểu thấu được lẽ ấy.

Nói thêm: Khi mới mở đạo Cao Đài tại Việt Nam, tùy theo căn trí nhơn sanh, Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng

trong Tam Kỳ Phổ Độ chỉ mới nhắc tới **Tam Giáo** là *Nho, Lão, Thích* phát xuất ở Á Đông. Đến giữa thập niên 1960, dân trí phát triển hơn, trình độ đạo học cao hơn; bấy giờ, qua bộ phận thông công của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng trong Tam Kỳ Phổ Độ lại mở rộng Tam Giáo thành **Tam Giáo Đạo** gồm *Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo* để gộp luôn các tôn giáo đã hình thành bên ngoài phạm vi Á Đông. Chẳng hạn, đạo Chúa phát xuất ở Do Thái được gộp với Tam Giáo để thành Tứ Giáo (*the Four Teachings*), và ba đạo Thiên Chúa, Tin Lành, Islam là ba nhánh của Thánh Đạo (*the Way of Saints*). Lại thấy, Bà La Môn Giáo 婆羅門教 (*Brahmanism*), Thích Ca Giáo 釋迦教 (*Sākyamunism*), và Pythagore Giáo (*Pythagoreanism*) được kể là ba nhánh của Phật Đạo (*the Way of Buddhas*).⁽⁴⁾ Sau đó, Đức Đông Phương Chưởng Quân xác định hai chiều tán-tụ của các hệ thống giáo lý cổ kim trên hoàn vũ: “*Từ nguồn gốc Đại Đạo phát sanh Tam Giáo Đạo*” (là chiều tán phân trong Nhất và Nhị Kỳ Phổ Độ); “*Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo*” (là chiều quy nguyên phản bốn trong Tam Kỳ Phổ Độ).⁽⁵⁾

⁽⁴⁾ Lê Văn Duyệt Đại Tiên, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (Thứ Sáu 03-6-1966).

⁽⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 15-12 Giáp Thìn (Chủ Nhật 17-01-1965).

CHÚ GIẢI BỐN BÀI *DƯNG TAM BỬU*

KINH VĂN

BÀI DƯNG BÔNG

Hoa tươi năm sắc, sắc thiên nhiên
Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng
Cảm Đức Cao Đài lòng đoái tưởng
Từ bi cứu thế giáng đàn Tiên.

BÀI DƯNG BỒ ĐÀO

Bồ đào cam giá tửu Tây Phương
Bả trần cung trần mỹ vị hương
Đệ tử thành tâm kiên phụng hiến
Cao Đài hoan lạc kết trình tường.

BÀI DƯNG RƯỢU TRẮNG

Tửu vị hương hê tửu vị hương
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.

BÀI DƯNG TRÀ

Đồng độ thanh trà mỹ vị hương
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.

LỊCH SỬ

1. Tương truyền, các bài này do tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932) mượn của đàn Hiệp Minh ở Cái Khế (Cần Thơ).⁽¹⁾ Bởi có xuất xứ từ đàn Tiên ở Cái Khế,⁽²⁾ nên câu 4 của *Bài Dưng Bông* là: *Từ bi cứu thế giáng đàn Tiên*. Đàn Tiên tức là đàn cầu cơ thỉnh Tiên (*Immortal-evoking seance*).

2. Khoảng hạ tuần tháng 01-1926 (trung tuần tháng 12 Ất Sửu), Đức Cao Đài dạy ba vị Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Cao Hoài Sang (1901-1971), Phạm Công Tắc (1890-1959) phải hiệp cùng tiền khai Ngô Văn Chiêu, và phải kính Ngô tiền khai là Anh Cả. Sau đó ba vị được Ngô tiền khai chỉ dẫn nghi thức thờ phượng, nhất là cách sắp đặt bàn thờ (Thiên bàn) có thánh tượng Thiên Nhân. Các bài dâng tam bửu vì thế đã được ba vị Cao-Phạm tiếp nhận từ Anh Cả Ngô Văn Chiêu.⁽³⁾

3. Năm 1926, tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in Xưa Nay, 34 trang ruột và bìa, khổ 12x15,5cm). Trang 10 in ba bài *Dâng Bông*, *Dâng Trà*, *Dâng Rượu Trắng*. Trang 11 in bài *Dâng Rượu Lễ* (tức là *Bài Dưng Bồ Đào*). Khi khảo dị, gọi đây là bản NNT 1926.

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo [Huệ Nhẫn soạn], *Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển I: Khai Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2005, tr. 452.

⁽²⁾ Xem: Huệ Khải, “Vài Nét Về Đàn Tiên Hiệp Minh Ở Cái Khế”, *Đạo Uyển Xuân 2018*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 61-73.

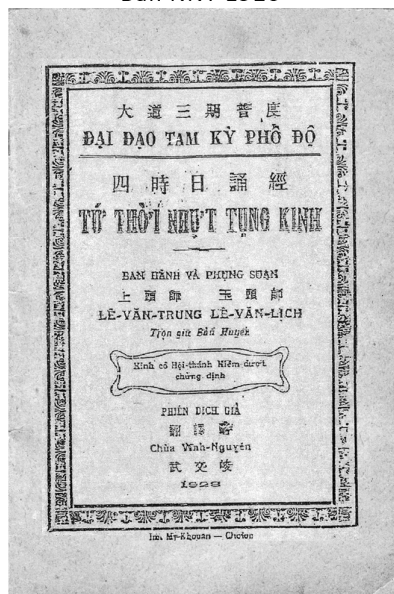
⁽³⁾ Huệ Khải, *Lược Sử Đạo Cao Đài – Thời Tiềm Ẩn 1920-1926 / A Concise Caodai History – The Earliest Beginnings 1920-1926*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2017, tr. 54.



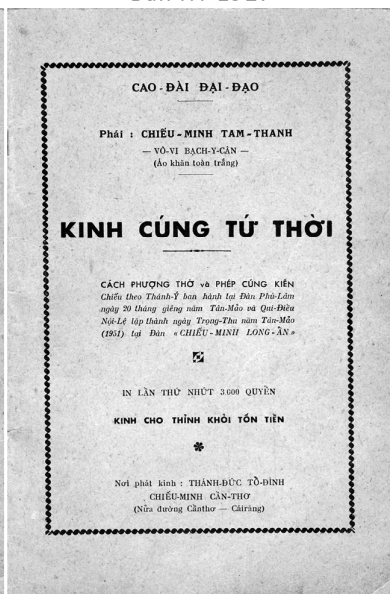
Bản NNT 1926



Bản HT 1927



Bản VVT 1928



Bản CM 1960

4. Năm 1927, tiền khai Hương Thanh (1874-1937) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in L'Union, 40 trang ruột và bìa, khổ 12x15cm). Trang 10 in bốn bài *Dâng Bông*, *Dâng Trà*, *Dâng Rượu Trắng*, *Dâng Rượu Lẽ* (tức là *Bài Dưng Bờ Đào*). Khi khảo dị, gọi đây là bản HT 1927.

5. Năm 1928, ông Võ Văn Tuấn 武文峻 ở Vĩnh Nguyên Tự in *Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh* (Chợ Lớn: nhà in My Khouan, 56 trang ruột, khổ 13,3x18,4cm). Trang 38-40 in *Bài Dưng Tiên Hoa*, *Bài Dưng Rượu Bờ Đào*, *Bài Dưng Rượu Tiên*, *Bài Dưng Trà Tiên*. Khi khảo dị, gọi đây là bản VVT 1928.

6. Năm 1960, Chiêu Minh Tam Thanh – Vô vi bạch cân (áo khăn toàn trắng), tức Thánh Đức Tổ Đình Chiêu Minh Cần Thơ, ấn hành *Kinh Cúng Tứ Thời* của Chiêu Minh Tam Thanh – Vô vi bạch cân (áo khăn toàn trắng), in lần thứ nhất tại nhà in Nguyễn Văn Châu, số 159 Cô Giang, Sài Gòn (56 trang, 15,5x23cm), theo giấy phép số 56 của HĐKD, ngày 11-01-1960. Quyển này được Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo tái bản (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, 80 trang, 14,5x20,5cm) và sửa các lỗi chánh tả trong bản in 1960. Trong bản in 2011, bốn bài dâng tam bửu in ở trang 34-35. Khi khảo dị, gọi đây là bản CM 1960/2011.

Vì các bài dâng tam bửu được truyền từ Ngô tiền khai nên tôi dùng bản CM 1960/2011 làm bản trực (hay bản nền) khi khảo dị văn bản. (Lẽ ra phải dùng bản trực là bản có trước năm 1926.) Khi chú giải cũng dùng bản trực nói trên.

Tôi không dẫn lại đây các bản kinh cúng tứ thời của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo... vì các dị bản xét ra cũng không ra ngoài ba bản NNT 1926, HT 1927, VVT 1928.

7. Năm 1929, với phẩm vị Tiếp Lễ Nhạc Quân tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, tiền bối Cao Quỳnh Diêu (1884-1958) đã soạn và trình Hội Thánh ba bài dâng tam bửu khác để thay thế ba bài đã thọ nhận từ Ngô tiền khai.

Thứ Sáu 21-6-1929 (15-5 Kỷ Tỵ), Đức Chí Tôn giảng cơ tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, chỉnh sửa ba bài dâng tam bửu do Tiếp Lễ Nhạc Quân soạn.

Thứ Hai 11-8-1930 (17-6 Canh Ngọ), Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ban hành quyển *Nghi Tiết Đại Đàn Và Tiểu Đàn Tại Tòa Thánh Và Thánh Thất Các Nơi* (in tại Chơn Truyền Ấn Quán, thuộc Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh).⁽⁴⁾ Như vậy, kể từ tháng 8-1930 trở đi, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đã chánh thức không dùng ba bài dâng tam bửu đã do các vị Cao-Phạm thọ nhận từ Anh Cả Ngô Văn Chiêu khi còn ở phố Hàng Dừa, Sài Gòn (1926).

Sau đây, tôi chỉ khảo sát bốn bài dâng tam bửu ban sơ, trực truyền từ Ngô tiền khai (1926), nên chưa bàn tới ba bài dâng tam bửu do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh chính thức ban hành từ tháng 8-1930.

KHẢO DỊ

1. Bài Dưng Bông

1.1. Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Bông*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Tiên Hoa*.

1.2. Câu 3, bản NNT 1926, HT 1927 in là *cám*. VVT 1928 in là *cám* nhưng chưa chữ Nho là 感 (đọc là *cảm*).

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo [Huệ Nhẫn soạn], *Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển II: Truyền Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, tr. 176-177.

1.3. Câu 4, bản VVT 1928 in là *đàn tiền*. Đàn tiền 壇前 tức là trước bàn thờ (*before the altar*).

2. Bài Dưng Bỏ Đào

Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Rượu Lễ*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Rượu Bỏ Đào*.

3. Bài Dưng Rượu Trắng

3.1. Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Rượu Trắng*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Rượu Tiên*.

3.2. Câu 2, bản HT 1927, bản VVT 1928 in là *hồ tương*. Bản VVT 1928 chưa chữ Nho là 漿; chữ 漿 không thích hợp vì nó chỉ chất lỏng sền sệt như hồ bột (*starch*), nước xúp khá đặc (*broth*).

Bản HT 1927 cho thấy khoảng từ năm 1927 trở đi đã có cách đọc *Khẩu đầu cung hiến chước hồ tương*, thay cho cách đọc ban sơ là *hồ trường*.

4. Bài Dưng Trà

Bản NNT 1926, bản HT 1927 in nhan đề là *Dâng Trà*. Bản VVT 1928 in là *Bài Dưng Trà Tiên*.

CHÚ GIẢI

1. Bài Dưng Bông

Câu 1:

năm sắc (ngũ sắc 五色: *five colours*): Năm màu, gồm có: xanh, trắng, đỏ, đen, vàng.

sắc thiên nhiên (tự nhiên chi sắc 自然之色: *natural colours*): Màu tự nhiên, không phải màu do con người tạo ra.

Câu 2:

kính thiêng (kính thành 敬誠: *respect and sincerity*): Cung kính và thành thật.

Câu 3:

cảm 感 (*being grateful*): Mang ơn, biết ơn.

đoái tưởng (*deigning to think of somebody*): Bề trên nghĩ đến kẻ dưới, cùng nghĩa hạ cố 下顧.

Câu 4:

đàn Tiên (Tiên đàn 仙壇: *Immortal-evoking seance; God's altar*): Đàn cầu Tiên, dùng cơ bút; Thiên bàn, nơi thờ Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (*Caodai the Immortal Mahabodhisattva Mahasattva*).

2. Bài Dưng Bồ Đào

Câu 1:

bồ đào 葡萄 (*grape*): Trái nho. **bồ đào tửu** 葡萄酒 (*wine*): Rượu nho.

cam giá 甘蔗 (*sugar cane*): Cây mía. **cam giá tửu** 甘蔗酒 (*rum*): Rượu mía, rượu rum.

Tây Phương 西方 (*the West, the Occident; Western countries*): Phương Tây; các nước Âu Mỹ.

Câu 1 ý nói: Rượu nho và rượu mía của phương Tây.

Câu 2:

bả 把 (*holding something*): Cầm trên tay.

trần 盞 (*small cup*): Cái chén nhỏ.

cung trần 恭陳 (*respectfully arranging something*): Cung

kính sắp bày.

mỹ 美 (*delicious*): Thơm ngon.

vị hương 味香 (*flavour and fragrance*): Vị và mùi thơm.

mỹ vị hương 美味香 (*delicious flavour and fragrance*): Mùi vị thơm ngon.

Câu 2 ý nói: Tay cầm chén rượu mùi vị thơm ngon cung kính sắp bày lễ dâng lên.

Câu 3:

đệ tử 弟子 (*we the disciples*): Học trò, lời môn đệ Đức Cao Đài tự xưng.

thành tâm 誠心 (*sincerity*): Lòng thành thật.

kiến 虔 (*respectfully*): Tôn kính, kính cẩn.

phụng hiến 奉獻 (*offering something*): Dâng lên.

Câu 3 ý nói: Với lòng thành đệ tử kính cẩn dâng lên.

Câu 4:

hoan lạc 歡樂 (*happy, glad*): Vui mừng.

kiết (cát 吉: *auspicious*): Tốt lành.

trình tường 禎祥 (*auspicious*): Tốt lành.

3. Bài Dưng Rượu

Câu 1:

tửu vị 酒味 (*flavour of spirit*): Vị rượu.

hương 香 (*being scented*): Có mùi thơm, thơm tho.

hề 兮 (*Chinese character used to express exclamation, placed in the middle or at the end of a sentence*): Từ đặt ở giữa hay cuối câu, dùng diễn tả ý cảm thán.

Câu 1 ý nói: Mùi vị rượu thơm ngon vậy thay!

Câu 2:

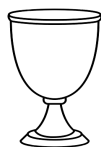
khấu đầu 叩頭 (*kowtowing*): Rập đầu xuống đất để lạy.

cung hiến 恭獻 (*respectfully offering something*): Kính cẩn dâng hiến.

chước 酌 (*pouring spirits*): Rót rượu ra.

hồ 壺 (*pot*): Cái bình, cái bầu, cái vò chứa nước hay rượu. Bình rượu, vò rượu gọi là *tửu hồ* 酒壺 (*spirits pot*). Bình trà gọi là *trà hồ* 茶壺 (*tea pot*). Bình trà có vòi dài ngoằng gọi là *trường chủy trà hồ* 長嘴茶壺 (*long spout teapot*).

trường 觴 (*goblet, chalice, drinking glass with a foot and a stem*): Ly, cốc có chân đế, dùng uống rượu hay uống trà. Chữ 觴 này đúng ra đọc là *thương* (shāng).



Nguyễn Bá Trác (1881-1945) viết bài thơ bất hủ *Hồ Trường* (gồm hai mươi một câu), trong đó có đoạn như sau (câu 8-13):

Vỗ gươm mà hát
Nghiêng bầu mà hỏi
Trời đất mang mang ai người tri kỷ
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường
Hồ trường! Hồ trường!
Ta biết rót về đâu?

Như vậy, khi nói *hồ trường* thì phải chăng có thể hiểu là bình và chén uống rượu (hay uống trà)? ⁽⁵⁾

Câu 2 ý nói: Cung kính rót rượu, cúi lạy dâng lên.

Câu 3:

Cao Đài 高臺 (*Caodai God*): Đức Chí Tôn, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

hứng cảnh 興景 (*feeling happy enjoying the scenery*): Vui thích trước cảnh đẹp.

nhàn 閒 (*leisurely*): Thong dong, thong thả.

quan nhĩ 觀雅 (*beholding a fine sight*): Ngắm, xem cảnh đẹp mắt.

Câu 3 ý nói: Đức Cao Đài vui lòng trước cảnh hiền lễ của đệ tử (*Cao Đài hứng cảnh*) và Ngài thong thả ngắm xem cảnh tượng đẹp mắt này (*nhàn quan nhĩ*).

Câu 4:

đệ tử 弟子 (*we the disciples*): Học trò, tiếng môn đệ Đức Cao Đài tự xưng.

cung trần 恭陳 (*respectfully arranging something*): Cung kính sắp bày.

mỹ 美 (*delicious*): Thơm ngon.

⁽⁵⁾ Nguyễn Hiến Lê (1912–1984) giảng: Về chữ 觴 [trường] đó, từ điển T.H. [Từ Hải] giải nghĩa là tên chỉ chung các đồ (chén) đựng rượu thời xưa. / Tiếng đó cổ quá rồi, tôi chỉ gặp nó mỗi một lần trong một bài thơ đời Đường. / (...) người ta không đựng rượu mà đựng trà thì cũng có thể dùng chữ đó được (...). (Huệ Khải, *Tám Lòng Một Người Thầy*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 60.)

vị hương 味香 (*flavour and fragrance*): Vị và mùi thơm.

mỹ vị hương 美味香 (*delicious flavour and fragrance*):
Mùi vị thơm ngon.

Câu 4 ý nói: Môn sanh Đức Cao Đài kính cẩn sắp bày rượu
thơm ngon dâng lên.

4. Bài Dưng Trà

Câu 1:

Đông độ 東土 (*the East, the Orient; the East Asian countries*): Phương Đông; các nước Á Đông.

thanh trà 青茶 (*green tea*): Cũng gọi lục trà 綠茶, là trà xanh.

Đông độ thanh trà (*East Asian green tea*): Trà xanh ở Á Đông.

mỹ vị hương 美味香 (*delicious flavour and fragrance*):
Mùi vị thơm ngon.

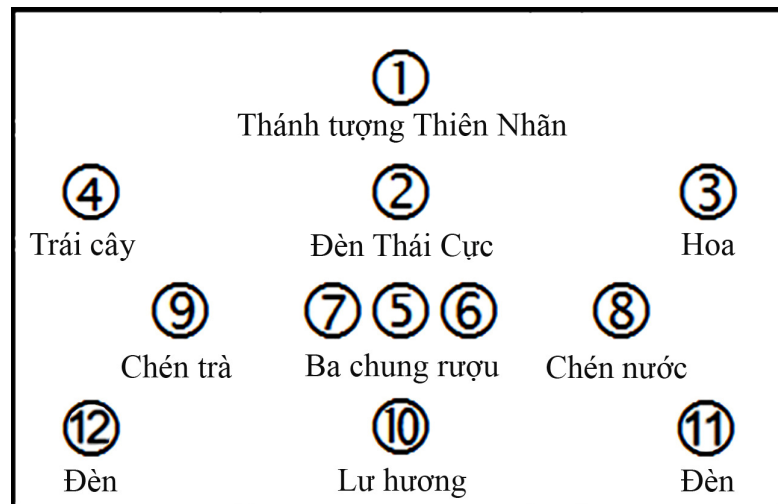
Câu 1 ý nói: Trà xanh ở Á Đông có mùi vị thơm ngon.

Câu 2, 3 và 4: Xem *Bài Dưng Rượu*.

TỔNG LUẬN

1. Hoa, rượu, trà trong nghi lễ Cao Đài tượng trưng cho
tinh, khí, thần, tức là tam bửu hay tam bảo (*the three precious ones, the three treasures*).

Hoa, rượu, trà được bày trên Thiên bàn ở các vị trí số 3, 5,
6, 7, và 9 như sau:



Theo đạo Cao Đài, tam bửu ở trời là nhật, nguyệt, tinh (tức là mặt trời hay thái dương, mặt trăng hay thái âm, và các ngôi sao hay tinh tú); tam bửu ở đất là thủy, hỏa, phong hay nước, lửa, gió; tam bửu ở người là tinh, khí, thần.

Đức Cao Đài Giáo Chủ (Ngọc Hoàng Thượng Đế) giảng giải về tam bửu như sau:

– “Trời nhờ ba báu ấy mà dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển càn khôn mới chia ra ngày đêm, sáng tối.

Đất nhờ ba báu đó mà phong vũ [gió mưa] điều hòa, cỏ cây tươi nhuận, phân ra thời tiết xuân, hạ, thu, đông.

Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên tác Phật.”⁽⁶⁾

– Khi cúng tứ thời, dâng tam bửu là ngụ ý phải quý trọng,

⁽⁶⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2016, tr. 166.

giữ gìn ba báu của con người, bởi lẽ: “*Tinh, khí, thần hiệp nhứt mới thành đạo...*”⁽⁷⁾

– Tam bửu của con người hao mòn vì ba nguyên nhân chánh:

“*Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì hao thần (linh hồn); còn muốn ham, mơ mộng phú quý vinh hoa thì tán khí; bằng say đắm mê sa tình trường dục hải thì tổn tinh [sperm].*”

Hễ tam bửu hao mòn thì nào khác chi cái ngọn đèn tàn, dầu hao tìm lụn, leo lét canh khuya, khi mờ khi tỏ, tất nhiên một hồi phải tắt ngay. Vả như tam bửu hư hoại thì tự nhiên ngũ hành, ngũ tạng cũng phải xiêu bè suy nhược theo nhau.”⁽⁸⁾

– Người tu phải biết bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần, rồi luyện sao “*cho tinh hóa khí, khí hóa thần, thần huồn hư. Ba báu quy về tại kim đánh là thành đạo.*”⁽⁹⁾

2. Khi cúng dâng hoa năm màu là ngụ ý nhắc đến mối tương quan giữa ngũ sắc với các “nhóm năm” như sau:

5 màu	Xanh	Trắng	Đỏ	Đen	Vàng
5 đức	Nhân	Nghĩa	Lễ	Trí	Tín
5 giới	Sát sanh	Du đạo	Tà dâm	Tửu nhục	Vọng ngữ

⁽⁷⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 166.

⁽⁸⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 130.

⁽⁹⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 168.

5 hành	Mộc	Kim	Hỏa	Thủy	Thổ
5 khí	Ấm áp	Mát mẻ	Khô nóng	Lạnh lẽo	Ấm thấp
5 phương	Đông	Tây	Nam	Bắc	Trung ương
5 tạng	Gan	Phổi	Tim	Thận	Lá lách

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“*Lại trời có ngũ khí thì đất có ngũ phương, người có ngũ tạng.*⁽¹⁰⁾ *Người ngộ đạo phải lấy ngũ hành ấy chế tạo mà luyện kim đan cho thành xá lợi. Muốn thành xá lợi cần vận chuyển pháp luân cho ngũ khí triều nguồn, tam huê tụ đánh.*”⁽¹¹⁾

Như vậy, dâng hoa năm màu, rượu, và trà trong lễ cúng tứ thời hằng ngày là mượn vật chất hữu hình thể hiện lễ đạo sâu kín nhiệm mầu vô hình vô vi của tâm pháp Cao Đài.

⁽¹⁰⁾ Dưỡng Chơn Tập (4. Nhơn Sanh / Con Người) giải thích:

(T)rời có **ngũ hành** là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. (...).

(N)gười ta có **ngũ thường** là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (...)

Nhưng ngũ hành, ngũ thường này đều có đủ trong mình ta, tức là **ngũ tạng**: Tâm, Can, Tì, Phế, Thận. Ngũ tạng đây là gốc lớn sanh con người. Nếu phạm đến gốc lớn này thì không thể nào sống được. Cho nên thầy thuốc rành nghề trị bệnh, thì trước phải điều hòa ngũ tạng. (Nguyễn Minh Thiện dịch)

⁽¹¹⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, tr. 168.

CHÚ GIẢI NGŨ NGUYỆN

KINH VĂN

Nam mô:
Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.
Nhị nguyện phổ độ chúng sanh.
Tam nguyện xá tội đệ tử.
Tứ nguyện thiên hạ thái bình.
Ngũ nguyện thánh thất an ninh.

KHẢO DỊ

Câu nguyện thứ năm có vài khác biệt:

1. Theo thánh thất Cầu Kho và thánh thất Tam Quan (Bình Định): *Ngũ nguyện siêu độ huyền linh* (từ 1939).
2. Theo Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên: *Ngũ nguyện thánh đức an ninh* (từ 1948); *Ngũ nguyện tịnh thất an ninh* (có lẽ từ 2000).
3. Theo Giáo Hội Cao Đài Thống Nhứt (hành đạo từ giữa thập niên 1960 tới giữa thập niên 1970): *Ngũ nguyện Đại Đạo quy nguyện*.
4. Có thể còn một số cách đọc khác.

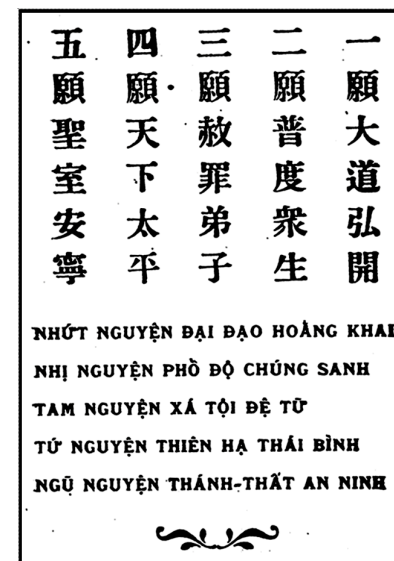
LỊCH SỬ

Năm 1926: Tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in Xưa Nay, 34 trang ruột và bìa, khổ 12x15,5cm). Trang 32 kết thúc với *Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối*; không có *Ngũ Nguyện*.⁽¹⁾

Năm 1927: Tiền khai Hương Thanh (1874-1937) in *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Kinh* (Sài Gòn: nhà in L'Union, 40 trang ruột và bìa, khổ 12x15cm).⁽²⁾ Ngay trước bài *Niệm Hương* (tr. 1) có in *Ngũ Nguyện*, chữ Nho và quốc ngữ, nhưng không in kèm hai chữ “*Nam mô*”.

Như vậy, suy ra *Ngũ Nguyện* có thể xuất hiện từ năm 1927, tuy nhiên chưa biết do thánh giáo nào và đàn cơ nào.

Đến năm 1928 có in hai chữ “*Nam mô*” trên bản *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Nhứt Khóa* của tiền khai Hương Thanh và bản *Tứ Thời Nhứt Tụng Kinh* của tiền bối Võ Văn Tuấn ở Vĩnh Nguyên Tự.⁽³⁾



Bài Ngũ Nguyện trong bản in 1927 của tiền khai Hương Thanh

⁽¹⁾ Xem *Bốn Bài Dựng Tam Bửu Ban Sơ*, tr. 89, bản NNT 1926.

⁽²⁾ Xem *Bốn Bài Dựng Tam Bửu Ban Sơ*, tr. 89, bản HT 1927.

⁽³⁾ Xem *Bốn Bài Dựng Tam Bửu Ban Sơ*, tr. 89, bản VVT 1928.

Xưa nay có hai cách đọc Ngũ Nguyên:

1. Chỉ đọc “Nam mô” một lần mở đầu cho cả năm lời nguyện (như Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh), tức là: “*Nam mô nhứt nguyện ...*”; “*Nhì nguyện ...*”; “*Tam nguyện ...*”; “*Tứ nguyện ...*”; “*Ngũ nguyện ...*”.

2. Đọc “Nam mô” năm lần (như Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), tức là: “*Nam mô nhứt nguyện ...*”; “*Nam mô nhì nguyện ...*”; “*Nam mô tam nguyện ...*”; “*Nam mô tứ nguyện ...*”; “*Nam mô ngũ nguyện ...*”.

CHÚ GIẢI

nam mô: Gốc chữ Nam Phạn (*Pali*) là *namo*. Gốc chữ Bắc Phạn (*Sanskrit*) là *namas, namah*. Chữ Nho viết 南無 (nam vô) nhưng đọc *nam mô*, có nghĩa là hướng trọn về Ông Trên với lòng thành kính tuân phục, tin tưởng vào sự cứu độ, v.v... (*an expression of submission to command, complete commitment, reverence, devotion, trust for salvation, etc.*).

Câu 1:

nhứt nguyện 一願: 1. Thứ nhứt, xin cầu nguyện cho (*Firstly, we pray for*). – 2. Thứ nhứt, xin hứa nguyện rằng (*Firstly, we vow that*).

Đại Đạo 大道: Nói đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (*the Great Way of the Third Universalism*), tức là đạo Cao Đài.⁽⁴⁾

hoàng khai 弘開 (*extensive development; extensively developed*): Mở mang rộng khắp.

⁽⁴⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy là “*đạo Cao Đài nói tắt, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói nguyên văn*”. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-01 Tân Hợi (Thứ Tư 10-02-1971).

Nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai 一願大道弘開: Hiểu theo nghĩa thụ động tức là trước tiên cầu nguyện cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hoàng khai (*Firstly, we pray for the extensive development of the Great Way of the Third Universalism*). Hiểu theo nghĩa chủ động tức là trước tiên chúng con xin hứa nguyện hoàng khai Đại Đạo. (*Firstly, we pledge to extensively develop the Great Way of the Third Universalism*).

Câu 2:

nhì nguyện 二願 (*Secondly, we vow that*): Thứ nhì, xin hứa nguyện.

phổ độ chúng sanh 普度眾生 (*saving all sentient beings*): Cứu giúp tất cả chúng sanh đều được giải thoát.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh 二願普度眾生 (*Secondly, we vow to saving all sentient beings*): Điều thứ hai xin hứa nguyện cứu giúp tất cả chúng sanh đều được giải thoát.

Câu 3:

tam nguyện 三願: Thứ ba, xin cầu nguyện (*Thirdly, we pray for*).

xá tội 赦罪 (*forgiving sins*): Tha thứ tội lỗi, tha tội.

đệ tử 弟子 (*disciple[s]*): Học trò, tiếng môn đệ tự xưng.

Tam nguyện xá tội đệ tử 三願赦罪弟子 (*Thirdly, we pray to God for the forgiveness of our sins*): Thứ ba, xin cầu nguyện Thầy tha tội chúng con.

Câu 4:

tứ nguyện 四願 (*Fourthly, we pray for*): Thứ tư, xin cầu

nguyện.

thiên hạ 天下 (*the whole world*): Toàn cõi thế gian.

thái bình 太平 (*peaceful*): An ổn, yên lành.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình 四願天下太平 (*Fourthly, we pray for the peace of the whole world*): Thứ tư, xin cầu nguyện cho thế gian thái bình.

Câu 5:

ngũ nguyện 五願 (*Fifthly, we pray for*): Thứ năm, xin cầu nguyện.

Lưu ý: Hai chữ *Ngũ Nguyện* ở nhan đề lại có nghĩa là năm lời cầu nguyện (*The Five Vows*).

thánh thất 聖室 (*holy house*): Nhà thánh; nơi thờ Đức Cao Đài, cũng là nơi tín đồ Cao Đài sinh hoạt, hành đạo, tu học.

an ninh 安寧 (*repose*): Yên ổn, thanh tịnh.

Ngũ nguyện thánh thất an ninh 五願聖室安寧 (*Fifthly, we pray for the repose of our holy house*): Thứ năm, xin cầu nguyện cho thánh thất được an ninh.

TỔNG LUẬN

1. Khi nguyện Đại Đạo hoằng khai, người tín đồ Cao Đài hãy ra sức phổ thông, phổ truyền giáo lý để hoằng khai (phát triển) Đại Đạo, và muốn cho Đại Đạo hoằng khai (phát triển) thì hãy chăm lo phổ độ chúng sanh. (Vây, câu nguyện thứ nhứt và câu nguyện thứ hai không tách rời nhau.)

2. Khi nguyện phổ độ chúng sanh (*độ tha*), hãy hiểu rằng mỗi một người là một phần tử của chúng sanh, và bản thân mỗi người còn là tập hợp của vô số chúng sanh (là các tế

bào). Vây, phổ độ chúng sanh thì điều căn bản là hãy cứu độ lấy chính mình (*tự độ*). Thân mình không độ, lại độ thân ai? (*Ngô thân bất độ, hà thân độ? 吾身不度, 何身度?*)

3. Khi nguyện xin Thầy tha tội bản thân, người tín đồ nên biết tha thứ lỗi lầm kẻ khác. Tâm hỷ xả, bao dung giúp cho cộng đồng đoàn kết, nội bộ khỏi bất hòa, chung tâm chung sức cùng lo phổ độ chúng sanh; vậy cũng là góp phần cho thiên hạ thái bình và thánh thất an ninh.

4. Khi nguyện thiên hạ thái bình, người tín đồ còn ý thức không làm tổn hại đến sự an bình của cộng đồng chung quanh mình, góp phần cho chúng sanh an vui; vậy cũng là cách phổ độ chúng sanh.

5. Khi nguyện thánh thất an ninh, mỗi thành viên trong một thánh sở hay tổ chức Cao Đài hãy ý thức gìn giữ cho cộng đồng mình không bị rạn nứt vì khẩu đảo. Là một phần tử của “thiên hạ”, thánh thất an ninh sẽ góp phần cho thiên hạ thái bình.

Hơn nữa, thánh thất là nơi thờ Đức Thượng Đế, nơi tín đồ tu học và hành đạo. Thánh thất hiểu sâu xa hơn còn là thân mạng mỗi tín đồ, trong đó có Thượng Đế nội tại (*immanent God*). Khi nguyện thánh thất an ninh, người tín đồ hãy biết bảo trọng mạng sống, vì mất mạng sống thì không còn xác thân làm phương tiện tu hành, lập công bồi đức, cũng không thể phổ độ chúng sanh hay hoằng khai Đại Đạo.

Ngũ nguyện tuy năm mà chung quy một lý. Nguyện ở đây không phải chỉ là cầu xin tha lực và đợi chờ sự ban bố của Ông Trên. Nguyện còn có nghĩa tự nhắc nhở mình vào bốn thời cúng trong ngày, tâm tâm niệm niệm thực thi điều bản thân mong muốn (*nguyện*). Trong tha lực có tự lực, đó là một giá

trị nhân bản (*humanistic value*) trong phương pháp tu hành của đạo Cao Đài.

PHỤ ĐÍNH

THÁNH GIÁO DẠY VỀ NGŨ NGUYỆN

1. Về câu nguyện thứ năm:

Đức TAM TRẦN OAI NGHIÊM QUAN ÂM NHƯ LAI dạy:

Câu nguyện chót là “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”. Thông thường, chư hiền đệ muội hiểu nghĩa rất hẹp là cầu nguyện cho thánh thất là chỗ thờ phượng được an ninh. Nếu hiểu như vậy thôi thì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không cần phải nêu câu ấy lên để mà làm chi.

(...)

Chư hiền đệ muội phải hiểu như thế này: Thánh thất gồm có Bát Quái, Cửu Trùng, và Hiệp Thiên Đài. Thánh thất cũng là tượng trưng cho hình thể Chí Tôn Đại Từ Phụ, trong đó có cả từ Thượng Đế đến vạn linh. Một tổ chức rộng lớn như vậy cũng thể hiện cho càn khôn vũ trụ. Muốn cho càn khôn vũ trụ được điều hòa như nguyệt tinh tú, Thượng Đế phải nắm giữ quyền pháp. Cũng như điều hành guồng máy đạo, một tổ chức từ nhỏ đến lớn cũng phải có quyền pháp. Nếu không quyền pháp điều hành vận chuyển thì các khối tinh cầu trong vòng luân chuyển sẽ đụng nhau, thì vũ trụ này mất an ninh. Còn các phần hành của mỗi tổ chức không theo quyền pháp thì tổ chức đó bị loạn.

(...)

Giờ đây Bần Đạo trở lại câu nguyện thứ năm.

Thánh thất cũng tượng trưng cho lớn nhất là vũ trụ, nhỏ nhất là bản thân cá thể của con người, cho đến từ ⁽⁵⁾ cá thể côn trùng thảo mộc, bò bay máy cưa nữa. Nếu vũ trụ chẳng an ninh, cơ sanh hóa không thể trưởng thành. Guồng máy cai trị nhà nước nếu chẳng an ninh thì xáo trộn từ đầu não chỉ huy đến hạ tầng quần chúng. Gia đình nếu chẳng an ninh thì làm sao an cư lạc nghiệp, hạnh phúc được? Bản thân nếu chẳng an ninh thì đời người như mất hết chín phần mười. Như vậy, an ninh là nhu cầu cần thiết cho tất cả mọi giới, mọi lãnh vực.

Chư hiền đệ muội là người tầm đạo tu thân, cũng hoài vọng an ninh. Nếu thậm đa tửu nhục thì ngũ tạng, lục phủ mất an ninh. Nếu thậm đa sắc dục thì bản thân cũng mất an ninh.

Nói rộng ra một chút: Như người sử dụng các loại xe không thi hành đúng luật đi đường, đó là tự mình làm mất an ninh cho mình.

Trên đường đạo hoặc đường đời cũng thế, nào khác chi đâu. Mọi sự kiện xảy đến cho mình, đa số là tự mình gây nên, chỉ thiếu số từ ngoại cảnh đưa đến mà thôi. Cái ngoại cảnh ấy cũng do ảnh hưởng phần nội tâm mà ra, chớ không hoàn toàn là rủi ro từ đâu đưa đến. Nếu thiếu đức, ngoại cảnh mới xâm vào.

Chư hiền đệ muội thử nghĩ: Có bao giờ những người chân tu đạo đức mà lại gặp những bạn tửu nhục, đạo tặc đến rủ ren? Hay trái lại, có bao giờ những người đổ bác,⁽⁶⁾ đạo tặc mà có người bạn văn nhân, sĩ khí đến? Như vậy là nội tâm mỗi

⁽⁵⁾ từ (*each, every*): Từng, mỗi một.

⁽⁶⁾ đổ bác 賭博 (*gambling*): Cờ bạc.

người được thuần chân, đúng đắn sẽ có ngoại cảnh an lành, tốt đẹp trợ duyên. Nội tâm sẵn dành chỗ phụng thờ Thượng Đế, hoài bão những việc làm của Thượng Đế thì không còn chỗ nào trống để tà mị lấn chen.

(...)

Nói như vậy để những ai là người tu thân lập đức, hành đạo độ đời nên hiểu cương vị của mình mà làm cho đúng mức của nó. Hễ tu thì phải làm cho đúng nghĩa của người tu. Nếu làm sai tôn chỉ, mục đích của nó, đó là tự mình làm mất an ninh cho mình cũng như cho tập thể. Dầu có nguyện năm bảy trăm câu cũng chẳng ích gì, lựa là ⁽⁷⁾ một câu.⁽⁸⁾

2. Về cả năm câu nguyện:

2.1. Đức VẠN HẠNH THIÊN SƯ dạy:

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.

Tam nguyện xá tội đệ tử.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình.

Ngũ nguyện thánh thất an ninh.

Năm lời nguyện ấy đã định đoạt đến cho bất cứ ai mang mặc lấy danh từ học đạo, hành pháp.⁽⁹⁾

2.2. Đức QUAN ÂM BỒ TÁT dạy:

Còn phần trước khi kết thúc của thời cúng là năm câu nguyện.

⁽⁷⁾ **Lựa là:** Nói chỉ là.

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 02-3-1969).

⁽⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 15-12 Mậu Thân (Thứ Bảy 01-02-1969).

“Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.” Thử hỏi hoằng khai là gì? Có phải phát triển, khai phóng, mở rộng từ cơ sở đến giáo lý cho quảng đại quần chúng hiểu biết và làm theo hay chăng? Chớ không có nghĩa là đóng khung trong hình thức nhỏ hẹp như một Hội Thánh, một thánh thất hoặc tịnh thất để cho một thiểu số người mà dám gọi là Đại Đạo hoằng khai.

“Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.” Phổ độ có nghĩa là mở rộng cùng khắp, độ rồi chúng sanh tu thành chánh quả, không phân biệt màu da chủng tộc và tông phái, chớ không có nghĩa là chỉ nói đi nói lại bao nhiêu đó cho người tín hữu Cao Đài mà thôi.

“Tam nguyện xá tội đệ tử.” Câu ấy nói lên cho người tín hữu tự nhận mình đã trải qua nhiều kiếp, từ loài khoáng sản chuyển mình đến thảo mộc, thú cầm mới đến loài người trong bánh xe tiến hóa. Trải qua nhiều kiếp, con người đã gây nhiều nghiệp xấu, mà nghiệp xấu tức là tội lỗi. Do đó, trước Thiên bàn, gần mãn giờ cúng, cầu xin Thượng Đế giải trừ tội lỗi nghiệp chướng tiền khiên, và cũng dạy cho người tín hữu phải có đức độ khoan dung, tha thứ mọi lỗi lầm từ kẻ khác đối với mình để thể hiện lòng bác ái vô biên của Thượng Đế. Mình có tha thứ kẻ khác lầm lỗi với mình để thân thiện, giác ngộ, dìu dẫn họ lại đường chánh giáo thì Thượng Đế mới xá lỗi tiền khiên của mình.

Vậy, còn câu “Tứ nguyện thiên hạ thái bình”. Có phải là lòng thương người thương vật của người tín hữu Cao Đài, muốn cho nhân loại được an hưởng trong cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp? Và cũng gọi cho người tín hữu hiểu rằng không phải cảnh thái bình tự nhiên ai đem đến bố thí cho nhân loại, mà phải nhân loại tự tạo lấy cho mình. Muốn được thái bình, trước nhất, mọi người phải lương thiện, có đức tánh công

bằng của Nho Giáo (những gì mình không muốn thì không làm việc ấy cho người khác);⁽¹⁰⁾ có đức tánh bác ái của đạo Lão (là lòng thương đời vô biên, không điều kiện, mong dìu dắt họ lại đường chánh lẽ chơn, thương mọi người như thương gia đình quyến thuộc mình, dầu kẻ ấy là thù địch với mình); phải có đức từ bi của đạo Phật (luôn luôn khởi lòng trắc ẩn trước nỗi đau khổ của người khác mà tìm phương ban vui cứu khổ cho họ). (...)

Những giáo lý do Chí Tôn đã vạch sẵn mà người đạo Cao Đài không đem phổ truyền cùng khắp, tìm cách cảm hóa, phổ độ người đời biết được. Đừng ý vào câu “Hữu xạ tự nhiên hương”. Đó là điều kiện đem lại thiên hạ thái bình. Chớ trong lúc nhân sanh chưa hiểu đạo, chưa có công bằng, chưa có lòng thương kẻ khác, một xã hội toàn đa số là người bất lương, giàu hiếp nghèo, mạnh lấn yếu, y chúng hiếp cô, khôn hiếp dại, điều ngoa xảo trá, xây dựng vinh hoa phú quý trên cảnh đau khổ cùng đing và xương máu của kẻ khác, thử hỏi xã hội như vậy có đem lại được cảnh thái bình cho thiên hạ không? Đó là câu nguyện thứ tư, nhắc đến nhiệm vụ nặng nề căn bản của người tín hữu Cao Đài.

Còn câu “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”. Thánh thất nơi đây không có nghĩa nhỏ hẹp riêng của ngôi thánh thể thờ Đức Chí Tôn gồm Bát Quái, Cửu Trùng, và Hiệp Thiên. Ngoài cái nghĩa nhỏ hẹp ấy lại còn có nghĩa rộng hơn nữa.

Thánh thất là nhà thánh. Hễ nhà thánh là nhà của chư thánh hội họp, thảo luận mọi việc theo thánh ý để hành thánh

⁽¹⁰⁾ Luận Ngữ (12:2): Kỳ sở bất dục, vật thi ư nhân. 己所不欲, 勿施於人. (Everything you would like men to do to you, do also to them. / Do unto others as you would have done unto you.)

sự đúng theo tôn chỉ Đại Đạo. Đừng tưởng rằng mình còn phạm trần nhục thể, không khi nào dám nghĩ đến nghĩa ấy. Vì người tín hữu mà hằng ngày thảo luận, âu lo việc làm theo thánh ý, mở mang được thánh tâm để thực hành được thánh sự, đó là thánh tại phạm rồi còn gì nữa.

(...) Chỉ e rằng mình ở trong nhà thánh, nhưng ý còn phạm phu tục tử, hờn giận, ghen ghét, đố kỵ, ố nhờn thắng kỷ,⁽¹¹⁾ nói việc chẳng lành, làm việc chẳng lành, như vậy mới không xứng đáng là chớ.

Câu này nghĩa lý còn dài hơn nữa, nhưng hôm nay Bàn Đạo chỉ nói những khía cạnh gần nhất đời sống chư hiền đệ muội đó thôi. Đừng tìm kiếm đâu xa, chỉ chung quanh mấy bài kinh nhật tụng, tìm hiểu đầy đủ nghĩa lý và thực hành cho đúng là đắc đạo tại trần.⁽¹²⁾

2.3. Đức TÁ QUÂN VĂN DUYỆT (tức Lê Đại Tiên) dạy:

Này chư Thiên mạng sở tại! Nghe Lão có đôi ý kiến để chư Thiên mạng, thiện tín nơi đây cụ thể những câu tâm nguyện hằng ngày. Này chư hiền!

Nhứt nguyện: Muốn cho Đại Đạo được hoằng khai, căn bản cụ thể là chư Thiên mạng phải củng cố nội bộ, xây dựng tổ chức truyền bá đạo pháp. Việc đó chư Thiên mạng làm đến đâu?

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh: [Muốn phổ độ chúng sanh, tức hóa nhân, thì trước phải chánh kỷ.] Mà chư hiền có chánh kỷ hóa nhân đúng mức chưa?

⁽¹¹⁾ ố nhờn thắng kỷ 惡人勝己 (hating others because they are better): Ghét người khác (vì họ) hơn mình.

⁽¹²⁾ Thánh thất Tây Thành, 12-3 Kỷ Dậu (Thứ Hai 28-4-1969).

Tam nguyện xá tội đệ tử: Tu thân, chánh kỷ hóa nhơn được thành tựu thì chẳng những đệ tử được xá tội mà cứu huyên thất tổ cũng được siêu thăng.

Tứ nguyện thiên hạ thái bình: Muốn thái bình thì tâm phải bình. Có bình tâm đi đến chỗ hòa thì tự nhiên nó sẽ đem lại thái bình.

Ngũ nguyện: Thánh thất muốn được an ninh thì nội bộ phải đoàn kết, nhứt tâm tận lực làm cho nền tảng được vững chắc mới bảo đảm được cho cái nhà. Muốn Đại Đạo quy nguyên⁽¹³⁾ mà mảnh tâm của con người rời rạc thì làm sao quy nguyên Đại Đạo, phổ hóa đại đồng, có phải vậy chăng?⁽¹⁴⁾

2.4. Đức ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN dạy:

Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyện ở những câu:

“Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai”, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hoằng khai cho mình.

“Nhị nguyện phổ độ chúng sanh”, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

“Tam nguyện xá tội đệ tử”, nhưng cứ cố chấp những lỗi lầm, sơ suất của kẻ dưới bề trên, và đồng đạo chung quanh,

⁽¹³⁾ Theo Cao Đài Thống Nhứt (nay không còn hành đạo), câu nguyện 5 đọc là: *Nam mô ngũ nguyện Đại Đạo quy nguyên*. Trong trích dẫn trên, Đức Lê Đại Tiên vừa giảng câu “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”, vừa giảng câu “ngũ nguyện Đại Đạo quy nguyên”.

⁽¹⁴⁾ Thánh tịnh Thanh Liên Đàn, 01-7 Kỷ Dậu (Thứ Tư 13-8-1969).

hoặc cầu khẩn Đức Chí Tôn tha thứ tội tình mà hằng ngày mình đã tạo.

“Tứ nguyện thiên hạ thái bình”, nhưng cứ để cõi lòng phóng túng băng quơ, chông chứa nhiều thị dục⁽¹⁵⁾ làm bợn nhơ do lớp bụi vô minh, không lúc nào được bình thản và sáng suốt.

Và cuối cùng, “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”, mà cứ xem thường tôn ti trật tự trong đạo, chơn truyền luật pháp lảng lơ, không chặt chẽ nghiêm minh.

Như thế ấy, dầu cho chư hiền đệ muội phải tụng suốt hằng bao nhiêu kiếp cũng chẳng khác nào nhai đi nhai lại cái bài khô khan vô bổ.

Để xây dựng lại vấn đề thực hiện thống hợp tâm linh tư tưởng, cần phải vạch rõ ý nghĩa cốt yếu của nó mới mong ý thức rõ ràng trên sự tụng niệm thường nhứt.

Câu thứ nhứt: (...) Đạo là lý hư vô bàng bạc trong không thời gian và tất cả, thì tất cả đều hấp thụ sự sinh tồn bởi Đạo, cái Đạo vĩ đại vô cùng vô tận không kể xiết được.

Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo.

Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.

Đối với mình, không hủy hoại tinh thần hay thể xác bằng

⁽¹⁵⁾ **thị dục** 嗜慾 (*desire*): Lòng ham muốn. *Thị* và *dục* cùng nghĩa là ham muốn.

những vật dục sở tế, khí bẩm sở câu,⁽¹⁶⁾ cũng là đúng theo Đạo.

Đối với gia đình, xử cho ra vẻ vai trò của mình trong địa vị cũng là đúng theo Đạo.

Đối với xã hội như quần, đều lấy lòng nhân, trung nghĩa mà xử thế tiếp vật,⁽¹⁷⁾ không gây thù chác oán, chỉ đem tình thương của con người chính danh ban rải cho con người. Đó cũng là tuân theo Đạo.

Và hơn nữa là đem chơn truyền pháp nhiệm của Đấng Cha Lành gieo rải cho toàn cả sanh linh tiếp nhận hầu trở về lẽ sống tự nhiên của nhân bản, của chơn như Phật thế. Ấy cũng là Đạo.

Hễ nói đến Đạo thì nói đến cái tiết điệu hoạt động của Đạo như thế nào.

Đấng Tạo Hóa sanh thành vạn vật bởi cái Đạo bao trùm, nên Ngài dưỡng dục quần sinh rất đầy đủ mà rất tự nhiên, không ai hay biết để tán thưởng, ca tụng Ngài. Như mặt trời, mặt trăng giúp vạn vật sống còn theo định luật tự nhiên mà mặt trời, mặt trăng có bao giờ nói mình đã làm gì đâu, có bảo thiên hạ, vạn vật khen ngợi mình đâu.

Dòng nước từ biển cả cứ chảy luân lưu vào những sông ngòi, suối lạch. Chỗ nào trũng thấp không có nước, tức thì

⁽¹⁶⁾ **vật dục sở tế, khí bẩm sở câu** 物欲所蔽, 氣稟所拘: Sự che lấp vì các ham muốn vật chất, sự trói buộc do tính khí bẩm sinh. (Tế là che lấp. Câu là hạn chế, giới hạn, gò bó. Bẩm là có sẵn từ khi sinh ra. Tạm hiểu khí bẩm là tính di truyền.)

⁽¹⁷⁾ **xử thế tiếp vật** 處世接物 (conducting oneself in society): Sống ở đời, ăn ở với đời, cư xử với mọi người.

nước cứ êm đềm chảy đến đó cho đầy đủ mới thôi. Có bao giờ nước lại ham chảy lên gò, lên chỗ cao tốt đâu.

Tất cả những tác vi điển hình trên đều là hành động của Đạo.

Là người tín đồ Đại Đạo của Trời, phải noi theo hành động của Trời mà làm theo. Khi làm được tức thị ⁽¹⁸⁾ đã thể hiện, đã hoằng khai được Đạo vậy. Và khi đã thực hiện được lẽ Đạo ấy rồi, sự phổ độ chúng sanh ở câu thứ hai rất dễ dàng.

Chúng sinh nói chung, từ loài khoáng vật tế vi đến loài vĩ đại như con người.

Về chúng sinh rất nhỏ, ngay ở nội thân mình đã có. Muốn phổ độ chúng thì mình không nên lạm dụng lãng phí những tế vi tế bào trong thân người, vì nhờ nó mà thể xác được tồn tại, được sống còn để lo chuyện cao xa.

Về chúng sinh vĩ đại, từ động vật, con người, muốn phổ độ thì phải tận dụng quyền năng nhân bản của mình đối với mọi vật mọi người. Không đánh đập, sát hại, gây gổ với bất cứ vật gì, người nào. Trái lại còn phải ban bố cho họ những tình thương Thượng Đế mình vốn có sẵn bao giờ mà trên kia đã nói.

Câu thứ ba là đối với tất cả mọi người chung quanh mình, từ trên tới dưới, từ lớn tới nhỏ, đều sẵn sàng khoan dung tha thứ, dù ai gây lỗi với mình cũng vậy. Một khi biết cầu khẩn Đấng Chí Tôn tha thứ lỗi lầm của mình thì mình hãy thể theo lòng từ ái của Ngài để tha thứ anh em, chị em của mình tại thế gian, vì thế gian không phải là một cõi hoàn toàn thánh thiện nên lắm điều còn ô trược, tránh sao những vấp phải lỗi lầm,

⁽¹⁸⁾ **tức thị** 卽是: Chính là, ấy là.

hoặc nhiều hay ít cũng vậy.

Sự tha thứ, lòng từ bi bác ái không giới hạn ở đâu, nghĩa là vô biên, chứ chẳng phải chỉ tha thứ, chỉ bao dung rộng lượng đối với hạng dưới tay thân thuộc của mình, mà không tha thứ bao dung đối với kẻ thù nghịch, vì là con chung của Đấng Cha Lành. Với người bất nhơn thất đức, có được hạnh như vậy thì mới tiến được giai đoạn nữa là câu thứ tư “Thiên hạ thái bình”.

Mỗi khi cõi lòng của con người (thiên hạ) không còn chút vương vấn những thiên vị, những cố chấp bởi hoàn cảnh, bởi nhơn tâm chung quanh, thì tự nhiên sự bình tĩnh được phục hồi, không bận không lo điều sái lẽ phải, điều thiệt lẽ hơn, cái thua cái được, niềm thương nỗi ghét. Thái bình lúc ấy được lập lại nơi nội tâm con người vậy. Rồi con người cộng với hằng hà sa số con người thì ra thiên hạ. Khi mỗi thiên hạ được thái bình trong lòng rồi, thì thế giới thiên hạ đang ở sẽ không còn hỗn loạn, phân ly, xung đột với nhau nữa.

Sở dĩ con người không được thái bình nội tại vì có tâm chấp trước. Một đảng thì muốn về niết bàn cực lạc hay Bạch Ngọc Kinh hưởng phước đời đời, một đảng thì muốn công danh chức tước, vinh thân phì gia,⁽¹⁹⁾ và đảng khác lại sợ sa vào địa ngục chịu đày đọa đời đời. Hỏi vậy, con người nhiều dục vọng tham lam như thế, nội tâm có được thái bình chăng? Dĩ nhiên là không vậy.

Thiên hạ được thái bình rồi, bây giờ nói thêm câu cuối cùng “Thánh thất an ninh”.

⁽¹⁹⁾ **vinh thân phì gia** 榮身肥家: Bản thân được vinh hiển; gia đình phát đạt, thịnh vượng (thường dùng với hàm ý chê trách).

Mới nghe qua, những ai tò mò đều lấy làm ngạc nhiên, tại sao Đại Đạo Cao Đài chủ trương vạn giáo nhứt lý, đại đồng nhơn loại mà lại chỉ cầu nguyện cho một thánh thất, thánh tịnh, Hội Thánh mình an ninh, yên lành thôi? Không phải vậy đâu, chư hiền đệ muội.

Như chư hiền đệ muội đã hiểu, thánh thể của Đức Chí Tôn gồm có ba phần: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, và Cửu Trùng Đài. Ba đài hiệp lại thành một thánh thể chung. Thánh thể hữu hình tượng trưng cho guồng máy Đại Đạo xoay vần trong càn khôn thế giới. Vì nếu hầu hết con người trên thế gian đều chấp nhận cái hình thức thánh thể ấy để đạt được cái lý siêu nhiên của Trời, của Đạo, gìn giữ được những báu vật cố hữu của con người muôn thuở, thì càn khôn sẽ được an tịnh, thế giới sẽ được an ninh, phong hòa vô thuận,⁽²⁰⁾ thế giới an khương.

Đó là ý nghĩa năm câu nguyện của Đạo Thầy thường tụng niệm.⁽²¹⁾

2.5. Đức NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN dạy:

Nam mô:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,
Vì đời nào ngại chông gai dữ lành.
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh,
Quyết đem chánh pháp đạo lành giáo dân.
Tam nguyện tha tội bản thân,
Khoan dung phá chấp cõi trần vô minh.

⁽²⁰⁾ **phong hòa vô (vũ) thuận** 風和雨順 (favourable weather; good weather for crops): Gió hòa mưa thuận; cùng nghĩa với **phong điều vũ (vũ) thuận** 風調雨順.

⁽²¹⁾ Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (Thứ Ba 18 rạng Thứ Tư 19-8-1970).

*Tứ nguyện thiên hạ thái bình,
Tịnh tâm chế động muôn nghìn trái oan.
Ngũ nguyện thánh thất bằng an,
Hai ngày sóc vọng đăng đàn thuyết minh.
Trấn an tâm đạo nhân sinh,
Vai trò un đức đức tin đạo đồng.⁽²²⁾*

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SƯ
HUỆ KHẢI soạn – LÊ ANH MINH hiệu đính

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BẮC TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH
Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN

Bìa 4: Huệ Khải Văn Tập 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Trình bày sách & vẽ bìa: THIÊN TÂM (MINH LƯU)

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 630-2022/CXBIPH/48-16/HĐ

Số QĐXB của NXB: 456/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 15-3-2022.

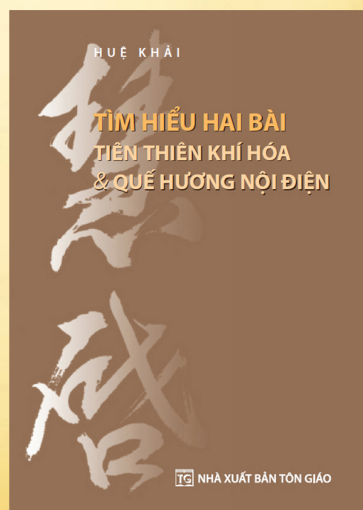
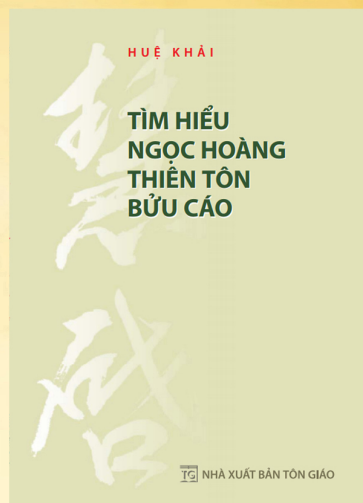
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-361-126-7

Thỉnh kinh sách ấn tống, gửi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com

⁽²²⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (Thứ Tư 14-4-1976).

Cùng một người viết
và cùng một chủ đề
tìm hiểu kinh cúng tứ thời



HUỆ KHAI

TÌM HIỂU BÀI KINH HỒN ĐỘN TÔN SỰ

NXB HỒNG ĐỨC

Hướng về
100 năm đạo Cao Đài
(1926-2026)

Quyển 138-1 trong
CHƯƠNG TRÌNH
CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-361-126-7



Sách ần tổng. Không bán.
Free Gift Book. Not for Sale.